

TUẦN 1, 2, 3

Ngày soạn: 1/9/2023

TIẾT 1, 2, 3 : TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG GIA ĐÌNH, DÒNG HỌ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Về năng lực: Học sinh được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học:* Tự giác học tập, lao động để giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ.
- *Điều chỉnh hành vi:* Có những việc làm cụ thể, phù hợp để giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ.
- *Phát triển bản thân:* Kiên trì mục tiêu, thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện đạo đức phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ.
- *Tư duy phê phán:* Đánh giá, phê phán được những hành vi chưa giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ.

(HSKT: Nhận biết những hành động cho thấy được tinh thần giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ)

2. Về phẩm chất:

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- *Yêu nước:* Tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ.
- *Trách nhiệm:* Hành động có trách nhiệm với chính mình, với truyền thống của gia đình, dòng họ, có trách nhiệm với đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*, tư liệu báo chí, thông tin, clip (khởi động).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

Tiết 1

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết về truyền thống của gia đình, dòng họ để chuẩn bị vào bài học mới.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “**Thăm thâu âm nhạc**”

- Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu: Tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ là gì? Biểu hiện của tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ? Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống của gia đình, dòng họ?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “Thẩm thấu âm nhạc” Luật chơi: - Học sinh xem video bài hát “Lá cờ” (sáng tác: Tạ Quang Thắng) và trả lời câu hỏi. - Bài hát nói về truyền thống nào của gia đình Việt Nam? Hãy chia sẻ hiểu biết của em về những truyền thống đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Giáo viên: hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi, gợi ý nếu cần. - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học <i>Tự hào về truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ chính là giữ gìn nguồn gốc bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời tạo điều kiện cho sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước. Để thực hiện nhiệm vụ cao quý ấy không ai khác chính là thế hệ thanh niên Việt Nam ngày nay. Vậy tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ là gì? Biểu hiện của tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ như thế nào cô và các em sẽ cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.</i>	
2. Hoạt động 2: Khám phá Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Truyền thống gia đình, dòng họ a. Mục tiêu: - Nêu được khái niệm tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ. - Liệt kê được các truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ. b. Nội dung: - GV giao nhiệm vụ cho đọc thông tin, tình huống. - GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi để hướng dẫn học sinh: Tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ là gì? Các truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ. c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm dự án của các nhóm: Phiếu bài tập.	

d. Tổ chức thực hiện:	
Nhiệm vụ 1.1: Khái niệm truyền thống gia đình dòng họ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập Gv yêu cầu học sinh đọc thông tin Gv chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ, nhóm và trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập <u>Câu 1:</u> Dòng họ Đặng ở Sơn La có truyền thống gì? <u>Câu 2:</u> Em có suy nghĩ gì về truyền thống của dòng họ Đặng? <u>Câu 3:</u> Từ thông tin trên và những hiểu biết của bản thân, em hiểu thế nào là truyền thống gia đình, dòng họ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề	I. Khám phá 1. Truyền thống gia đình, dòng họ * Khái niệm - Truyền thống gia đình, dòng họ là những giá trị tốt đẹp mà gia đình, dòng họ đã tạo ra và được giữ gìn, phát huy từ thế hệ này sang thế hệ khác. - Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ là thể hiện sự hài lòng, hãnh diện về các giá trị tốt đẹp mà gia đình, dòng họ đã tạo ra.
Nhiệm vụ 1.2: Các truyền thống tốt đẹp Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “Thử tài hiểu biết” Luật chơi: + Giáo viên chia lớp thành hai đội. Mỗi đội cử 5 bạn xuất sắc nhất. + Thời gian: Trò chơi diễn ra trong vòng hai phút. + Cách thức: Các thành viên trong nhóm thay phiên nhau viết các đáp án lên bảng, nhóm nào viết được nhiều đáp án đúng hơn thì nhóm đó sẽ chiến thắng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS: nghe hướng dẫn. Hoạt động nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác. Tham gia chơi trò chơi nhiệt tình, đúng luật. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 3: báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh chơi trò chơi “Thử tài hiểu biết”.	* Các truyền thống tốt đẹp - Một số truyền thống gia đình, dòng họ: truyền thống tốt đẹp về văn hoá, đạo đức, lao động, nghề nghiệp, học tập,...

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét phần trình bày nhóm bạn - GV sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. <i>Giáo viên giới thiệu:</i> Chú ý phân biệt truyền thống tốt đẹp với các hủ tục. <i>Truyền thống:</i> Là những giá trị tinh thần được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của một cộng đồng. Nó bao gồm những đức tính, tập quán, tư tưởng, lối sống và ứng xử được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. <i>Hủ tục là phong tục, tập quán đã lỗi thời, lạc hậu, làm cản trở tiến trình phát triển. Lâu nay, những hủ tục thường mang màu sắc mê tín đã trở thành vật cản, là gánh nặng truyền đời đối với các cộng đồng người, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số.</i> HSKT nhận biết được các truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ.	
2. Hoạt động 2: Khám phá Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ a. Mục tiêu: - Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống của gia đình, dòng họ b. Nội dung: - GV giao nhiệm vụ cho đọc thông tin. - GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập để hướng dẫn học sinh: Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống của gia đình, dòng họ? c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi thông qua thảo luận * Vòng chuyên sâu (3 phút) - Chia lớp ra làm 4 nhóm: - Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3,4 (4 nhóm). - Giao nhiệm vụ: Nhóm I, III: Gia đình bạn Dung có truyền thống tốt đẹp nào? Bạn đã có thái độ và việc làm như thế nào đối với truyền thống đó? Nhóm II, IV: Gia đình bạn Nam có truyền thống tốt đẹp nào? Mọi người trong gia đình Nam đã có thái độ và việc làm như thế nào đối với truyền thống đó? * Vòng mảnh ghép (5 phút)	2. Ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ - <i>Truyền thống của gia đình, dòng họ giúp chúng ta có thêm kinh nghiệm, động lực, vượt qua khó khăn, thử thách và nỗ lực vươn lên để thành công.</i>

- Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới, số 3 tạo thành nhóm III mới, số 4 tạo thành nhóm 4 mới & giao nhiệm vụ mới:

1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu?
2. Việc tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ đã giúp ích gì cho Dung?
3. Việc duy trì nền nếp, gia phong đã đem lại điều gì cho gia đình Nam?
4. Theo em, truyền thống gia đình, dòng họ có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân, gia đình và xã hội?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc nhóm, cặp đôi, suy nghĩ, trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yêu cầu HS nhận xét câu trả lời.
- GV đánh giá, chốt kiến thức.

Giáo viên: Những giá trị, truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ sẽ là hành trang vững chắc cho mỗi người bước vào đời. Giúp mỗi chúng ta phát triển toàn diện hơn về mặt tư duy lẫn phong cách. Từ những truyền thống tốt đẹp đó chính là hành trang cho chúng ta sau này. Nhưng chúng ta cần rèn luyện như thế nào?

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình, dòng họ.

a. Mục tiêu:

- Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác.
- Liệt kê được các biểu hiện của tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho đọc thông tin, tình huống.
- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi để hướng dẫn học sinh: Giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ? Đề xuất được cách rèn luyện.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm dự án của các nhóm. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua kĩ thuật khăn trải bàn - GV: Chia lớp thành 6 nhóm Nhóm 1,5: Theo em, việc làm của Linh và gia đình sẽ mang đến cảm xúc như thế nào cho người thân? Nhóm 2: Em có suy nghĩ gì về mong muốn của bạn An? Nhóm 3,6: Từ việc làm của gia đình bạn Linh và bạn An, theo em mỗi người cần làm gì để giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ? Nhóm 4: Hãy nêu những việc làm biểu hiện không giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ? + Bước 1: Suy nghĩ độc lập: (2') + Bước 2: Chia sẻ với nhóm: (3') + Bước 3: Thống nhất trong nhóm và cử đại diện trình bày trước lớp. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe hướng dẫn, làm việc cá nhân, nhóm suy nghĩ, trả lời. - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc nhóm - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	3. Giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình, dòng họ Chúng ta cần tự hào, trân trọng, nối tiếp và gìn giữ truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ bằng hành vi và thái độ phù hợp.

Tiết 2+3

* Hoạt động chuyển tiếp (Khởi động)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.

- Học sinh cảm nhận được tình cảm, vai trò của gia đình với mỗi người.
- b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng bài hát “**Ba ngọn nến lung linh**”. Cảm nhận của em về tình cảm gia đình sau khi nghe và xem video bài hát.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS:
- + Học sinh xem video bài hát “Ba ngọn nến lung linh”
- + Cảm nhận của em về tình cảm gia đình sau khi nghe và xem video bài hát.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Giáo viên: hướng dẫn học sinh theo dõi video và trả lời câu hỏi, gợi ý nếu cần.
- Học sinh làm việc cá nhân, xem, suy nghĩ, trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh trao đổi theo bàn -> Cử người trình bày câu trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu nội dung bài học

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần Khám phá áp dụng kiến thức để làm bài tập.

b. Nội dung:

- Học sinh khái quát kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy.
- Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ...

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ...

1. Hoàn thành sơ đồ tư duy bài học.

2. Bài tập: Em hãy cùng các bạn trong lớp giới thiệu truyền thống gia đình, dòng họ bằng cách vẽ hoặc dán ảnh các thành viên trong gia đình của mình vào "cây truyền thống gia đình" theo mẫu. Sau đó, ghi chú thích về nghề nghiệp, đức tính, tư tưởng, lối sống,... được lưu truyền và gìn giữ từ nhiều đời nay. Em có mong muốn tiếp nối các truyền thống đó không? Vì sao? Hãy chia sẻ cùng các bạn trong lớp.

3. Bài tập: Em hãy tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về: hiếu thảo, hiếu học, yêu nghề, yêu thương. Chọn một câu ca dao, tục

III. Luyện tập

1. Bài tập tình huống

2. Những câu ca dao, tục ngữ, châm ngôn nói

ngữ ở trên mà em thích nhất và rút ra ý nghĩa của câu ca dao, tục ngữ ấy? Em đã thực hiện điều đó như thế nào?

- GV cho học sinh chơi trò chơi “Đổi mặt”

LUẬT CHƠI:

- Số người tham gia: 5 bạn

- Cách thức: Các bạn đứng vòng tròn. Lần lượt đọc câu ca dao, tục ngữ, châm ngôn về truyền thống tốt đẹp. (Không được đọc lặp lại câu của người khác.) Đến lượt, bạn nào không đọc được sẽ bị loại.

4. Bài tập: Em hãy xây dựng kịch bản và sắm vai xử lý tình huống sau:

Tình huống 1: Dòng họ Nguyễn Huy của Bình có truyền thống hiếu học. Hằng năm, cứ vào đầu năm học, dòng họ lại tổ chức trao phần thưởng cho con cháu đạt thành tích cao trong học tập và thi đỗ đại học. Năm nay, Bình không được nhận phần thưởng vì kết quả học tập của bạn chưa cao.

Tình huống 2: Gia đình Hải có nghề truyền thống làm đồ chơi Trung thu. ông nội bạn đã từng được vinh danh là nghệ nhân nổi tiếng và cha mẹ Hải vẫn tiếp tục say mê làm ra những chiếc mặt nạ, đèn ông sao, đèn lồng... và mong muốn Hải tiếp nối nghề truyền thống của gia đình. Có người khuyên Hải không nên theo nghề truyền thống của gia đình vì vất vả và không còn phù hợp với xu thế hiện nay nữa.

Tình huống 3: Gia đình Tuấn có truyền thống yêu nước, ông của bạn là lão thành cách mạng, bố đang làm việc trong quân đội. Tuấn rất tự hào về truyền thống gia đình mình nhưng lại muốn trở thành một doanh nhân, bởi theo Tuấn làm công việc gì mà có đóng góp cho đất nước cũng là tiếp nối truyền thống của gia đình. Tùng phản đối và cho rằng Tuấn phải tiếp nối công việc, nghề nghiệp được truyền từ đời ông, cha đến nay mới là tiếp nối truyền thống của gia đình.

Nhóm 1: Theo em, Bình cần làm gì để phát huy truyền thống hiếu học của dòng họ?

Nhóm 2: Nếu là Hải, em sẽ nói với người khuyên em như thế nào?

Nhóm 3: Em đồng tình với ý kiến của bạn nào? Vì sao?

LUẬT CHƠI:

Sắm vai ở tình huống, tập làm chuyên gia để trả lời.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, hoàn thành sơ đồ bài học.

- Với hoạt động nhóm: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức

về truyền thống tốt đẹp:

1. Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

2. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

3. Luyện mãi thành tài, miệt mài tất giỏi.

.....

3. Bài tập: Em hãy xây dựng kịch bản và sắm vai xử lý tình huống

Tình huống 1:

Theo em, Bình cần làm gì để phát huy truyền thống hiếu học của dòng họ: cố gắng nỗ lực trong học tập, rèn luyện đạo đức tốt.

Tình huống 2:

Nếu em là Hải, em sẽ nói với người khuyên em: "mặc dù truyền thống làm đồ chơi Trung thu của gia đình là vất vả nhưng đổi lại được đó là niềm vui của các bạn nhỏ được trọn vẹn, và đây cũng là truyền thống của gia đình nên em cũng sẽ tiếp tục theo chân ông bà cha mẹ để giữ truyền thống đó mãi về sau."

Tình huống 3:

Em đồng tình với ý kiến bạn Tùng. Vì truyền thống là những gì được lưu truyền từ đời này sang đời khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác thì

thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác. - Với hoạt động trò chơi: HS nghe hướng dẫn, tham gia. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm, trò chơi tích cực. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân, nhóm. - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. GV sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	mới được gọi là truyền thống.
4. Hoạt động 4: Vận dụng a. Mục tiêu: - HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống - Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học. b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm kiến thức thông qua trò chơi, hoạt động dự án.. c. Sản phẩm: Câu trả lời, phần dự án của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi trò chơi, hoạt động dự án ... + Trò chơi “Đoán ô chữ”: - Ô chữ thứ nhất: gồm 7 chữ cái nói về đơn vị xã hội gồm cha mẹ, con cái đôi khi có cả ông bà. => GIA ĐÌNH - Ô chữ thứ hai: gồm 6 chữ cái có nội dung: Chỉ toàn thể nói chung những người cùng huyết thống làm thành các thế hệ nối tiếp => DÒNG HỌ + Hoạt động dự án: Nhóm 1: Em hãy viết thư cho ông bà, bố mẹ trong gia đình để nói lên niềm tự hào của em về truyền thống gia đình, dòng họ và chia sẻ những việc em sẽ làm để phát huy những truyền thống tốt đẹp đó.	

Gợi ý: Thông qua bài viết; làm báo ảnh; làm áp phích hoặc làm video;...

Nhóm 2: Em hãy vẽ một bức tranh về ước mơ nghề nghiệp của em trong tương lai, tiếp nối truyền thống của gia đình, dòng họ.

Nhóm 3: Em hãy lập kế hoạch và thực hiện việc giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ của em theo bảng mẫu

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.
- Với hoạt động dự án: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm, trò chơi tích cực.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân.
- + Với hoạt động dự án: trao đổi, lắng nghe, nghiên cứu, trình bày nếu còn thời gian
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yêu cầu HS nhận xét câu trả lời.
- GV sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Nhiều gia đình, dòng họ có truyền thống tốt đẹp về học tập, lao động, nghệ thuật, văn hóa, đạo đức... Truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ tạo nên bản sắc riêng, tạo động lực và góp phần định hướng cho sự phát triển nhân cách tốt đẹp của mỗi cá nhân. Mỗi người cần trân trọng, tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ; biết giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, bằng những việc làm thiết thực, cụ thể. Cô tin là qua bài học ngày hôm nay, sẽ có rất nhiều tấm gương là con ngoan, trò giỏi, kế thừa được những truyền thống tốt đẹp của dân tộc để trở thành bông hoa ngát hương trong vườn hoa của thành công và hạnh phúc.

*** Hướng dẫn tự học:**

- GV hướng dẫn HS khái quát lại nội dung bài học.
- Hoàn thành các bài tập.
- Chuẩn bị chủ đề tiếp theo.

TUẦN 4, 5

NGÀY SOẠN: 23/9/2023

TIẾT 4, 5: CHỦ ĐỀ 2 – YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Về năng lực: Học sinh được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học:* Tự giác học tập, lao động, thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người.
- *Điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, những giá trị truyền thống của tình yêu thương con người. Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, điều chỉnh bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống nhằm phát huy giá trị to lớn của tình yêu thương con người.
- *Phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy những giá trị về tình yêu thương con người theo chuẩn mực đạo đức của xã hội. Xác định được lí tưởng sống của bản thân lập kế hoạch học tập và rèn luyện, xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân để phù hợp với các giá trị đạo đức về yêu thương con người.
- *Tư duy phê phán:* Đánh giá, phê phán được những hành vi chưa chuẩn mực, vi phạm đạo đức, chà đạp lên các giá trị nhân văn của con người với con người.
- *Hợp tác, giải quyết vấn đề:* Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm góp phần lan tỏa giá trị của tình yêu thương con người.

2. Về phẩm chất:

- *Yêu nước:* Tự hào về truyền thống nhân ái, đoàn kết tương trợ, tinh thần tương thân, tương ái của dân tộc.
- *Nhân ái:* Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tích cực chủ động tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để góp phần vun đắp giá trị của tình yêu thương con người.
- *Trách nhiệm:* Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để phát huy truyền thống yêu thương con người. Đấu tranh bảo vệ những truyền thống tốt đẹp; phê phán, lên án những quan niệm sai lầm, lệch lạc trong mối quan hệ giữa con người với con người.

HSKT: Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, những giá trị truyền thống của tình yêu thương con người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, ti vi, máy tính, giấy A4, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên GDCD 6, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

Tiết 1

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học. - Học sinh bước đầu nhận biết về tình yêu thương con người để chuẩn bị vào bài học mới. b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng quan sát tranh “Chia sẻ cùng miền Trung” và trả lời câu hỏi. - Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu: Tình yêu thương con người là gì? Biểu hiện của tình yêu thương con người? Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của tình yêu thương con người? c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua quan sát tranh “Chia sẻ cùng miền Trung” và trả lời câu hỏi. 1. Hình ảnh gợi em nhớ tới sự việc nào xảy ra ở nước ta? 2. Trước sự việc đó, Nhà nước và Nhân dân ta đã có những hành động gì? 3. Em hãy chia sẻ cảm xúc của mình trước những hành động đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - HS trao đổi theo bàn và cử người phát biểu. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. Câu 1: Hình ảnh trên đề cập đến hoạt động giúp đỡ chia sẻ đồng bào miền Trung bị lũ lụt năm 2020. Câu 2: Hoạt động của nhà nước và nhân dân ta giúp đỡ đồng bào miền Trung: Hỗ trợ về vật chất và tinh thần, quyên góp tiền và các vật dụng ủng hộ đồng bào miền Trung Câu 3: Chia sẻ với những đau thương mất mát mà đồng bào miền Trung gặp phải, rất trân trọng và tự hào về sự giúp đỡ của mọi người dân Việt Nam hướng về đồng bào nơi lũ lụt trong khó khăn hoạn nạn. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	

- GV nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học <i>Yêu thương con người là truyền thống quý báu của dân tộc, cần được giữ gìn và phát huy. Vậy yêu thương con người là gì? Biểu hiện của yêu thương con người như thế nào cô và các em sẽ cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.</i>	
2. Hoạt động 2: Khám phá Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Thế nào là yêu thương con người? a. Mục tiêu: - Nêu được khái niệm yêu thương con người. b. Nội dung: - GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin, cùng tìm hiểu nội dung thông tin nói về bé Hải An trong sách giáo khoa. - GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập để hướng dẫn học sinh: Yêu thương con người là gì? c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi của phiếu bài tập. GV yêu cầu học sinh đọc thông tin. GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu học sinh thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập. <u>Câu 1:</u> Bé Hải An có ước nguyện gì? Ước nguyện đó mang lại điều gì? <u>Câu 2:</u> Nhận xét ước nguyện của Hải An và việc làm của gia đình bé? <u>Câu 3:</u> Theo em như thế nào là yêu thương con người? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề	I. Khám phá 1. Khái niệm * Thông tin * Nhận xét: Câu 1. Ước nguyện của bé Hải An và gia đình bé đã hiến tặng giác mạc để trao ánh sáng cho người khác với mục đích cứu người, làm việc thiện. Câu 2. Ước nguyện đó thật cao cả, lớn lao và việc làm đó viết nên câu chuyện đẹp về lòng nhân ái, biết sống vì người khác, đem lại hạnh phúc cho người khác để sự sống mãi tiếp nối, trường tồn. Việc làm đó đã làm lay động, thức tỉnh hàng triệu trái tim con người Việt Nam. Câu chuyện là minh chứng cao đẹp về tình yêu thương con người. * Kết luận: <i>Yêu thương con người là quan tâm, giúp đỡ và làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những lúc</i>

	<i>gặp khó khăn, hoạn nạn.</i>
2. Hoạt động 2: Khám phá Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Biểu hiện của yêu thương con người a. Mục tiêu: - Liệt kê được các biểu hiện yêu thương con người. b. Nội dung: - GV giao nhiệm vụ cho học sinh quan sát tranh, tình huống. - GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập để hướng dẫn học sinh: Biểu hiện của yêu thương con người? c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm (Phiếu bài tập) d. Tổ chức thực hiện:	
Nhiệm vụ 2: Biểu hiện của yêu thương con người Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi sách giáo khoa. Em hãy quan sát những hình ảnh dưới đây và trả lời câu hỏi: 1. Tình yêu thương con người được biểu hiện như thế nào trong các mối quan hệ: Gia đình, nhà trường, xã hội. 2. Em cần làm gì để thể hiện tình yêu thương con người? 3. Em hãy nêu biểu hiện trái với yêu thương con người. * Phiếu bài tập: Tìm hiểu biểu hiện của tình yêu thương con người bằng cách hoàn thiện phiếu bài tập. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS: + Nghe hướng dẫn. + Hoạt động nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử bạn báo cáo kết quả, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS:	2. Biểu hiện của yêu thương con người - Yêu thương con người được thể hiện ngay ở những lời nói, việc làm và thái độ của mỗi con người trong cuộc sống hàng ngày. - Yêu thương con người được thể hiện bằng những việc làm cụ thể ở trong gia đình, nhà trường và ngoài xã hội. - Tình yêu thương con người thể hiện ở sự đồng cảm, chia sẻ, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau; tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện; biết tha thứ cho lỗi lầm của người khác; khi cần thiết có thể hi sinh quyền lợi của bản thân vì người khác;... * Biểu hiện trái với yêu thương con người: Nhỏ nhen, ích kỉ, thờ ơ trước những khó khăn và đau khổ của người khác, bao che cho điều xấu, vô cảm, vụ lợi cá nhân, đánh đập, sỉ nhục người khác.

- Trình bày kết quả làm việc nhóm. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét phần trình bày nhóm bạn - GV sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. <i>Giáo viên giới thiệu: Chú ý phân biệt yêu thương con người với lòng thương hại.</i> <i>HSKT nhận biết được các biểu hiện của lòng yêu thương con người</i>	
---	--

Tiết 2

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Giá trị của tình yêu thương con người.

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được giá trị của tình yêu thương con người.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin, quan sát tranh, tình huống
- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi và trò chơi để hướng dẫn học sinh: Ý nghĩa của yêu thương con người là gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi, câu hỏi.

Theo em, tình yêu thương con người có ý nghĩa như thế nào đối với người được nhận tình yêu thương và người thể hiện tình yêu thương với người khác?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yêu cầu HS nhận xét câu trả lời.

3. Ý nghĩa

- Tình yêu thương con người mang lại niềm vui, sự tin tưởng vào bản thân và cuộc sống; giúp con người có thêm sức mạnh vượt qua khó khăn, hoạn nạn; làm cho mối quan hệ giữa con người với con người thêm gần gũi, gắn bó; góp phần xây dựng cộng đồng an toàn, lành mạnh và tốt đẹp hơn.
- Người biết yêu thương con người sẽ được mọi người yêu quý và kính trọng. Yêu thương con người là truyền thống quý báu của dân tộc, cần được giữ gìn và phát huy.

- GV đánh giá, chốt kiến thức.	
2. Hoạt động 2: Khám phá Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nội dung: Cách rèn luyện a. Mục tiêu: - Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương con người của bản thân và người khác. - Liệt kê được các biểu hiện của yêu thương con người của bản thân. b. Nội dung: - GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi để hướng dẫn học sinh: Cách rèn luyện của học sinh về tình yêu thương con người. c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hoạt động: Thực hiện hành động yêu thương - Em hãy thực hiện một việc làm thể hiện tình yêu thương đối với một người thân trong gia đình và chia sẻ trước lớp. - Em hãy thực hiện một hành động hay một lời nói cụ thể thể hiện tình yêu thương với bạn bè, thầy cô trong lớp em. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe hướng dẫn, làm việc cá nhân suy nghĩ, trả lời. - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc nhóm - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	4. Cách rèn luyện: - Thể hiện tình yêu thương từ những việc làm nhỏ nhất - Tham gia các phong trào đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào trong vùng cách ly vì covid-19,... - Sống tích cực hơn, yêu thương nhiều hơn

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS được luyện tập, củng cố các yêu cầu cần đạt đã được hình thành trong phần Khám phá áp dụng kiến thức để làm bài tập, xử lý tình huống.

b. Nội dung:

- Học sinh khái quát kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy.
- Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ...

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi.

1. Bài tập 1: GV cho học sinh chơi trò chơi: Tiếp sức đồng đội

Em hãy tìm những câu ca dao, tục ngữ nói yêu thương con người.

- GV cho học sinh chơi trò chơi “Đổi mặt”

LUẬT CHƠI:

- Số người tham gia: Cả lớp

- Cách thức: Chia lớp làm 6 đội theo số 1,2,3,4,5,6. Các bạn thảo luận đưa ra các câu ca dao, tục ngữ nói về yêu thương con người. Mỗi đội cử 1 bạn đại diện lên bảng thi với nhóm khác.

- Thời gian: 5 phút thảo luận, 3 phút thi.

2. Bài tập 2: Em đồng tình hoặc không đồng tình với việc làm của bạn nào dưới đây? Vì sao?

- Thảo luận nhóm 6-7 HS (5 phút). Cử bạn điều hành nhóm, cử bạn viết câu trả lời, cử bạn trình bày kết quả.

3. Bài tập 3: Bài tập tình huống: GV cho học sinh thảo luận cặp đôi.

Tình huống 1: Bố mẹ cho em tiền ủng hộ những người có hoàn cảnh khó khăn nhưng bạn rủ em dùng số tiền đó để chơi điện tử.

Tình huống 2: Gia đình bạn Hoa rất khó khăn, mẹ bạn bị bệnh hiểm nghèo. Lớp em tổ

III. Luyện tập

1. Bài tập 1

+ Bầu ơi thương lấy bí cùng.

Tuy rằng khác giống nhưng trung một giàn.

+ Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.

+ Lá lành đùm lá rách.

+ Môi hở răng lạnh.

+ Thương người như thể thương thân

2. Bài tập 2

- Em không đồng tình với việc làm của bạn Hà vì:

+ Hà không biết chia sẻ khó khăn về công việc với bố mẹ những lúc rảnh rỗi.

+ Hà là người không biết quan tâm, động viên lúc mẹ ốm, vẫn mãi chơi.

- Em đồng tình với việc làm của bạn Mai và Phúc vì hai bạn đã biết quan tâm, yêu thương, giúp đỡ người khác. Đây là việc làm đáng để em học tập.

3. Bài tập 3

- Tình huống 1: Từ chối, không làm theo bạn và dùng số tiền đó để ủng hộ những người có hoàn cảnh khó khăn.

chức đi thăm, tặng quà, động viên Hoa nhưng một số bạn trong lớp không muốn tham gia. Câu hỏi thảo luận: Em sẽ làm gì nếu ở trong các tình huống trên? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Với hoạt động nhóm: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử người tham gia, thể hiện cách xử lý tình huống. - Với hoạt động trò chơi: HS nghe hướng dẫn, tham gia. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm, trò chơi tích cực. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân, nhóm. - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. GV sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	- Tình huống 2: Khuyến các bạn tham gia chia sẻ, động viên bạn Hoa, giúp bạn vượt qua hoàn cảnh khó khăn để tiếp tục tới trường học tập.
4. Hoạt động 4: Vận dụng a. Mục tiêu: - HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống - Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học. b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm kiến thức thông qua hoạt động dự án... c. Sản phẩm: Câu trả lời, phần dự án của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi hoạt động dự án. + Hoạt động dự án:	Nhóm 1: - Em hãy vẽ bức tranh mang thông điệp yêu thương con người để giới thiệu với bạn bè và thầy cô như:

Nhóm 1: Em hãy vẽ một bức tranh mang thông điệp yêu thương con người đề giới thiệu với bạn bè trong nước và quốc tế. Nhóm 2: Em hãy lập kế hoạch và thực hiện việc giúp đỡ một bạn trong lớp/ trường có hoàn cảnh khó khăn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Với hoạt động dự án: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Bước 3: Báo cáo kết quả GV: - Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động tích cực. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân. - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu HS nhận xét câu trả lời. - GV sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	+ Vẽ bức tranh về các anh chị thanh niên tình nguyện đang giúp phát cháo cho các bệnh nhân nghèo ở bệnh viện. + Vẽ bức tranh về một bạn nhỏ đang giúp một cụ già qua đường. Nhóm 2: <table><tr><th colspan="4">Kế hoạch</th></tr><tr><th>Mục tiêu</th><th>Họ tên những bạn cần giúp đỡ</th><th>Thời gian thực hiện</th><th>Các việc làm cụ thể</th></tr><tr><td>Giúp đỡ bạn thuộc hộ nghèo, gia đình đặc biệt khó khăn...</td><td>- Lê Văn A - Lê Văn B - Lê Văn C</td><td>- Trong dịp đầu năm học,...</td><td>- Ủng hộ bạn sách vở, đồ dùng học tập,...</td></tr></table>	Kế hoạch				Mục tiêu	Họ tên những bạn cần giúp đỡ	Thời gian thực hiện	Các việc làm cụ thể	Giúp đỡ bạn thuộc hộ nghèo, gia đình đặc biệt khó khăn...	- Lê Văn A - Lê Văn B - Lê Văn C	- Trong dịp đầu năm học,...	- Ủng hộ bạn sách vở, đồ dùng học tập,...
Kế hoạch													
Mục tiêu	Họ tên những bạn cần giúp đỡ	Thời gian thực hiện	Các việc làm cụ thể										
Giúp đỡ bạn thuộc hộ nghèo, gia đình đặc biệt khó khăn...	- Lê Văn A - Lê Văn B - Lê Văn C	- Trong dịp đầu năm học,...	- Ủng hộ bạn sách vở, đồ dùng học tập,...										

Hướng dẫn tự học:

- HS nắm khái niệm yêu thương con người, biểu hiện, giá trị và cách rèn luyện lòng yêu thương con người.
- Hoàn thành các bài tập.
- Chuẩn bị chủ đề 3: Siêng năng, kiên trì.

TUẦN 6

NGÀY SOẠN: 7/10/2023

Bài 3-TIẾT 6, 7: SIÊNG NĂNG, KIÊN TRÌ

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu được khái niệm, biểu hiện của siêng năng, kiên trì.
- Siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày.
- Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học

tập, lao động.

2. Về năng lực:

Năng lực điều chỉnh hành vi

Nhận biết được vai trò của việc siêng năng, kiên trì, tích cực học tập, rèn luyện để đáp ứng các nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn đề học tập, sinh hoạt hằng ngày; nhận biết được sự cần thiết phải siêng năng kiên trì để có thành công.

Năng lực phát triển bản thân

Nhận thức được bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện; tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.

3. Về phẩm chất:

Chăm chỉ: Kiên trì, cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết; có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày;

Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân.

Trách nhiệm: Có thói quen giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khỏe; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng; tôn trọng và thực hiện nội quy nơi công cộng; chấp hành tốt pháp luật về giao thông;

HSKT: Nhận biết biểu hiện của siêng năng, kiên trì; Phân biệt được hai khái niệm; giải quyết tình huống liên quan đến khái niệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6* (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống) tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết được một cách đơn giản thế nào là siêng năng, kiên trì
- Phát hiện được vấn đề cần tìm hiểu:
 - + *Thấy được vai trò ý nghĩa của siêng năng kiên trì trong cuộc sống*
 - + *Biết được một số việc làm thể hiện siêng năng kiên trì.*

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia trò chơi "Ai nhanh hơn"

- Tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về siêng năng, kiên trì. Ai tìm được nhanh và nhiều câu đúng hơn sẽ chiến thắng.

c. Sản phẩm: Học sinh tích cực tham gia thi, nêu được một số câu ca dao tục ngữ, và nói được những hiểu biết ban đầu về câu ca dao, tục ngữ đó

Dự kiến sản phẩm

1. *Cần cù bù thông minh*
2. *Có chí thì nên.*
3. *Hữu chí cánh thành.*
4. *Người có chí thì nên, nhà có nền thì vững.*
5. *Mưu cao chẳng bằng chí dày.*
6. *Thua keo này bày keo khác.*
7. *Hết cơn bã cực, đến kì thái lai.*
8. *Ai đội đá mà sống ở đời.*
9. *Ba cái vui thì trẻ, ba cái bề thì già.*
10. *Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.*
12. *Chớ vì ghen một miếng mà bỏ bữa bỏ ăn, chớ vì ngã một lần mà chân không bước*

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS chia thành nhóm
- Giao nhiệm vụ và phổ biến cách chơi cho các nhóm
- + Chia sẻ hiểu biết của em về ý nghĩa của những câu ca dao, tục ngữ đã tìm được.
- + Cách làm: Giáo viên chia thành 2 đội, mỗi đội gồm có 5 học sinh, trong thời gian quy định mỗi học sinh trong một đội sẽ trình bày một câu ca dao, tục ngữ nói về siêng năng, kiên trì.
- + Yêu cầu bạn trả lời sau không được trùng với câu trả lời trước, đội nào tìm đúng và nhanh hơn sẽ chiến thắng
- + Các bạn không trực tiếp tham gia thi có nhiệm vụ nêu ý nghĩa của các câu ca dao đó

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tiến hành trò chơi, các em không trực tiếp chơi thì nêu ý nghĩa của các câu ca dao tục ngữ mà các đội đã nêu ra.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh trình bày các câu ca dao tục ngữ,
- Giáo viên gọi một số học sinh nêu ý nghĩa của các câu ca dao tục ngữ đã tìm hiểu.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học

Siêng năng , kiên trì là những đức tính tốt đẹp cần có của con người, là chìa khoá mang đến thành công. Vì thế, HS cần có hiểu biết về siêng năng, kiên trì và rèn luyện đức tính này

2. Hoạt động 2: Khám phá

HSKT: Nhận biết biểu hiện của siêng năng, kiên trì; phân biệt được 2 khái niệm.

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Siêng năng, kiên trì và biểu hiện của siêng năng, kiên trì

a. Mục tiêu:

- HS nêu được khái niệm siêng năng, kiên trì

b. Nội dung:

- GV cho học sinh cùng tìm hiểu nội dung câu chuyện nói về Trạng Nguyên Mạc Đĩnh Chi trong sách giáo khoa
- Học sinh lắng nghe câu chuyện, sau đó cùng chia sẻ suy nghĩ của bản thân thông qua đọc câu chuyện trên, trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Các học sinh chia sẻ suy nghĩ của bản thân mình về câu chuyện trên, thấy được phẩm chất kiên trì siêng năng đã đem lại những kết quả tốt đẹp cho Mạc Đĩnh Chi.
- Nêu được khái niệm siêng năng, kiên trì là gì

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin bằng cách mời một HS đọc to, rõ ràng thông tin, cả lớp lắng nghe. - Sau khi HS đọc thông tin, GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau: <i>a) Mạc Đĩnh Chi đã nỗ lực như thế nào để thi đỗ trạng nguyên?</i> <i>b) Em hiểu thế nào là siêng năng, kiên trì?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng lắng nghe một học sinh đọc truyện, theo dõi câu truyện trong sách giáo khoa - Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình + Học sinh 1 + Học sinh 2	I. Khám phá 1. Siêng năng, kiên trì và biểu hiện của siêng năng, kiên trì a, Thế nào là siêng năng kiên trì? - <i>Siêng năng là đức tính của con người biểu hiện ở sự cần cù, tự giác, miệt mài, làm việc thường xuyên, đều đặn.</i> - <i>Kiên trì là sự quyết tâm làm đến cùng dù gặp khó khăn, gian khổ</i>

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật phẩm chất cần cù chịu khó của Mạc Đình Chi như: <i>Mạc Đình Chi đã nỗ lực để thi đỗ trạng nguyên: tranh thủ ghé qua lớp học ở gần nhà, đứng ngoài cửa nghe thầy giảng, ngày nhật củi, tối về cậu lại lo ôn luyện, học bài, bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng lấy ánh sáng để học, dùng lá để tập viết.</i> Gv nhấn mạnh: <i>Siêng năng là tính cách làm việc tự giác, cần cù, chịu khó, thường xuyên của con người.</i> <i>Kiên trì là tính cách làm việc miệt mài, quyết tâm giữ và thực hiện ý định đến cùng, dù gặp khó khăn, trở ngại cũng không nản chí.</i>	
---	--

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: biểu hiện của siêng năng , kiên trì.

a. Mục tiêu:

- HS nêu được những biểu hiện của siêng năng , kiên trì trong học tập , lao động và cuộc sống

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau trao đổi và hoàn thành nội dung phiếu học tập đó là chỉ ra những biểu hiện của siêng năng kiên trì được thể hiện cụ thể qua từng hình ảnh

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Học sinh hoàn thành được phiếu học tập theo yêu cầu của giáo viên

SẢN PHẨM HỌC TẬP

Quan sát hình ảnh	Xác định các hành vi, việc làm thể hiện sự siêng năng, kiên trì và chưa thể hiện siêng năng, kiên trì trong mỗi bức tranh?
	Hình ảnh này là biểu hiện của siêng năng kiên trì, vì nhân vật trong bức tranh đã thể hiện sự kiên trì trong học tập , gặp bài khó không bỏ cuộc
	Hình ảnh này là biểu hiện của siêng năng kiên trì, vì nhân vật trong bức tranh đã thể hiện sự chăm chỉ lao động làm việc nhà giúp đỡ bố mẹ



Hình ảnh này là biểu hiện của siêng năng kiên trì, vì nhân vật trong bức tranh đã thể hiện sự chăm chỉ lao động, học tập của HS



Hình ảnh này là không phải là biểu hiện của siêng năng kiên trì, vì nhân vật trong bức tranh đã thể hiện chưa siêng năng, kiên trì trong việc chăm sóc cây

*** Kể thêm các biểu hiện siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động và trong cuộc sống mà em biết?**

- Trong học tập chăm chỉ học bài, làm bài tập về nhà và chăm chỉ lắng nghe cô giáo giảng bài.
- Trong lao động chăm chỉ làm việc, kiên trì những cách làm mới, hiệu quả.
- Trong cuộc sống luôn luôn cố gắng biến bản thân trở thành người tốt nhất, luôn trau dồi kiến thức hằng ngày, làm việc gì cũng làm đến cùng.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV cho HS thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm, các nhóm cùng nhau hoàn thành phiếu học tập giáo viên đưa ra với nhiệm vụ là a) <i>Xác định các hành vi, việc làm thể hiện sự siêng năng, kiên trì và chưa thể hiện siêng năng, kiên trì trong mỗi bức tranh?</i> b) <i>Kể thêm các biểu hiện siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động và trong cuộc sống mà em biết?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời 2 nội dung trên - Mỗi nhóm mô tả nội dung từng bức tranh vào phiếu học tập do giáo viên đưa ra ứng với từng nội dung trên Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : - Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình	* Biểu hiện của siêng năng, kiên trì <i>Biểu hiện của siêng năng, kiên trì là luôn cần cù, chăm chỉ, nỗ lực, chịu khó, quyết tâm hoàn thành công việc đã đặt ra; tự giác, chủ động thực hiện công việc không bỏ cuộc khi gặp khó khăn, trở ngại; không trông chờ, ỷ lại vào người khác</i>

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật những biểu hiện của yêu thương con người - Siêng năng, kiên trì là đức tính tốt của con người, siêng năng được biểu hiện qua sự cần cù, tự giác, miệt mài, làm việc thường xuyên, kiên trì là sự thể hiện quyết tâm đến cùng, cho dù gặp khó khăn gian khổ cũng không lùi bước. - Trái với siêng năng là lười biếng, sống dựa dẫm, ỉ lại ăn bám, Trái với kiên trì là nản lòng, chóng chán.	
---	--

Tiết 2

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì

b. Nội dung:

- Học sinh tiếp tục làm việc theo nhóm, 3 nhóm một sẽ tìm hiểu một tình huống trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Các nhóm xử lý tình huống giáo viên đưa ra và hoàn thành được phiếu học tập theo yêu cầu của giáo viên

SẢN PHẨM HỌC TẬP

Em hãy đọc tình huống dưới đây	Em hãy trả lời câu hỏi sau	Dự kiến câu trả lời
Nhóm 1,2,3: Hoa mới theo bố mẹ chuyển từ quê lên Hà Nội học. Thời gian đầu chuyển cấp học và môi trường mới còn bỡ ngỡ nên Hoa học môn Tiếng Anh chưa tốt. Không nản lòng, Hoa đã lên kế hoạch mỗi ngày dành ít nhất 30 phút để học tiếng Anh. Cuối tuần, bạn ra Hồ Gươm mạnh dạn giao tiếp với người nước ngoài. Kiên trì từng ngày, chỉ sau một học kì, trình độ tiếng Anh của Hoa đã tiến bộ rõ rệt	1.Hoa đã gặp phải khó khăn gì trong việc học tiếng Anh ? 2.Hoa đã vượt qua khó khăn đó như thế nào ? 3.Siêng năng, kiên trì học tiếng Anh đã mang lại điều gì cho bạn thuở 4.Em rút ra bài học gì từ việc rèn luyện kiên trì của Hoa	

Nhóm 4,5,6: Vân có số cân nặng nhiều hơn so với các bạn cùng trang lứa. Được mọi người góp ý, Vân quyết tâm giảm cân. Hằng ngày, Vân dậy sớm tập thể dục. Có những hôm trời mùa đông giá lạnh, Vân vẫn không bỏ buổi tập nào. Bên cạnh đó, Vân thực hiện nghiêm túc chế độ ăn uống khoa học như: hạn chế ăn đồ ngọt, ăn ít tinh bột, nhiều rau xanh, hoa quả, ... Nhờ siêng năng, kiên trì tập luyện kết hợp với ăn uống khoa học, Vân đã giảm cân và có ngoại hình cân đối	1. Trong cuộc sống hạm Vân gặp khó khăn gì 2. Bạn đã tìm cách vượt qua khó khăn đó như thế nào ? 3. Siêng năng, kiên trì và mang lại điều gì cho bạn Vân 4. Em rút ra bài học gì từ việc rèn luyện siêng năng, kiên trì của Vân
--	---

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Giáo viên tiếp tục sử dụng các nhóm đã thực hiện nội dung 2 để thực hiện nhiệm vụ 3, mỗi nhóm sẽ thực hiện một nhiệm vụ sau Nhóm 1,2,3: Đọc tình huống 1 và trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập Nhóm 4,5,6: Đọc tình huống 2 và trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung nhóm mình Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến: - Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... GV tóm tắt ý kiến thảo luận của HS và kết luận về ý nghĩa của siêng năng kiên trì. + Nhờ siêng năng kiên trì các bạn Hoa và Vân đã gặt hái được kết quả tốt đẹp trong học tập và rèn luyện thân thể + Siêng năng, kiên trì có ý nghĩa giúp con người thành công, hạnh phúc trong cuộc sống.	2. Ý nghĩa của siêng năng, kiên trì + Siêng năng, kiên trì là chìa khoá giúp con người thành công, hạnh phúc trong cuộc sống.

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lý tình huống cụ thể

b. Nội dung:

- Bài tập 1: Học sinh làm việc cá nhân, quan sát tranh và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Các nhóm mô tả và chỉ ra được ý nghĩa mà các bức tranh đề cập

d. Tổ chức thực hiện:

Bài tập 1: Em hãy quan sát tranh và trả lời câu hỏi:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên gọi một số học sinh quan sát tranh và trả lời câu hỏi liên quan đến tranh

Tranh 1 : + GV hướng dẫn HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi :

Tranh 2: + GV hướng dẫn HS quan sát tranh và trả lời: Bạn Nam đã siêng năng, kiên trì như thế nào để thực hiện ước mơ của mình?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh quan sát tranh và suy nghĩ về câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Các học sinh lần lượt trả lời câu hỏi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét kết quả của các nhóm và khái quát nội dung:

Tranh 1: Để có kết quả học tập tốt hơn, bạn cần giảm bớt thời gian chơi điện tử, chăm chỉ học bài và làm bài đầy đủ.

Tranh 2: Để thực hiện ước mơ trở thành môn giỏi, bạn Nam đã siêng năng, kiên trì rèn luyện thân thể nâng cao sức khỏe và kỹ năng bắt bóng.

Bài tập 2:

HSKT: Giải quyết được tình huống

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lý tình huống cụ thể

b. Nội dung:

- Bài tập 2: Học sinh tiếp tục làm việc theo nhóm, mỗi nhóm sẽ thực hiện một nhiệm vụ giáo viên đặt ra để hoàn thành các bài tập và tình huống trong sách giáo khoa.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Giải quyết được các tình huống trong sách giáo khoa để từ đó rút ra ý nghĩa cho bản thân mình

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Nhóm 1,2,3: Đọc tình huống 1 và trả lời các câu hỏi

Nhóm 4,5,6: Đọc tình huống 2 và trả lời các câu hỏi

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các nhóm tiến hành đọc và giải quyết tình huống

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Các nhóm trình bày kết quả của nhóm mình

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét kết luận với từng nội dung cụ thể để giúp học sinh có định hướng xử lý các tình huống diễn ra trong thực tế cuộc sống.

TH1:

a) Theo em, Hân nên tham gia. Tại vì đó là cơ hội để bạn học hỏi và trau dồi thêm những gì mà bạn đang thiếu.

b) Hân cần cố gắng, kiên trì, chăm chỉ học từ vựng mỗi ngày.

TH2:

a) Việc làm của Hòa trong tình huống trên thể hiện bạn thiếu đức tính chăm chỉ và kiên trì.

b) Nếu là bạn của Hoa em sẽ khuyên bạn nên cố gắng chăm chỉ tham gia, vì qua các phong trào này bạn học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm và đặc biệt là trau dồi cho bạn 1 lượng kiến thức khác lớn.

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

a. Mục tiêu:

HS vận dụng những kiến thức của bài học vào thực tiễn cuộc sống

b. Nội dung:

Học sinh thực hiện bài tập này tại nhà dưới sự hướng dẫn của giáo viên

Bài tập 2: Em hãy xây dựng và thực hiện kế hoạch khắc phục những biểu hiện chưa siêng năng, kiên trì của bản thân, sau đó chia sẻ kết quả thực hiện với thầy cô và các bạn?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh sưu tầm được một tấm gương thành công do siêng năng kiên trì và rút ra được ý nghĩa

- Xây dựng được kế hoạch để khắc phục những biểu hiện chưa siêng năng

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Bài tập 2: GV hướng dẫn HS nêu những biểu hiện chưa siêng năng, kiên trì của bản thân (trong học tập, rèn luyện thân thể, lao động ...) và lập kế hoạch để khắc phục nhược điểm này theo mẫu sau

Biểu hiện chưa siêng năng, kiên trì	Kế hoạch khắc phục

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh về nhà làm bài tập theo yêu cầu của giáo viên

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV lựa chọn một vài bài viết đọc cho cả lớp cùng nghe vào tiết sau

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Siêng năng, kiên trì là đức tính quý mà mỗi người cần tu dưỡng, rèn luyện. Đó chính là chìa khoá giúp chúng ta thành công trong công việc và cuộc sống. Người có tính siêng năng, kiên trì luôn nhận được sự yêu thương, quý trọng của mọi người

* Hướng dẫn tự học:

- Hệ thống các kiến thức đã học.
- Hoàn thành các bài tập
- Đọc và chuẩn bị bài: Tôn trọng kỷ luật

TUẦN 8, 9

NGÀY SOẠN: 22/10/2023

TIẾT 8+9: TÔN TRỌNG SỰ THẬT

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật.
- Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm.
- Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật.

2. Về năng lực:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Tự giác thực hiện một cách đúng đắn những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống.

- *Năng lực phát triển bản thân:* Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện.

- *Tư duy phê phán:* Đánh giá, phê phán được những hành vi chưa chuẩn mực, vi phạm đạo đức, chà đạp lên các giá trị đạo đức của con người với con người.

- *Hợp tác, giải quyết vấn đề:* Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm góp phần lan tỏa sự trung thực, trách nhiệm và tôn trọng sự thật.

3. Về phẩm chất:

- *Trung thực:* Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân.

- *Trách nhiệm:* thực hiện đúng nội quy nơi công cộng; chấp hành tốt pháp luật, không tiếp tay cho kẻ xấu.

Học sinh khuyết tật: Nhận biết được các biểu hiện của tôn trọng sự thật.

Luôn biết nói thật với người thân, bạn bè, thầy cô.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6* (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống) tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết được một cách đơn giản thế nào tôn trọng sự thật

- Phát hiện được vấn đề cần tìm hiểu:

- + *Thấy được vai trò ý nghĩa của việc tôn trọng sự thật*

- + *Biết được một số việc làm đơn giản thể hiện việc tôn trọng sự thật.*

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia trò chơi "Truyền tin"

- Học sinh sẽ truyền tai nhau một câu nói do người đứng đầu đưa ra, nhiệm vụ của mỗi người sẽ là truyền tai nhau thật chính xác và đúng quy định

c. Sản phẩm: Học sinh tích cực tham gia thi, truyền được tin cho nhau một cách chính xác và rút ra được ý nghĩa của trò chơi cũng như trả lời được câu hỏi giáo viên đưa ra

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS chia thành nhóm:

- + Giao nhiệm vụ và phổ biến cách chơi cho các nhóm

Quản trò chọn ra hai đội chơi, mỗi đội gồm 5 – 7 HS;

Phổ biến luật chơi như sau: Quản trò sẽ nói thầm một câu khó đọc và dễ nhầm cho người đứng đầu hàng,

Đội 1 truyền tin nhau câu nói: “Anh Cẩn ăn canh”

Đội 2 truyền tin nhau câu nói: “Anh Hạnh ăn hành tươi”

Đội 3 truyền tin nhau câu nói: “Anh Mạnh ăn canh mặn”

Đội 4 truyền tin nhau câu nói: “Lúa nếp là lúa nếp làng / Lúa lên lớp lớp lòng nàng láng láng”

Nhiệm vụ của người nghe là phải truyền tai nhau câu nói đó. Nếu người cuối cùng nói to, đúng, rõ ràng và trôi chảy câu đó thì đội của họ sẽ thắng cuộc.

Khi đội này chơi, các đội khác đóng vai trò là giám khảo

Cả lớp cùng suy nghĩ trả lời câu hỏi sau:

Theo em, để trở thành người thắng cuộc, các thành viên tham gia trò chơi cần tuân thủ điều gì? Em rút ra bài học gì từ trò chơi?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tiến hành trò chơi, cùng suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh quan sát và nhận xét kết quả tham gia chơi của các đội,

- Giáo viên gọi một số học trình trả lời câu hỏi đã đặt ra.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học

GV nhận xét và tổng kết đội thắng trong cuộc thi và chốt kiến thức.

Nếu không thật sự chú ý lắng nghe, chúng ta sẽ truyền đạt sai thông tin.

Ngoài việc đem lại niềm vui, tiếng cười cho mọi người, trò chơi còn muốn nhắc nhở chúng ta cần phải thận trọng, trung thực khi phản ánh hay truyền đạt một thông tin nào đó

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Tôn trọng sự thật là gì

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được thế nào là tôn trọng sự thật

b. Nội dung:

- GV cho học sinh cùng tìm hiểu nội dung câu chuyện “ Dù sao trái đất vẫn quay” trong sách giáo khoa

- Học sinh lắng nghe câu chuyện, sau đó cùng chia sẻ suy nghĩ của bản thân thông qua đọc câu chuyện trên, trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Các học sinh chia sẻ suy nghĩ của bản thân mình về câu chuyện trên, thấy được thái độ đúng đắn, tôn trọng sự thật của nhà Bác học Ga – li - lê.

- Nêu được khái niệm tôn trọng sự thật là gì

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Thế nào là tôn trọng sự thật HSKT hiểu được khái niệm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin bằng cách mời một HS đọc to, rõ ràng thông tin, cả lớp lắng nghe câu chuyện về nhà Bác học Ga – Li - Lê - Sau khi HS đọc thông tin, GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau: <i>Nhà bác học ga – li -ê đã tôn trọng sự thật như thế nào?</i> <i>Em hiểu thế nào là tôn trọng sự thật?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh cùng lắng nghe một học sinh đọc truyện, theo dõi câu truyện trong sách giáo khoa - Học sinh làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình + Học sinh 1 + Học sinh 2 Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	I. Khám phá 1. Tôn trọng sự thật và biểu hiện của tôn trọng sự thật * Thế nào là tôn trọng sự thật <i>Sự thật là những gì có thật trong cuộc sống hiện thực và phản ánh đúng hiện thực cuộc sống</i>

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật phẩm chất tôn trọng khoa học, tôn trọng chân lý của nhà bác học + <i>Sự thật mà Ga - li - lê bảo vệ là Trái Đất quay xung quanh Mặt chứ không phải Mặt Trời quay xung quanh Trái Đất Ga – li –lê đã tôn trọng sự thật bằng cách tuyên bố “ Dù sao Trái Đất vẫn quay!. Nhà bác học ga – li -ê đã tôn trọng sự thật: ông thà ngồi tù chứ không từ bỏ chân lí.</i> Gv nhấn mạnh: + Tôn trọng sự thật là suy nghĩ, nói và làm theo đúng sự thật, không gian dối, không làm sai so với bản chất của sự vật	
---	--

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: biểu hiện của tôn trọng sự thật

HSKT: Biết được các biểu hiện của tôn trọng sự thật

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau trao đổi và hoàn thành nội dung phiếu học tập đó là chỉ ra những biểu hiện của tôn trọng sự thật được thể hiện cụ thể qua từng hình ảnh

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Học sinh hoàn thành được phiếu học tập theo yêu cầu của giáo viên

Dự kiến sản phẩm hoàn thành như sau

PHIẾU HỌC TẬP

Quan sát hình ảnh	Hãy chỉ ra biểu hiện của tôn trọng sự thật được thể hiện qua bức tranh
	Cả 2 bạn học sinh đã tự giác nhận lỗi lầm của mình.
	Bạn nam đã dũng cảm nói lên sự thật



2 bạn nữ đã dám đứng lên nói sự cho bác bảo vệ biết.

Kể thêm các biểu hiện của tôn trọng sự thật trong học tập, lao động và trong cuộc sống mà em biết?

- Đấu tranh với hành vi gian lận trong thi cử
- Tố cáo khi bạn bè bao che cái xấu
- Phê bình các hành vi ăn trộm, cắp

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV cho HS thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập. Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm, các nhóm cùng nhau hoàn thành phiếu học tập giáo viên đưa ra với nhiệm vụ là a) Xác định các hành vi, việc làm thể hiện sự tôn trọng sự thật được thể hiện ở mỗi bức tranh? b) Kể thêm các biểu hiện tôn trọng sự thật trong học tập, lao động và trong cuộc sống mà em biết? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời 2 nội dung trên - Mỗi nhóm mô tả nội dung từng bức tranh vào phiếu học tập do giáo viên đưa ra ứng với từng nội dung trên Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : - Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật những biểu hiện của tôn trọng sự thật: Tôn trọng	* Biểu hiện của tôn trọng sự thật <i>Biểu hiện của tôn trọng sự thật là: Suy nghĩ, nói và làm theo đúng sự thật.</i>

sự thật là: Suy nghĩ, nói và làm theo đúng sự thật. Sẵn sàng đối mặt với thử thách, khó khăn để bảo vệ cái đúng, bảo vệ lẽ phải. Phê bình với các việc làm gian dối.	
---	--

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Ý nghĩa của tôn trọng sự thật.

a. Mục tiêu:

- HS giải thích được vì sao phải tôn trọng sự thật

b. Nội dung:

- Học sinh tập đóng vai các nhân vật trong đoạn hội thoại để cùng nhau làm rõ nội dung của đoạn hội thoại

- Trả lời các câu hỏi do giáo viên đưa ra.

a/ Nếu suy nghĩ của em về nội dung đoạn hội thoại

b/ Theo em, việc tôn trọng sự thật có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Biết nhập vai các nhân vật trong đoạn hội thoại và trả lời được các câu hỏi giáo viên đưa ra

* Giáo viên tổ chức cho học sinh nghiên cứu tình huống và đóng vai theo nội dung tình huống

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV hướng dẫn HS khai thác hội thoại bằng cách đọc / sắm vai các phân vật trong hội thoại gồm có 3 nhân vật : Người dẫn chuyện, Toàn , bố Toàn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Các học sinh tham gia đóng vai nghiên cứu kịch bản và tiến hành công việc - Các học sinh còn lại suy nghĩ và trả lời câu hỏi theo nhóm đã phân công ở mục trước Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : - Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... GV tóm tắt kiến thảo luận của HS và kết luận <i>a. Đoạn hội thoại giúp chúng ta hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự thật trong cuộc sống, giúp em có được 1 bài học quý giá nói</i>	2. Ý nghĩa của tôn trọng sự thật <i>Tôn trọng sự thật sẽ góp phần bảo vệ cuộc sống, bảo vệ cho những điều đúng đắn, tránh nhầm lẫn oan sai. Giúp con người tin tưởng, gắn kết với nhau hơn, cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn. Khiến tâm hồn thoải mái, sức khỏe tốt, bản thân đẹp hơn trong mắt mọi người.</i>

<i>thật, sống trung thực giúp tâm hồn thanh thản, bình an và sức khỏe tốt hơn.</i> <i>b. Việc tôn trọng sự thật sẽ góp phần:</i> + <i>Bảo vệ cuộc sống, bảo vệ cho những điều đúng đắn, tránh nhầm lẫn oan sai</i> + <i>Giúp con người tin tưởng, gắn kết với nhau hơn, cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn</i> + <i>Khiến tâm hồn thoải mái, sức khỏe tốt, bản thân đẹp hơn trong mắt mọi người.</i>	
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lý tình huống cụ thể

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo các nhóm đã phân công, cùng nhau giải quyết các yêu cầu mà tình huống đặt ra

- Hoàn thành sản phẩm là phiếu học tập giáo viên yêu cầu

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Các nhóm đọc được tình huống, câu chuyện trong sách giáo khoa, đưa ra cách giải quyết của mình

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Nội dung tình huống	Nhiệm vụ của mỗi nhóm
1 Hoa là một lớp trưởng thẳng thắn. Khi thấy bạn nào trong lớp mắc khuyết điểm, Hoa đều ghi vào sổ tay và báo với cô giáo chủ nhiệm. Một số bạn trong lớp tỏ ra không đồng tình với Hoa và đề nghị thay lớp trưởng.	Nhóm 1: Nhận xét về việc làm của bạn Hoa và các bạn trong lớp - <i>Bạn là một người dũng cảm, luôn tôn trọng sự thật.</i>
2 Mai là người thông minh, chân thành, cởi mở nên được bạn bè yêu quý, tin cậy. Nếu bạn nào có lỗi, Mai nhẹ nhàng góp ý để bạn nhận lỗi và sửa lỗi. Nhiều bạn tâm sự những nỗi niềm thầm kín, riêng tư, Mai lắng nghe, chia sẻ và không bao giờ nói lại những chuyện đó với người khác.	Nhóm 2: Vì sao Mai được bạn bè yêu quý <i>Mai được bạn bè yêu quý vì bạn là người biết lắng nghe, cảm thông, đồng cảm và chia sẻ cùng với tất cả mọi người.</i>

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tiếp tục yêu cầu 6 nhóm ở trên thực hiện nhiệm vụ làm các bài tập

Nhóm 1,2,3: Làm bài tập số 1

Nhóm 4,5,6: Làm bài tập số 2

Các nhóm viết câu trả lời vào phiếu học tập giáo viên giao

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh đọc các câu chuyện trong sách giáo khoa cùng nhau thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi và trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Các nhóm lần lượt báo cáo kết quả

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét kết của các nhóm và khái quát nội dung:

- Bài tập 1: Nhận xét về việc làm của Hoa trong lớp là: bạn là một người dũng cảm, luôn tôn trọng sự thật.

- Bài tập 2: Mai được bạn bè yêu quý vì bạn là người biết lắng nghe, cảm thông, đồng cảm và chia sẻ cùng với tất cả mọi người.

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

a. Mục tiêu:

HS vận dụng những kiến thức của bài học vào thực tiễn cuộc sống

b. Nội dung:

Học sinh thực hiện 2 bài tập này tại nhà dưới sự hướng dẫn của giáo viên

Bài tập 1: Em hãy viết về việc làm thể hiện tôn trọng sự thật hoặc chưa tôn trọng sự thật của bản thân và chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ của em sau mỗi việc làm đó.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh kể được những việc làm cụ thể của bản thân thể hiện tôn trọng sự thật hoặc chưa tôn trọng sự thật

- Bày tỏ suy nghĩ của bản thân về câu ca dao, từ đó rút ra được thái độ đúng đắn của bản thân trong việc tôn trọng sự thật

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Giáo viên yêu cầu học sinh làm bài tập này tại nhà và làm vào vở

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh về nhà làm bài tập theo yêu cầu của giáo viên

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV lựa chọn một vài bài viết đọc cho cả lớp cùng nghe vào tiết sau

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên yêu cầu học sinh chuẩn bị tại nhà và trình bày sản phẩm học tập vào tiết sau

TUẦN 10

NGÀY SOẠN: 5/11/2023

TIẾT 10: KIỂM TRA GIỮA KÌ I

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học.
- Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.
- Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.

- *Giải quyết vấn đề*: Thực hành làm bài kiểm tra.
- *Tư quản bản thân*: Nghiêm túc trong kiểm tra, đánh giá.

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề này sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi.
- *Năng lực phát triển bản thân*: Tự nhận thức đánh giá bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập.

- *Trung thực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp.
- *Trách nhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra.

Thời gian: 45 phút *(không kể thời gian giao đề)*

[illegible]

1	Giáo dục đạo đức	Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ	4 câu	½ câu		½ câu							
		Tỉ lệ	20%	10%		10%					20%	20%	4
		Yêu thương con người			4 câu								
		Tỉ lệ			20%						20%		2
		Siêng năng, kiên trì	2 câu					2/3 câu		1/3 câu			
		Tỉ lệ	10%				20%		10%	10%	30%	4	
Tổng câu			6	1/2	4	1/2		2/3		1/3			10
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		50%	50%	
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%		

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN
AN

KIỂM TRA GIỮA KỲ I
MÔN: GDCD – LỚP 6
Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao
đề)

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Giáo dục đạo đức	Tự hào về truyền thống gia đình dòng họ.	Nhận biết: -Truyền thống gia đình dòng họ. -Ý nghĩa, giữ gìn truyền thống gia đình dòng họ.	4 TN, 1/2TL	1/2TL		

			Thông hiểu: -Hiểu được cách giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình dòng họ..				
2		Yêu thương con người	Thông hiểu: - Biểu hiện, hành động ý nghĩa của lòng yêu thương con người		4 TN		
3		Siêng năng, kiên trì.	Nhận biết: -Biểu hiện siêng năng, kiên trì. Vận dụng: - Góp ý, nhắc nhở những bạn chưa có đức tính siêng năng, kiên trì cần cố gắng hoàn thiện đức tính này. Vận dụng cao: - Thực hiện được đức tính siêng năng kiên trì trong học tập và cuộc sống.	2TN		2/3 TL	1/3 TL
Tổng				6 TN, 1/2TL	4TN, 1/2TL	2/3 TL	1/3TL
Tỉ lệ %				40 %	30 %	20 %	10 %
Tỉ lệ chung				70 %		30 %	

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề này gồm có 02 trang)

MÃ ĐỀ A

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm) Chọn phương án trả lời đúng nhất trong các câu sau, rồi ghi vào giấy làm bài.

Câu 1: Truyền thống là những giá trị tốt đẹp của gia đình, dòng họ được:

- A. truyền từ đời này sang đời khác. B. mua bán, trao đổi trên thị trường.
C. nhà nước ban hành và thực hiện. D. đời sau bảo vệ nguyên trạng.

Câu 2: Tiếp nối, phát triển và làm rạng rỡ truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ được gọi là?

- A. gia đình trên dưới có sự đoàn kết, đồng lòng nhất trí.
B. tất cả thành viên được vui vẻ, gia đình hạnh phúc.
C. giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ.
D. gia đình văn hóa, có nề nếp gia phong, tôn ti trật tự.

Câu 3: Ý nào dưới đây thể hiện ý nghĩa của việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ?

- A. giúp ta có thêm kinh nghiệm và sức mạnh trong cuộc sống.
B. giúp ta có thêm tiền tiết kiệm.
C. giúp ta có rất nhiều bạn bè trong đời sống.
D. giúp ta không phải lo về việc làm.

Câu 4: Câu tục ngữ nào dưới đây khuyên chúng ta giữ truyền thống văn hóa tốt đẹp của gia đình dòng họ?

- A. Có qua có lại mới toại lòng nhau.
B. Giấy rách phải giữ lấy lề.
C. Vung tay quá chán.
D. Qua cầu rút ván.

Câu 5: Ý kiến nào sau đây là đúng khi nói về lòng yêu thương con người?

- A. tình yêu thương giúp con người có thêm sức mạnh vượt qua khó khăn.
B. yêu thương là phải nghĩ tốt, bênh vực cả những người làm điều xấu.
C. chỉ cần yêu thương những trong gia đình, dòng họ của mình.
D. giúp đỡ người khác, hi vọng người đó trả ơn, báo đáp lại cho mình.

Câu 6: Hành động nào không biểu hiện lòng yêu thương con người?

- A. quyên góp sách giáo khoa cũ, đồ dùng học tập cho học sinh vùng lũ lụt.

- B. chăm sóc, quan tâm ông bà, bố mẹ, anh chị em của mình khi bị ốm đau.
C. giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn trong lớp và trong trường.
D. bao che cho hành động sai trái của bạn bè chơi thân với mình trong lớp.

Câu 7: Phẩm chất đạo đức nào dưới đây gắn liền với biểu hiện của yêu thương con người?

- A. Nhỏ nhen. B. Ích kỷ
C. Bao dung D. Vô cảm

Câu 8: Yêu thương con người, chúng ta sẽ nhận được điều gì?

- A. mọi người yêu quý và kính trọng. B. người khác nể và yêu quý.
C. mọi người coi thường. D. mọi người xa lánh.

Câu 9: Kiên trì là gì?

- A. bỏ dở công việc B. thường xuyên làm việc.
C. quyết tâm làm đến cùng. D. tự giác làm việc.

Câu 10: Câu ca dao, tục ngữ nào dưới đây nói về siêng năng, kiên trì?

- A. Máu chảy ruột mềm.
B. Kiến tha lâu cũng đầy tổ.
C. Một miếng khi đói bằng một gói khi no
D. Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.

PHẦN II: TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

- a. Kể tên bốn truyền thống gia đình dòng họ mà em biết?
b. Theo em mỗi người cần làm gì để giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ ?

Câu 2 (3.0 điểm): Vào mỗi buổi tối lúc 7 giờ, Nam thường ngồi vào bàn học bài và làm bài tập. Những bài tập đầu Nam làm rất nhanh, nhưng đến các bài tập sau Nam đọc và thấy khó quá nên đã qua nhà Tuấn nhờ bạn ấy giải hộ cho nhanh.

- a. Nhận xét về việc làm của Nam? Nếu là bạn của Nam, em sẽ khuyên bạn ấy như thế nào?
b. Hãy chia sẻ những việc em đã làm để thể hiện tính kiên trì, siêng năng trong học tập?

-Hết-

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN
AN

KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: GDCD – LỚP 6

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề này gồm có 02 trang)

MÃ ĐỀ B

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5 điểm) Chọn phương án trả lời đúng nhất trong các câu sau, rồi ghi vào giấy làm bài.

Câu 1: Truyền thống tốt đẹp của gia đình dòng họ là:

- A. Là những giá trị tốt đẹp của gia đình, dòng họ được lưu truyền từ đời này qua đời khác.
- B. Là của cải vật chất được truyền từ đời này sang đời khác.
- C. Là những câu chuyện được truyền từ đời này sang đời khác.
- D. Là những bài học được truyền từ đời này sang đời khác.

Câu 2: Biểu hiện của giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ là?

- A. thay đổi cách làm để những truyền thống của gia đình, dòng họ ngày càng được phát triển.
- B. buồn vì dòng họ mình không ai đỗ đạt cao.
- C. mặc cảm vì có bố mẹ là người lao động chân tay.
- D. không thích nghề của gia đình vì cho rằng nó tầm thường.

Câu 3: Hành vi nào dưới đây thể hiện sự giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ?

- A. Tâm cho rằng gia đình, dòng họ mình không có truyền thống tốt đẹp nào.
- B. Lan chăm chú nghe cha mẹ kể về truyền thống gia đình, dòng họ mình.
- C. Bình chê nghề làm đồ gốm truyền thống của gia đình là nghề lao động vất vả, tầm thường.
- D. Tuấn cho rằng dòng họ là những gì xa vời, không cần quan tâm lắm.

Câu 4: Gia đình Hòa luôn động viên con cháu trong gia đình theo ngành Y để làm nghề làm thuốc nam. Hòa đã thi đỗ Đại học Y Hà Nội. Việc làm đó thể hiện điều gì?

- A. giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ.
- B. yêu thương con cháu.
- C. giúp đỡ con cháu.
- D. quan tâm con cháu.

Câu 5: Lòng yêu thương con người xuất phát từ đâu?

- A. xuất phát từ lòng chân thành, vô tư, trong sáng.
- B. xuất phát từ sự ban ơn.
- C. xuất phát từ lòng thương hại.
- D. xuất phát từ sự giàu có

Câu 6: Lòng yêu thương con người có ý nghĩa nào?

- A. khi giúp đỡ người khác, là cách thể hiện mình trước người khác.
- B. mục đích sau này được người đó trả ơn, báo đáp lại cho mình.
- C. giúp con người có thêm sức mạnh vượt qua khó khăn, hoạn nạn.
- D. đánh bóng tên tuổi của mình, để được mọi người khen ngợi.

Câu 7: Yêu thương con người, chúng ta sẽ nhận được điều gì?

- A. mọi người yêu quý và kính trọng. B. mọi người kính nể và sợ hãi.
C. mọi người coi thường. D. mọi người xa lánh.

Câu 8: Ý kiến nào dưới đây không đúng?

- A. tình yêu thương giúp con người vượt qua khó khăn trong cuộc sống.
B. tình yêu thương làm cho mọi người gần gũi nhau hơn cuộc sống thêm ý nghĩa
C. quan tâm giúp đỡ mọi người là biểu hiện của yêu thương con người.
D. chỉ có người già, người khuyết tật mới cần tình yêu thương của mọi người.

Câu 9: Đây là biểu hiện của siêng năng?

- A. cần cù B. nản lòng
C. quyết tâm D. chóng chán

Câu 10. Kiên trì là:

- A. thường xuyên làm việc B. bỏ cuộc giữ chừng
C. quyết tâm làm đến cùng. D. tự giác làm việc.

PHẦN II: TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm):

- a. Em hãy nêu 4 truyền thống gia đình dòng họ mà em biết?
b. Gia đình Lan bao đời nay có truyền thống hiếu học. Ai cũng đạt thành tích cao trong học tập. Theo em bạn Lan nên làm gì để giữ gìn và phát huy truyền thống gia đình của mình?

Câu 2 (3.0 điểm): Tối nào sau khi ăn cơm tối cùng gia đình xong Long cũng vội vào bàn học và làm bài tập về nhà và soạn bài mới. Long chỉ đọc qua loa vài giải những bài tập dễ trước. Đối với những bài tập khó Long không chịu suy nghĩ mà giở sách giải ra chép, Long cho rằng làm vậy cho nhanh khỏi phải suy nghĩ mất thời gian.

a. Nhận xét về việc làm của Long? Nếu là bạn của Long, em sẽ khuyên bạn ấy như thế nào?

b. Hãy chia sẻ những việc em đã làm để thể hiện tính kiên trì, siêng năng trong học tập?

(Hết)

HƯỚNG DẪN CHẤM

(Hướng dẫn chấm này có 01 trang)

MÃ ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm) Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

HSKT đạt 5/10 câu

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	C	A	B	A	D	C	A	C	B

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Biểu điểm
Câu 1. (2,0 điểm)	Hs có thể trả lời các đáp án sau: a. Bốn truyền thống gia đình dòng họ: hiếu thảo, yêu nước, cần cù lao động, giữ nghề truyền thống.	1.0
	b. Chúng ta cần tìm hiểu để tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ mình, từ đó có những việc làm phù hợp với khả năng để phát huy truyền thống.	1.0
Câu 2. (3,0 điểm)	a. - Nam có biểu hiện siêng năng học tập và làm bài tập đầy đủ. Nhưng Nam lại thiếu tính kiên trì vì không quyết tâm làm bài tập khi gặp bài khó. - Em sẽ khuyên Nam : Là học sinh, nếu chỉ có tính siêng năng thôi chưa đủ, mà còn phải có tính kiên trì mới đạt kết quả tốt trong học tập. Muốn có tính kiên trì thì cần phải thường xuyên rèn luyện ngay từ khi còn nhỏ-	1,0 1.0
	b. Học sinh chia sẻ những việc mình đã làm để thể hiện tính kiên trì, siêng năng trong học tập: <i>luôn hoàn thành các nhiệm vụ học tập thầy cô giao; gặp bài khó cố gắng thực hiện hoàn thành.....</i>	1,0

***Lưu ý: GV trong quá trình chấm có thể linh hoạt với những cách giải thích khác phù hợp**

UNBD HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN
AN

KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: GDCD – LỚP 6

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

HƯỚNG DẪN CHẤM

MÃ ĐỀ B

(Hướng dẫn chấm này có 01 trang)

I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm) Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

HSKT đạt 5/10 câu

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	A	B	A	A	C	A	D	A	C

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Biểu điểm
Câu 1. (2,0 điểm)	Hs có thể trả lời các đáp án sau: a. Truyền thống gia đình, dòng họ: yêu nước, hiếu thảo, hiếu học, cần cù lao động.	1,0
	b. Bạn Lan cố gắng học thật giỏi để duy trì và phát huy truyền thống hiếu học của gia đình mình..	1,0
Câu 2. (3,0 điểm)	a.- Long có biểu hiện siêng năng học tập và làm bài tập đầy đủ. Nhưng Long lại thiếu tính kiên trì vì không quyết tâm làm bài tập khi gặp bài khó - Em sẽ khuyên Long : Là học sinh, nếu chỉ có tính siêng năng thôi chưa đủ, mà còn phải có tính kiên trì mới đạt kết quả tốt trong học tập. Muốn có tính kiên trì thì cần phải thường xuyên rèn luyện ngay từ khi còn nhỏ. Nếu bạn cứ phụ thuộc vào sách giải thì sẽ không hiểu được kiến thức, sẽ bị lệ thuộc và như vậy kết quả học tập sẽ không cao.	1,0 1,0
	b. Học sinh chia sẻ những việc mình đã làm để thể hiện tính kiên trì, siêng năng trong học tập: <i>luôn hoàn thành các nhiệm vụ học tập thầy cô giao; gặp bài khó cố gắng thực hiện hoàn thành.....</i>	1,0

**Lưu ý: GV trong quá trình chấm có thể linh hoạt với những cách giá.*

TUẦN 11

NGÀY SOẠN: 11/1/2023

BÀI 4, TIẾT 11: TÔN TRỌNG SỰ THẬT(TT)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Về kiến thức:

- Thực hiện được các cách thức để tôn trọng sự thật.
- Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm.
- Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật.

2. Về năng lực:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Tự giác thực hiện một cách đúng đắn những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống.

- *Năng lực phát triển bản thân:* Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện.

- *Tư duy phê phán:* Đánh giá, phê phán được những hành vi chưa chuẩn mực, vi phạm đạo đức, chà đạp lên các giá trị đạo đức của con người với con người.

- *Hợp tác, giải quyết vấn đề:* Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm góp phần lan tỏa sự trung thực, trách nhiệm và tôn trọng sự thật.

3. Về phẩm chất:

- *Trung thực:* Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân.

- *Trách nhiệm:* thực hiện đúng nội quy nơi công cộng; chấp hành tốt pháp luật, không tiếp tay cho kẻ xấu.

HSKT: Hiểu được cách thức tôn trọng sự thật, tỏ thái độ đồng tình và không đồng tình với các biểu hiện của tôn trọng sự thật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6* (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống) tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết được một cách đơn giản thế nào tôn trọng sự thật

- Phát hiện được vấn đề cần tìm hiểu:

+ *Thấy được vai trò ý nghĩa của việc tôn trọng sự thật*

+ *Biết được một số việc làm đơn giản thể hiện việc tôn trọng sự thật.*

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia trò chơi "Truyền tin"

- Học sinh sẽ truyền tai nhau một câu nói do người đứng đầu đưa ra, nhiệm vụ của mỗi người sẽ là truyền tai nhau thật chính xác và đúng quy định

c. Sản phẩm: Học sinh tích cực tham gia thi, truyền được tin cho nhau một cách chính xác và rút ra được ý nghĩa của trò chơi cũng như trả lời được câu hỏi giáo viên đưa ra

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS chia thành nhóm:

+ Giao nhiệm vụ và phổ biến cách chơi cho các nhóm

Quản trò chọn ra hai đội chơi, mỗi đội gồm 5 – 7 HS;

Phổ biến luật chơi như sau: Quản trò sẽ nói thầm một câu khó đọc và dễ nhầm cho người đứng đầu hàng,

Đội 1 truyền tin nhau câu nói: “Anh Cẩn ăn canh”

Đội 2 truyền tin nhau câu nói: “Anh Hạnh ăn hành tươi”

Đội 3 truyền tin nhau câu nói: “Anh Mạnh ăn canh mặn”

Đội 4 truyền tin nhau câu nói: “Lúa nếp là lúa nếp làng / Lúa lên lớp lớp lòng nàng láng láng”

Nhiệm vụ của người nghe là phải truyền tai nhau câu nói đó. Nếu người cuối cùng nói to, đúng, rõ ràng và trôi chảy câu đó thì đội của họ sẽ thắng cuộc.

Khi đội này chơi, các đội khác đóng vai trò là giám khảo

Cả lớp cùng suy nghĩ trả lời câu hỏi sau:

Theo em, để trở thành người thắng cuộc, các thành viên tham gia trò chơi cần tuân thủ điều gì? Em rút ra bài học gì từ trò chơi?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tiến hành trò chơi, cùng suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh quan sát và nhận xét kết quả tham gia chơi của các đội,

- Giáo viên gọi một số học trình trả lời câu hỏi đã đặt ra.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học

GV nhận xét và tổng kết đội thắng trong cuộc thi và chốt kiến thức.

Nếu không thật sự chú ý lắng nghe, chúng ta sẽ truyền đạt sai thông tin.

Ngoài việc đem lại niềm vui, tiếng cười cho mọi người, trò chơi còn muốn nhắc nhở chúng ta cần phải thận trọng, trung thực khi phản ánh hay truyền đạt một thông tin nào đó

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nội dung: Cách tôn trọng sự thật.

HSKT: Hiểu cách thức tôn trọng sự thật.

a. Mục tiêu:

- HS biết cách tôn trọng sự thật có hiệu quả và phù hợp

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nhau trao đổi và hoàn thành nội dung phiếu học tập đó là chỉ ra các cách ứng xử của các nhân vật trong tình huống và nhận xét được cách tôn trọng sự thật của các nhân vật trong từng tình huống.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Học sinh hoàn thành được phiếu học tập theo yêu cầu của giáo viên

Dự kiến sản phẩm hoàn thành như sau

PHIẾU HỌC TẬP

Nội dung tình huống	Nhận xét về cách ứng xử của mỗi nhân vật và cách tôn trọng sự thật của mỗi nhân vật
① Thấy tên trộm đang móc túi của hành khách trên xe buýt, Vũ đi đến bên chủ phụ xe, thì thầm: "Chú ơi, cháu nhìn thấy người áo đen kia đang móc túi ạ!".  Nhóm 1,2	Bạn Vũ đã rất dũng cảm và khôn khéo khi tố cáo tên trộm với phụ xe buýt.
② Giờ ra chơi, Nam ném đá làm vỡ cửa kính lớp học. Thầy giáo biết sự việc xảy ra nên hỏi cả lớp: "Ai đã làm vỡ cửa kính lớp học?". Cả lớp im lặng, căng thẳng. Dũng nhắc khẽ: "Nam, cậu nhận lỗi đi!". Nam tính bơ: "Thầy giáo hỏi: "Nam, em có biết là ai không?". Nam vội trả lời: "Thưa thầy, em thấy có một anh ném đá vào cửa kính lớp học rồi chạy đi ạ!". Thầy hỏi Dũng: "Lớp trưởng, đúng là như vậy chứ?". Dũng đứng dậy: "Thưa thầy, em đã biết người làm điều đó. Sau giờ học, bạn ấy sẽ gặp riêng thầy để nhận lỗi ạ!".  Nhóm 3,4	Dũng là một học sinh biết tôn trọng sự thật và không bao dung cho hành động gian dối. Bạn Dũng thẳng thắn, chân thành và tế nhị khuyên hai bạn nhận lỗi và phản ánh sự thật với thầy giáo
③ Ăn bánh giò béo, ngây lắm ạ!  ④ Dung cùng mẹ đến nhà bác Mai chơi. Bác bóc bánh giò mời hai mẹ con. Dung lắc đầu, từ chối: "Cháu cảm ơn bác, nhưng nhà cháu không có ai thích món này. Ăn bánh giò béo, ngây lắm ạ!". Mẹ Dung từ tốn: "Bác cho em xin miếng nhỏ thôi, mẹ con em vừa mới ăn sáng ở nhà". Nhóm 5,6	Mẹ Dung là 1 người từ tốn rất biết cách ăn nói, thật thà nói sự thật.
Nhận xét: Cách tôn trọng sự thật: luôn nói thật với người thân, bạn bè và người có trách nhiệm bằng thái độ dũng cảm, khéo léo, tinh tế và nhân ái.	

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV cho HS thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm, các nhóm cùng nhau hoàn thành phiếu học tập giáo viên đưa ra với nhiệm vụ là a) <i>Nêu suy nghĩ của em về nội dung đoạn hội thoại?</i> b) <i>Theo em, việc tôn trọng sự thật có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời 2 nội dung trên - Mỗi nhóm mô tả nội dung từng bức tranh vào phiếu học tập do giáo viên đưa ra ứng với từng nội dung trên Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến	3. Cách tôn trọng sự thật <i>Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm bằng thái độ dũng cảm, khéo léo và tinh tế</i>

nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến : - Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật những cách thức để tôn trọng sự thật: Cần tôn trọng sự thật bằng thái độ dũng cảm, khéo léo, tinh tế và tấm lòng nhân ái	
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

HSKT: Biết tỏ thái độ đồng tình không đồng tình với các tình huống tôn trọng và không tôn trọng sự thật.

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lý tình huống cụ thể

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo các nhóm đã phân công, cùng nhau giải quyết các yêu cầu mà tình huống đặt ra

- Hoàn thành sản phẩm là phiếu học tập giáo viên yêu cầu

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Các nhóm đưa ra được quan điểm của mình về các tình huống trong sách, giải quyết được các tình huống đưa ra, câu chuyện trong sách giáo khoa, đưa ra cách giải quyết của mình

DỰ KIẾN SẢN PHẨM HOÀN THÀNH

Nhiệm vụ	Câu trả lời
1. Em đồng tình hay không đồng tình với hành vi nào dưới đây? Vì sao? A. Luôn đồng ý và nói theo số đông. B. Luôn nói đúng những điều có thật. C. Luôn bảo vệ ý kiến và việc làm của mình. D. Luôn phê phán những người không cùng quan điểm với mình.	1. Em đồng tình với ý kiến: B. Luôn nói đúng những điều có thật. Vì: nói những điều có thật sẽ giúp chúng ta có hướng giải quyết tốt đồng thời chúng ta sẽ được mọi người kính trọng.
2. Sau khi học xong bài “Tôn trọng sự thật”, Linh cho rằng trong cuộc sống không phải bao giờ cũng nên tôn trọng sự thật, cần tùy theo từng trường hợp mà ứng xử cho phù hợp. Em đồng ý hay không đồng ý với suy nghĩ của Linh? Vì sao?	2. Em đồng ý với suy nghĩ của Linh. Vì đôi khi không tôn trọng sự thật giúp chúng ta sống tích cực hơn là điều nên làm. Ví dụ như một người bị ung thư sắp chết, nhưng ta nói dối để họ có niềm tin hơn trong việc chữa trị.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên tiếp tục yêu cầu 6 nhóm ở trên thực hiện nhiệm vụ làm các bài tập

Nhóm 1,2,3: Làm bài tập số 1

Nhóm 4,5,6: Làm bài tập số 2

Các nhóm viết câu trả lời vào phiếu học tập giáo viên giao

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm các bài tập và tình huống trong sách giáo khoa theo yêu cầu của giáo viên

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Các nhóm lần lượt báo cáo kết quả

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét kết quả của các nhóm và khái quát nội dung:

- Bài tập 1: *Em đồng tình với ý kiến: B. Luôn nói đúng những điều có thật.*

- Bài tập 2: *Em đồng ý với suy nghĩ của Linh. Vì đôi khi không tôn trọng sự thật giúp chúng ta sống tích cực hơn là điều nên làm. Ví dụ như một người bị ung thư sắp chết, nhưng ta nói dối để họ có niềm tin hơn trong việc chữa trị.*

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

a. Mục tiêu:

HS vận dụng những kiến thức của bài học vào thực tiễn cuộc sống

b. Nội dung:

Học sinh thực hiện 2 bài tập này tại nhà dưới sự hướng dẫn của giáo viên

1. Xây dựng thông điệp về chủ đề “Tôn trọng sự thật”:

Mỗi nhóm xây dựng một thông điệp về chủ đề “Tôn trọng sự thật” và ghi ra giấy. Trưng bày, giới thiệu thông điệp của các nhóm trước lớp. Bình chọn thông điệp hay nhất.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh bày tỏ được quan điểm của bản thân thể hiện tôn trọng sự thật hoặc chưa tôn trọng sự thật

- Biết thực hiện được những hành động để thể hiện việc tôn trọng sự thật

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Giáo viên yêu cầu học sinh làm bài tập này tại nhà và làm vào vở

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh về nhà làm bài tập theo yêu cầu của giáo viên

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV lựa chọn một vài bài viết đọc cho cả lớp cùng nghe vào tiết sau

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

*** Hướng dẫn tự học:**

- Hệ thống kiến thức đã học.

- Hoàn chỉnh các bài tập.

- Đọc và chuẩn bị Tiết 12, 13: “*Tự lập*”

TUẦN 12, 13

NGÀY SOẠN: 19/11/2023

TIẾT 12+13: TỰ LẬP

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm tự lập.
- Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- *Tự chủ và tự học*: Tự lập, tự học tập.
- *Năng lực giao tiếp*: Chủ động, tự tin, trong giao tiếp, thể hiện sự tự lập.
- *Năng lực giải quyết vấn đề*: Có khả năng nhận thức các vấn đề, đưa ra các phương án giải quyết các vấn đề liên quan đến bản thân.

b. Năng lực đặc thù:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Có kiến thức cơ bản để tự nhận thức, tự quản lí, tự bảo vệ bản thân.
- *Năng lực phát triển bản thân*: Hoàn thiện bản thân nhằm nâng cao giá trị bản thân, đạt những mục tiêu cuộc sống phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Tự nhận biết được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, của bản thân, lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện của bản thân mình
- *Năng lực tự chủ và tự học*: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại.

3. Về phẩm chất

- *Chăm chỉ*: Tự rèn luyện tính tự lập của bản thân trong đời sống
- *Trách nhiệm*: Tích cực, chủ động hoàn thành nhiệm vụ học tập, lao động, các hoạt động tập thể, hoạt động đội.

HSKT: Nhận biết biểu hiện và biết cách thực hiện tự lập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. Thiết bị dạy học: Kế hoạch bài dạy, máy tính, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*

III. Tiến trình dạy học

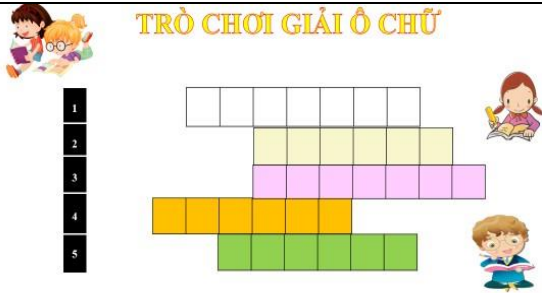
1. Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục tiêu:

- Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.

- Học sinh bước đầu nhận biết về stính tự lập để chuẩn bị vào bài học mới. b) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Chuyển giao nhiệm vụ (nội dung): Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “Ô chữ bí mật”	

 TRÒ CHƠI GIẢI Ô CHỮ - Giải ô chữ để tìm từ khóa. Ai tìm được từ khóa nhanh nhất sẽ chiến thắng. Luật chơi: + Có 5 ô chữ với các màu sắc khác nhau. Mỗi bạn có 1 lượt chọn và trả lời câu hỏi. + Mỗi bạn có 10 giây suy nghĩ. + Mỗi câu hỏi trả lời đúng đạt 10 điểm, trả lời sai không có điểm. 1. Hàng ngang gồm 7 chữ cái, chỉ thành tích nổi bật của học sinh mức bình thường. 2. Hàng ngang 2 gồm 6 chữ cái, chỉ sự đối lập và y lại. 3. Hàng ngang số 3 gồm 7 chữ cái chỉ sự đồng nghĩa với làm việc. 4. Hàng ngang 4 gồm 6 chữ cái, chỉ hoạt động chính học sinh, trường học. 5. Hàng ngang số 5 gồm 6 chữ cái, chỉ thái độ tôn trọng và đúng mực đối với người lớn tuổi. - Sau khi chơi, GV yêu cầu HS chia sẻ những hiểu biết về từ chìa khoá “TỰ LẬP” và dẫn dắt vào bài học.	
--	--

* Thực hiện nhiệm vụ (sản phẩm): - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - HS xung phong chơi trò chơi, cá nhân lần lượt trình bày các câu trả lời. * Báo cáo, thảo luận: - Ô chữ hàng ngang: 1. Xuất sắc 2. Tự giác 3. Làm việc 4. Học tập 5. Lễ phép - Từ khóa: Tự lập * Kết luận, nhận định: Tự lập là một đức tính tốt của con người. Bài học hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về tính tự lập.	
--	--

2. Hoạt động 2: Hình thành

kiến thức mới

Hoạt động 2.1 Tìm hiểu tự lập

HSKT: Nhận biết tự lập

a) Mục tiêu:

- Học sinh nêu được khái niệm tự lập
- Học sinh được phát triển năng lực phát triển bản thân và năng lực tự học.

b) Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ (nội dung):

- GV đã giao nhiệm vụ cho HS tự tìm hiểu khái niệm tự lập, thông qua việc đọc và tìm hiểu truyện **“Hai bàn tay”**, trả lời các câu hỏi:

Câu 1: Vì sao Bác Hồ quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước dù chỉ với hai bàn tay trắng? Câu 2: Từ câu chuyện về Bác Hồ, em hiểu thế nào là tự lập?

- Yêu cầu HS báo cáo việc tự học ở nhà.

* Thực hiện nhiệm vụ :

- HS đã tự tìm hiểu về khái niệm tự lập. *

Báo cáo, thảo luận:

- Bác Hồ quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước dù chỉ với hai bàn tay trắng thể hiện việc không sợ khó khăn, gian khổ, tự lập cao của Bác. Bác có lòng quyết tâm, hăng hái của tuổi trẻ, tin vào chính mình, sức lực của mình, có thể nuôi sống mình bằng hai bàn tay và để tìm đường cứu nước nhà.

- Từ câu chuyện Bác Hồ em hiểu tự lập là tự làm lấy công việc của mình trong cuộc sống.

* Kết luận, nhân định:

- GV chốt lại khái niệm tự lập, yêu cầu HS tự ghi vở.

- GV giảng: Các em ạ! Cách đây 110 năm, ngày 5/6/1911 trên con tàu Latouche Treville, Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước. Con đường đi của Bác bắt đầu từ Châu Á qua Châu Phi sang Châu Âu và trở về Cao Bằng - Việt Nam vào năm 1941. Từ năm 1911 đến năm 1941, ba mươi năm tìm đường cứu nước trải qua muôn vàn tủi nhục, bao đắng cay và làm bao nghề kiếm sống. Cuối cùng người thanh niên bé nhỏ của một đất nước bị áp bức, bóc lột đã làm nên sự nghiệp lớn - đó là tìm ra con đường cứu nước giải phóng dân tộc.

Từ câu chuyện trên, chúng ta nhận thấy Bác là người có ý chí tự lập, có quyết tâm lớn và không ngại khó khăn, gian khổ. Tự làm, tự giải quyết công việc của mình không dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác.

1. Thế nào là tự lập?

- Tự lập là tự làm lấy, tự giải quyết công việc của mình; tự lo liệu, tạo dựng cho cuộc sống của mình; không trông chờ, dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác.

=>Biểu hiện ấy của Bác chính là biểu hiện của một con người có tính tự lập.Vậy em hiểu thế nào là tự lập

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu biểu

hiện của Tự lập. HSKT: Nhân

biết biểu hiện tư lập

a) Mục tiêu:

- Học sinh nêu được các biểu hiện của của người có tính tự lập.
- Học sinh được phát triển năng lực phát triển bản thân. b) Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV hướng dẫn học sinh quan sát 3 bức tranh trong SGK, kết hợp với đọc thông tin và đặt một số câu hỏi để HS tìm hiểu về biểu hiện của tự lập và trái với tự lập trong học tập và sinh hoạt.

+ Các bạn trong tranh đã tự làm được những việc gì?

Ban nào chưa làm được những việc của mình ?

+ Theo em việc làm nào là biểu hiện của tư lập? Vì sao?

- Sau khi HS trả lời, GV tiếp tục nêu câu hỏi:

? Nêu những biểu hiện của tự lập và trái với tự lập ? * Thực hiện nhiệm vụ:

- HS nghe hướng dẫn

- HS quan sát tranh, suy nghĩ câu trả lời * Báo cáo, thảo luận:

- HS trả lời

+Tranh 1: Tư khâu vá quần áo

+ Tranh 2: Ban nữ chưa tự lập khi hỏi chép bài ban nam

+ Tranh 3: Bạn Hải rất tự lập, không dựa dẫm vào người

nhà + *Biểu hiện của tự lập:*

- Luôn tự tin
- Luôn cố gắng khắc phục khó khăn để tự giải quyết các vấn đề trong khả năng của mình.
- Luôn nỗ lực phấn đấu vươn lên trong học tập, cuộc sống - Không trông chờ, dựa dẫm, ỷ lại vào người khác

+ *Biểu hiện chưa tự lập:*

- Lười biếng, hèn nhát
- Luôn dựa dẫm, ỷ lại vào người khác
- Đùn đẩy trách nhiệm, trốn tránh công việc

2. Biểu hiện của tính tự lập

- Là sự tự tin, bản lĩnh cá nhân, dám đương đầu

- Không tự giác trong công việc * Kết luận, nhận định: GV nhấn mạnh những việc nên làm để rèn luyện tính tự lập như chăm chỉ, chủ động học hỏi những điều chưa biết, tích cực học tập và tham gia các hoạt động tập thể - xã hội.	với những khó khăn thử thách. - Có ý chí nỗ lực phấn đấu vươn lên trong cuộc sống. - Không trông chờ, dựa dẫm, ỷ lại, phụ thuộc vào người khác.
---	--

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu ý nghĩa của tự lập

a) Mục tiêu: HS giải thích được ý nghĩa của tự lập.

b) Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ: - Đọc các trường hợp (sgk/24) và trả lời câu hỏi: + Tình huống 1 a) <i>Hưng đã thể hiện tính tự lập như thế nào?</i> b) <i>Tính tự lập đã đem lại điều gì cho Hưng?</i> + Tình huống 2 <i>? Tính tự lập của anh Luận đã đem lại điều gì cho anh và cho xã hội ?</i> - Sau khi HS nhận xét về 2 tình huống, GV hỏi: <i>? Em hãy khái quát ý nghĩa của tự lập đối với bản thân, gia đình và xã hội ?</i> * Thực hiện nhiệm vụ (sản phẩm) - Đọc các tình huống sgk - Suy nghĩ để trả lời các câu hỏi * Báo cáo, thảo luận: + Tình huống 1: a) Hưng đã biểu hiện tự lập: tự ý thức trong học tập, lo toan việc nhà, chăm sóc mẹ và em. b) Tính tự lập đã đem lại cho Hưng kết quả học tập khá tốt. + Tình huống 2:	3. Ý nghĩa của tự lập + Đối với bản thân: Giúp thành công trong cuộc sống và được mọi người tôn trọng; Có thêm kinh nghiệm sống, kinh nghiệm trong công việc;
---	--

Tính tự lập của anh Luận đã mang lại cho anh điều là: doanh nghiệp của anh ngày càng phát triển, tạo công ăn việc làm cho nhiều người. + Đối với bản thân: Giúp thành công trong cuộc sống và được mọi người tôn trọng; Có thêm kinh nghiệm sống, kinh nghiệm trong công việc; Rèn đức tính kiên trì, nhẫn nại để vượt lên mọi hoàn cảnh; + Đối với gia đình: cha mẹ rất hạnh phúc, mọi thành viên trong gia đình cũng yên tâm hơn khi mỗi cá nhân đều tự lo cho bản thân, không dựa dẫm, ỷ lại vào gia đình. + Đối với xã hội: Góp phần phát triển xã hội * Kết luận, nhận định:	Rèn đức tính kiên trì, nhẫn nại để vượt lên mọi hoàn cảnh; + Đối với gia đình: Khi con biết tự lập, cha mẹ rất hạnh phúc vì thấy con mình trưởng thành, tự lo được cho bản thân. Mọi thành viên trong gia đình cũng yên tâm hơn khi mỗi cá nhân đều tự lo cho bản thân, không dựa dẫm, ỷ lại vào gia đình. + Đối với xã hội: Góp phần phát triển xã hội
GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học về biểu hiện, ý nghĩa của tự lập và tổng kết những nội dung chính của bài học (sgk/25)	

2.4. Xây dựng cách rèn luyện tính tự lập.

- Mục tiêu: HS thấy được sự cần thiết phải rèn luyện tính tự lập và đề xuất được cách rèn luyện tính tự lập.
- Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ (nội dung): <i>? Trước những người có tính tự lập em có tình cảm gì? ? Em hãy đánh giá khả năng tự lập của bản thân? (Em đã biết tự lập chưa? Kể những việc làm của em thể hiện tính tự lập?) ? Đề xuất cách rèn luyện tính tự lập?</i> * Thực hiện nhiệm vụ (sản phẩm): - Suy nghĩ câu trả lời * Báo cáo, thảo luận: - HS lần lượt trình bày câu trả lời, các HS khác nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần) * Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chốt vấn đề.	4. Cách rèn luyện tính tự lập: - Chúng ta cần chủ động làm việc. - Tự tin và quyết tâm khi thực hiện hành động. - Học sinh rèn luyện tính tự lập trong học tập, công việc và sinh hoạt hằng ngày.
--	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần Khám phá, áp dụng kiến thức để làm bài tập.
- b) Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao bài tập cho HS. <i>Khoanh tròn vào chữ cái trước phương án em chọn</i> Biểu hiện của tự lập là gì? A. Luôn làm theo ý mình, không nghe ý kiến của người khác. B. Sự tự tin, bản lĩnh cá nhân, dám đương đầu với những khó khăn, thử thách; có ý chí nỗ lực phấn đấu, vươn lên trong học tập, công việc và cuộc sống. C. Sẵn sàng làm mọi cách để đạt mục đích của mình. D. Tự mình làm, không hợp tác với người khác trong công việc. * Thực hiện nhiệm vụ: Suy nghĩ lựa chọn đáp án * Báo cáo, thảo luận: - Đáp án: B * Kết luận, nhận định: * Chuyển giao nhiệm vụ (nội dung):	* Luyện tập Bài tập 2 - Biểu hiện của thói ỷ lại: thờ ơ với cuộc sống, công việc học tập của chính mình, không suy nghĩ cho tương lai, để mặc bố mẹ sắp đặt mọi việc, bé thì được mua điểm, lớn thì được chạy việc cho. Hay đơn giản hơn, từ những việc nhỏ nhất như dọn dẹp phòng ở, giặt giũ,... cũng lười nhác, để bố mẹ làm; gặp bài tập khó thì nhờ vả bạn bè,... - Hậu quả của thói ỷ lại: Người sống ỷ lại, quen dựa dẫm thường lười lao động, suy nghĩ, tư duy, thiếu năng lực đưa ra quyết định trong những hoàn cảnh cần thiết. Từ đó, họ không làm chủ được cuộc đời, không có bản
--	--

<i>1. Sưu tầm ca dao, tục ngữ, châm ngôn nói về tính tự lập.</i> * Thực hiện nhiệm vụ (sản phẩm) - HS suy nghĩ * Báo cáo, thảo luận - Phát biểu cá nhân HS khác bổ sung. * Kết luận, nhận định Bài tập. Sưu tầm ca dao, tục ngữ: - Tự lực cánh sinh - Đi bằng đôi chân của mình. - Đói thì đầu gối phải bò, ... - Nước lã mà vã nên hồ Tay không mà dựng cơ đồ mới ngoan. - Làm người ăn tối lo mai/ Việc mình hồ để để ai lo giùm * Chuyển giao nhiệm vụ (nội dung): - BT2. Em hãy kể về 1 hành vi ỷ lại , dựa dẫm và phụ thuộc vào người khác mà em đã gặp hoặc nghe kể trong học tập và cuộc sống. Em rút ra bài học gì từ những hành vi đó? - BT3: Xử lý tình huống 1. Nếu là Hoa, em sẽ làm gì ? 2. Nếu là Hải, em sẽ nói gì với An ? * Thực hiện nhiệm vụ (sản phẩm): - HS suy nghĩ kể được hành vi ỷ lại, dựa dẫm vào người khác *Báo cáo, thảo luận: - HS kể hành vi và hậu quả của hành vi dựa dẫm, ỷ lại - HS xử lý được tình huống BT3	lĩnh, không có sáng tạo,... dễ gặp thất bại trong mọi việc. Tương lai của đất nước không thể phát triển tốt đẹp nếu những chủ nhân tương lai của đất nước đều lười biếng, ỷ lại như vậy. Bài tập 3 a) Nếu là Hoa em sẽ gọi điện hỏi mẹ cách nấu và tự tay vào bếp để tập nấu. b) Nếu là Hải em sẽ nói An nên tự giác đến trường, không nên phiền bố mẹ như vậy vì nhà bạn gần trường có thể chịu khó đi, mình nên tập tính tự giác khi còn nhỏ từ những việc mình có thể làm.
---	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng (1 phút giao nhiệm vụ/

HS tự thực hiện) a) Mục tiêu:

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống - Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ: - Em hãy lập và thực hiện kế hoạch rèn luyện tính tự lập của bản thân. (Gợi ý SGK/25)	
* Thực hiện nhiệm vụ: - HS lập kế hoạch * Báo cáo, thảo luận: - HS báo cáo vào tiết học sau (phần Luyện tập) * Kết luận, nhận định	

* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Hệ thống bài học.
- Đọc và chuẩn bị bài “ Tự nhận thức bản thân”

TUẦN 14, 15:

NGÀY SOẠN: 3/12/2023 TIẾT 14, 15: TỰ NHẬN THỨC BẢN THÂN

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân; biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân.
- Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân.
- Biết tôn trọng bản thân; xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

- *Điều chỉnh hành vi*: có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống;
- *Phát triển bản thân*: lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân;
- *Tự chủ và tự học*: Nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân. Biết rèn luyện, khắc phục những hạn chế của bản thân ;
- *Giao tiếp và hợp tác*: Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, biết điều chỉnh hành vi của bản thân mình để phù hợp với mối quan hệ với các thành viên trong xã hội.

3. Về phẩm chất:

Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân;

Trách nhiệm: Có thói quen nhìn nhận đánh giá bản thân mình, có ý thức tu dưỡng và rèn luyện.

HSKT: Nhận biết được khái niệm, biểu hiện của tự nhận thức bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6* (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống) tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu: - Tạo được hứng thú với bài học.

- Học sinh bước đầu nhận biết được một cách đơn giản thế nào là tự nhận thức bản thân - Phát hiện được vấn đề cần tìm hiểu:

+ *Nêu được khái niệm tự nhận thức bản thân?*

+ *Cách thức của việc tự nhận*

thức bản thân? + Ý nghĩa của của việc tự nhận thức bản thân?

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tự tham gia trò chơi “ Tự nhận thức về

bản thân”

- Các học sinh sẽ cùng nhau chuẩn bị một tờ giấy, mỗi học sinh trong thời gian nhất định sẽ tự mình: *Em hãy viết lời giới thiệu những điều hài lòng, chưa hài lòng về bản thân*

c. Sản phẩm: Học sinh tích cực tham gia trò chơi và chia sẻ được suy nghĩ về bản thân mình

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS tham gia luật chơi:

+ Giao nhiệm vụ và phổ biến cách chơi cho cả lớp

+ Mỗi bạn chuẩn bị một tờ giấy trắng, trong thời gian 5 phút, các học sinh chia sẻ suy nghĩ với yêu cầu sau

Em hãy viết lời giới thiệu những điều hài lòng, chưa hài lòng về bản thân và chia sẻ với bạn bên cạnh.

Cả lớp cùng suy nghĩ trả lời câu hỏi sau:

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tiến hành trò chơi, cùng suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả

+ Chia sẻ với các bạn bên cạnh của mình

+ Giáo viên mời một số học sinh chia sẻ suy nghĩ trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học

GV nhận xét và tổng kết đội thắng trong cuộc thi và chốt kiến thức, nêu ý nghĩa của từ khóa tự lập

Trong cuộc sống hàng ngày mỗi việc làm của chúng ta đều phải được nhìn nhận lại. Bởi sau khi nhìn nhận lại việc làm của bản thân chúng ta mới nhận ra điểm mạnh của bản thân để phát huy, khắc phục điểm yếu để tự hoàn thiện mình để sống tốt đẹp hơn.

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Thế nào là tự nhận thức bản thân? a. Mục tiêu:

- Trình bày được thế nào là tự nhận thức bản thân. **b. Nội dung:**

- Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm cùng tìm hiểu 2 nội dung sau

+ Nội dung: câu chuyện “*Con gà Đại Bàng*” trong sách giáo khoa

+ Bày tỏ quan điểm của mình về vấn đề liên quan đến tự nhận thức bản thân

- Học sinh lắng nghe câu chuyện, sau đó cùng chia sẻ suy nghĩ của bản thân thông qua đọc câu chuyện trên, trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Các học sinh chia sẻ suy nghĩ của bản thân mình về nội dung câu chuyện trong sách giáo khoa, trả lời được câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên. - Nêu được khái niệm tự nhận thức bản thân là gì **d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Thế nào là tự nhận thức bản thân	I. Khám phá
HSKT: Biết khái niệm, biểu hiện của tự nhận thức bản thân Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin bằng cách mời một HS đọc to, rõ ràng thông tin, cả lớp lắng nghe câu chuyện Con gà đại bàng - Sau khi HS đọc thông tin, GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau: Các nhóm cùng nhau trao đổi 2 vấn đề: Vấn đề 1: Vì sao “con gà” đại bàng không thực hiện được mong ước có thể bay như những chú đại bàng khác? Qua câu chuyện em rút ra bài học gì cho bản thân? Vấn đề 2 Em đồng ý với ý kiến nào dưới đây vì sao <i>Tự nhận thức bản thân là luôn hiểu rõ mình và tự tin với điểm mạnh của mình</i> <i>Tự nhận thức bản thân là nhận ra những điểm tốt, chưa tốt của bản thân. SS mình với người khác và điều chỉnh bản thân mình sao cho giống họ.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh trong nhóm cùng lắng nghe một học sinh đọc truyện, theo dõi câu truyện trong sách giáo khoa - Các nhóm tiến hành làm việc cá nhân: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ suy nghĩ của mình + Nhóm 1 + Nhóm 2 Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để 1. “Con Gà” Đại bàng không thực hiện được ước mơ có thể bay như những chú đại bàng khác vì nó luôn nghĩ nó là gà không phải là loài chim nên không thể bay, không nhận thức được khả năng của bản thân mình. 2. Qua câu chuyện em rút ra bài học cho bản thân: - Phải nhận thức được ưu, khuyết điểm của bản thân	1. Thế nào là tự nhận thức bản thân? *Nhận xét <i>Tự nhận thức bản thân là biết nhìn nhận, đánh giá đúng về bản thân mình (khả năng, hiểu biết, tính tình, sở thích, thói quen, điểm mạnh, điểm yếu,...).</i>

- Mạnh dạn quyết tâm theo đuổi ước mơ - Luôn học hỏi để cố gắng thay đổi, hoàn thiện bản thân, khắc phụ điểm yếu và phát huy điểm mạnh 3. Em đồng ý với ý kiến: - Tự nhận thức bản thân là tự nhìn nhận, đánh giá về khả năng, thái độ, hành vi, việc làm, điểm mạnh và điểm yếu của bản thân. - Luôn tìm hiểu rõ mình và tự tin với điểm mạnh của mình.	
---	--

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Ý nghĩa của tự nhận thức bản thân

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được ý nghĩa của việc tự nhận thức về bản thân.

b. Nội dung:

- Học sinh tiếp tục làm việc theo nhóm, các học sinh cùng nhau trao đổi và chia sẻ suy nghĩ của bản thân mình về 4 quan điểm đặt ra trong câu chuyện sách giáo khoa

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Học sinh hoàn thành được các câu hỏi trong sách giáo khoa

Nội dung ý kiến	Đồng ý	Không đồng ý	Giải thích
1. Có cái nhìn trung thực về ưu điểm, nhược điểm của mình.	X		Giúp nhận ra điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.
2. Xác định được những việc cần làm để hoàn thiện bản thân.	X		Biết rõ mong muốn, những khả năng, những khó khăn, thách thức của bản thân để có thể đặt mục tiêu, ra quyết định và giải quyết vấn đề phù hợp.
3. Dễ đồng cảm và chia sẻ với người khác.	X		Dễ đồng cảm trong giao tiếp, ứng xử phù hợp với người khác
4. Có những việc làm và cách ứng xử phù hợp với mọi người xung quanh	X		Biết rõ mong muốn của bản thân giúp giao tiếp, ứng xử phù hợp với người khác

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
--	-------------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV cho HS thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập Giáo viên chia lớp thành các nhóm, các nhóm cùng nhau hoàn thành phiếu học tập giáo viên đưa ra với nhiệm vụ là

Mỗi nhóm đưa ra quan điểm của mình về một ý kiến trong sách giáo khoa



PHIẾU BÀI TẬP (THẢO LUẬN NHÓM)

Tìm hiểu ý nghĩa của tự nhận thức bản thân bài hoàn thiện phiếu bài tập

Nội dung ý kiến	Đồng ý	Không đồng ý	Giải th
1. Có cái nhìn trung thực về ưu điểm, nhược điểm của mình.			
2. Xác định được những việc cần làm để hoàn thiện bản thân.			
3. Dễ đồng cảm và chia sẻ với người khác.			
4. Có những việc làm và cách ứng xử phù hợp với mọi người xung quanh			

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các thành viên trong nhóm cùng nhau trao đổi, suy nghĩ tìm hiểu để trả lời nội dung trên

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm lần lượt lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến :

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật những biểu hiện của tự lập.

Trong học tập và cuộc sống, cá nhân biết tự nhận thức đúng bản thân sẽ giúp chúng ta có khả năng hoàn thành tốt

2. Ý nghĩa của tự nhận thức bản

thân Tự nhận thức đúng về bản thân sẽ giúp em:

+ Nhận ra điểm mạnh của bản thân để phát huy, điểm yếu để khắc phục.

+ Biết rõ mong muốn, những khả năng, những khó khăn, thách thức của bản thân để có thể đặt ra mục tiêu, ra quyết định và giải quyết vấn đề phù hợp.

+ Giao tiếp, ứng xử phù hợp với người khác

công việc đặt ra, giải quyết hài hòa các mối quan hệ.	
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

Bài tập 1

a. Mục tiêu:

- HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình học để làm bài tập và giải quyết các tình huống.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân kết hợp với làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập trong sách giáo khoa theo yêu cầu của giáo viên
- Hoàn thành sản phẩm là phiếu học tập giáo viên yêu cầu **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh:
- Các học sinh hoàn thành được bài tập do giáo viên yêu cầu **d.**

Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh là việc cá nhân, mỗi học sinh tự mình khám phá bản thân thông qua việc hoàn thành phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP

Thông tin cá nhân	Bản thân tự đánh giá	Bạn bè đánh giá
Ngoại hình		
Tính cách		
Sở thích		
Thói quen		

Kế hoạch phát huy ưu điểm, khắc phục các khuyết điểm của bản thân

Ưu điểm/ hạn chế	Biện pháp phát huy, khắc phục
------------------	-------------------------------

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh tiến hành làm việc cá nhân tự đánh giá bản thân mình
- Chuyển cho bạn bên cạnh nhận xét đánh giá về bản thân mình
- Học sinh so sánh, đánh giá ưu điểm, khắc phục hạn chế để hoàn thiện bản thân

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Học sinh trình bày kết quả của mình thông qua việc trình bày bảng nhận xét về ưu điểm, hạn chế và biện pháp phát huy và khắc phục

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên đánh giá việc tiến hành làm việc cá nhân, làm việc theo nhóm của mỗi học sinh

Đánh giá việc tự nhận xét bản thân của mỗi học sinh, và bản phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của mỗi học sinh

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

Bài tập 1: Mỗi ngày hãy dành 15 phút để suy nghĩ về những trải nghiệm của bản thân, bao gồm những điều mong muốn, những điều tốt lành, những điều chưa tốt vào nhật kí. Sau mỗi tháng hãy xem lại để biết bản thân thay đổi như thế nào

a. Mục tiêu:

HS vận dụng những kiến thức của bài học vào thực tiễn cuộc sống

b. Nội dung:

Học sinh biết xây dựng kế hoạch tự hoàn thiện bản thân tại nhà dưới sự hướng dẫn của giáo viên

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh lập được kế hoạch nêu rõ những biện pháp cách thức đặt ra

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Giáo viên yêu cầu học sinh làm bài tập này tại nhà và làm vào vở

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh về nhà làm bài tập theo yêu cầu của giáo viên

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV lựa chọn một vài bài viết đọc cho cả lớp cùng nghe vào tiết sau

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Hệ thống kiến thức bài học
- Hoàn thành một số bài tập liên quan.
- Chuẩn bị : Ôn tập cuối HKI

RÚT KINH NGHIỆM:

.....

TUẦN 16 NGÀY SOẠN: 17/12/2023 TIẾT 16: ÔN TẬP GIỮA KI I

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Biết được những kiến thức đã học về chuẩn mực đạo đức.
- Hiểu được ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội.
- củng cố các kiến thức đã học từ bài 4 đến bài 6.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng: Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: Tự chủ, tự tin, trung thực. **HSKT: Hoàn thành các khái niệm, nhận biết biểu hiện.**

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học:

- Bảng phụ, bút dạ, sơ đồ tư duy.

2. Học liệu:

- Sách giáo khoa, tình huống có vấn đề, hình ảnh minh họa, thơ, ca dao, tục ngữ, âm nhạc, những ví dụ thực tế, ...

III. Tiến trình

dạy học 1.

Hoạt động 1:

Khởi động

a) Mục tiêu:

- Giới thiệu bài học, giúp học sinh hứng thú với bài học, tạo ra tình huống để dẫn dắt vào bài học.

b) Nội dung:

- GV cho HS chơi trò chơi xem tranh đoán tên bài học. **c) Sản phẩm:** - HS nhận xét.

d) Cách thức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Giáo viên dán hình ảnh đã chuẩn bị sẵn lên bảng và gọi 2 – 3 nêu tên.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs đoán tên bài học theo tranh. * **Báo cáo kết quả:**

+ GV mời HS trả lời.

+ Học sinh khác xem, đánh giá, nhận xét.

* **Đánh giá nhận xét:** Giáo viên nhận xét, bổ sung.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a) Mục tiêu:

- Giúp HS ôn lại nội dung từ bài 4-6.

b) Nội dung:

- GV cho HS đọc SGK và gọi HS hoàn thành kiến thức theo trình tự các câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- HS ôn lại kiến thức đã học. **d) Cách thức thực hiện**

* **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** + Giáo viên cho hs đọc nội và thảo luận nhóm hoàn thành PHT sau:

Chủ đề	Chuẩn mực đạo đức	Khái niệm	Biểu hiện	Ý nghĩa	Rèn luyện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

1	TÔN TRỌNG SỰ THẬT	Sự thật là những gì có thật trong cuộc sống hiện thực và phản ánh đúng hiện thực cuộc sống.	Biểu hiện của tôn trọng sự thật là: suy nghĩ, nói và làm đúng theo sự thật.	Tôn trọng sự thật sẽ góp phần bảo vệ cuộc sống, bảo vệ những giá trị đúng đắn, tránh nhầm lẫn, oan sai; giúp con người tin tưởng gắn kết với nhau hơn; làm cho tâm hồn thanh	Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm bằng thái độ dũng cảm, khéo léo, tinh tế và nhân ái.
---	--------------------------	---	---	--	--

				thân và cuộc sống tốt đẹp hơn.	
2	TỰ LẬP	Tự lập là tự làm lấy, tự giải quyết công việc của mình trong cuộc sống.	Biểu hiện: Tự lập thể hiện sự tự tin, bản lĩnh cá nhân, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, có ý trí nỗ lực phấn đấu vươn lên trong cuộc sống, không trông chờ, dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác.	Giúp con người đạt được thành công trong cuộc sống và xứng đáng nhận được sự kính trọng từ mọi người.	- HS cần rèn luyện tính tự lập trong học tập, công việc và sinh hoạt hằng ngày.

3	TỰ NHẬN THỨC BẢN THÂN	Tự nhận thức về bản thân là biết nhìn nhận, đánh giá đúng về bản thân mình (khả năng, hiểu biết, tính cách, thói quen, sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, ...).		- Tự nhận thức đúng về bản thân sẽ giúp em: + Nhận ra điểm mạnh của bản thân để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. + Biết rõ mong muốn, những khả năng, khó khăn, thách thức của bản thân để đạt được mục tiêu, ra quyết	- Để tự nhận thức đúng về bản thân, em cần: + Đánh giá bản thân qua thái độ, hành vi, kết quả trong từng tình huống cụ thể. + Quan sát phản ứng và lắng nghe ý kiến nhận xét của người khác về mình.
				định và giải quyết vấn đề phù hợp.	+ So sánh những nhận xét, đánh giá của người khác về mình với tự nhận xét, đánh giá của mình. + Thân thiện, cởi mở, tích cực tham gia các hoạt động để rèn luyện và phát triển bản thân.

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS đọc nội dung SGK và hoàn thành PHT.

- Báo cáo, thảo luận:

*** Báo cáo kết quả:**

+ Học sinh khác nghe, đánh giá, nhận xét và đặt câu hỏi phản biện (nếu cần).

* **Đánh giá nhận xét:** Giáo viên nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- Học sinh vận dụng những kiến thức vừa học để trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ, giải quyết các tình huống học tập.

b) Nội dung:

GV cho HS sắm vai và trả lời câu hỏi, luyện tập nội dung kiến thức đã học. c) Sản phẩm:

HS xử lý tình huống, nêu ra quan điểm cá nhân. d) Cách thức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên cho HS thảo luận cặp đôi và trả lời các câu hỏi bài tập trong SGK. * **Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Học sinh thảo luận chung để trả lời.

* **Báo cáo kết quả:** HS trả lời, HS khác nhận xét.

* **Đánh giá nhận xét:** Giáo viên nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức trọng tâm.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

- Học sinh vận dụng kiến thức đã được hình thành ở các hoạt động trên để giải quyết các nhiệm vụ liên quan đến suy nghĩ và cảm nhận của chính học sinh.

b) Nội dung:

- Giao bài tập cho học sinh.

c) Sản phẩm:

- Tìm được câu ca dao, tục ngữ.

d) Cách thức thực hiện

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** Suy tầm ca dao, tục ngữ, truyện đọc... về các nội dung đã học.

- TUẦN 17 NGÀY SOẠN: 24/12/2023 TIẾT 17:**
KIỂM TRA CUỐI HKI I

MÔN: GDCD – LỚP 6

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

TT	Mạch nội dung	Nội dung/chủ đề/bài	Mức độ đánh giá								Tổng			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Câu TN	Câu TL	Tổng điểm	
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL				
1	Giáo dục đạo đức	Yêu thương con người	1 câu									1 câu		0.5
		Tôn trọng sự thật	2 câu		2 câu					1 câu	4 câu	1 câu	3.0	
		Tự lập	2 câu			1 câu					2 câu	1 câu	3.0	
2	Giáo dục kĩ năng sống	Tự nhận thức bản thân	3 câu					1 câu			3 câu	1 câu	3.5	
Tổng câu			8		2	1		1		1	10	3	10	
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		50%	50%		

Tỉ lệ chung	70%	30%	100%	
-------------	-----	-----	------	--

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
KỲ I
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

KIỂM TRA CUỐI
MÔN: GDCD – LỚP 6

gian: 45
thời gian

BẢNG ĐẶC TẢ

phút (không kể
giao đề)

Thời

T T	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Giáo dục	Yêu thương con người	Nhận biết: - Yêu thương con người.	1TN			

(Đề này gồm có 02 trang)

MÃ ĐỀ A

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm) Chọn phương án trả lời đúng trong các câu sau, rồi ghi vào giấy làm bài chữ cái đứng trước phương án đó. **Câu 1: Yêu thương con người là gì?**

- A. Giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn, hoạn nạn.
- B. Quan tâm người khác khi gặp khó khăn, hoạn nạn.
- C. Yêu quý, kính trọng người lớn tuổi và những người xung quanh.
- D. **Quan tâm, giúp đỡ người khác và làm những điều tốt đẹp cho người khác.**

Câu 2: Tôn trọng sự thật

- là A. suy nghĩ, nói và làm theo đúng sự thật.
- B. bịa đặt, vu khống, nói xấu về người khác.
- C. cương quyết bảo vệ ý kiến cá nhân đến cùng.
- D. giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn, hoạn nạn.

Câu 3: Biểu hiện của tôn trọng sự

thật là gì? A. Nói đi học để đi chơi game.

- B. Nhận xét, đánh giá chưa đúng sự thật để có lợi cho mình.
- C. Nói đúng sự thật với thầy cô, bạn bè và những người xung quanh.
- D. Người dân nói không cung cấp đúng thông tin với những người có trách nhiệm thi hành pháp luật.

Câu 4: Em tán thành ý kiến nào dưới đây khi nói về biểu hiện của tôn trọng sự thật?

- A. Không ai biết thì không nói sự thật.
- B. Chỉ cần trung thực với một bạn là đủ.
- C. Không chấp nhận sự giả tạo, lừa dối.
- D. Nói bí mật của người khác cho bạn nghe.

Câu 5: Việc không nên làm để trở thành người tôn trọng sự thật?

- A. Biết nhận lỗi của bản thân và nhận thức khách quan về người khác.
- B. Trung thực trong thi cử, báo cáo thầy giáo về lỗi sai của bạn.
- C. **Tổ cáo hành vi, việc làm sai trái.**
- D. Che giấu, bao biện lời nói dối của người khác.

Câu 6: Tự làm, tự giải quyết công việc, tự lo liệu, tạo dựng cuộc sống cho mình được gọi là

A. trung thành

B. trung thực

C. tự lập

D. tiết kiệm

Câu 7: Hành động nào dưới đây là biểu hiện của đức tính tự lập?

A. H đi dã ngoại nhưng bạn không tự chuẩn bị mà nhờ chị gái chuẩn bị giúp mình.

B. L luôn tự dọn dẹp nhà cửa, nấu cơm, giặt quần áo mà không cần bố mẹ nhắc nhở.

C. Gặp bài toán khó, V giờ ngay phần hướng dẫn giải ra chép mà không suy nghĩ.

D. Làm việc nhóm nhưng T không tự giác mà luôn ỷ lại vào các bạn.

Câu 8: Biết nhìn nhận, đánh giá về khả năng, thái độ, hành vi, việc làm, điểm mạnh, điểm yếu... của bản thân được gọi là

A. thông minh

B. tự nhận thức về bản thân.

C. có kĩ năng sống

D. tự trọng

Câu 9: Tự nhận thức bản thân sẽ giúp chúng ta thực hiện được những việc làm nào dưới đây?

A. Tìm cách che giấu những điểm hạn chế của bản thân.

B. Nhận ra được các thói quen xấu, có hại và duy trì thói quen đó.

C. Tìm cách khắc phục điểm yếu và phát huy điểm mạnh của bản thân.

D. Tự hào về bản thân và luôn cho rằng mình là người tài giỏi hơn người.

Câu 10: Đâu là một trong những việc chúng ta cần làm để nhận thức đúng về bản thân?

A. Quan sát phản ứng và lắng nghe nhận xét của người khác về mình.

B. Sống nội tâm, không cần phải chia sẻ những cảm nhận của mình.

C. Bản thân mình tự ý thức không cần phải để ý người khác nói về mình.

D. Nhận thấy mình giỏi thì không cần phải rèn luyện hay học hỏi gì thêm nữa.

PHẦN II: TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

Vì sao phải rèn luyện tính tự lập trong cuộc sống? Hãy kể những việc làm thể hiện tính tự lập của em trong cuộc sống hằng ngày?

Câu 2: (2.0 điểm) Em sẽ xử sự như thế nào trong các tình huống sau? a. Trong tiết học Toán, còn một số vấn đề em chưa hiểu.

b. Trong tiết sinh hoạt lớp, cô giáo chủ nhiệm muốn học sinh phát biểu ý kiến của mình về các biện pháp giúp lớp thực hiện tốt nội quy.

Câu 3: (1.0 điểm)

Hưng và Minh cùng đi học. Trên đường đi, Minh rẽ vào cửa hàng đồ chơi điện tử nên đến lớp muộn, nhưng Minh báo với cô giáo là bị hỏng xe giữa đường. Nếu em là Hưng, em sẽ làm gì khi thấy Minh báo cáo với cô giáo là Minh bị hỏng xe?

...Hết...

UBND HUYỆN NÚI THÀNH **KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC**
2023-2024

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

MÔN: GDCD – LỚP 6

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

ĐỀ	CHÍNH
THỨC	

(Đề này gồm có 02 trang)

MÃ ĐỀ B

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm) Chọn phương án trả lời đúng trong các câu sau, rồi ghi vào giấy làm bài chữ cái đứng trước phương án đó.

Câu 1: Quan tâm, giúp đỡ người khác, làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những người khó khăn, hoạn nạn là khái niệm nào dưới đây?

- | | |
|----------------------------|---------------------------|
| A. Giúp đỡ người khác. | B. Yêu thương con người. |
| C. Đồng cảm và thương hại. | D. Thương hại người khác. |

Câu 2: Những gì có thật trong cuộc sống và phản ánh đúng hiện thực cuộc sống được gọi là

- | | |
|--------------|-------------|
| A. sự thật | B. dũng cảm |
| C. khiêm tốn | D. tự trọng |

Câu 3: Đây là biểu hiện tôn trọng sự thật?

- | |
|---|
| A. Nói đúng những gì mình được chứng kiến. |
| B. Luôn bảo vệ mọi ý kiến, việc làm của mình. |

- C. Phê phán những việc mà mình không thích. D. Dù không bằng lòng nhưng luôn đồng ý theo số đông trong tập thể.

Câu 4: Em tán thành ý kiến nào dưới đây khi nói về biểu hiện của tôn trọng sự thật? A. Cố gắng không làm mất lòng ai.

- B. Phê phán những việc làm sai trái.
C. Chỉ làm những việc mà mình thích.
D. Hạn chế tham gia vào những việc không liên quan đến mình

Câu 5: Em không đồng tình với ý kiến nào dưới đây?

- A. Nên tôn trọng sự thật để bản thân cảm thấy được yên bình.
B. Tôn trọng sự thật trong một số tình huống cần thiết.
C. Học cách tôn trọng sự thật ngay từ khi còn bé. D. Tôn trọng sự thật, cuộc sống sẽ trở nên tốt đẹp hơn.

Câu 6: Tự lập là A. dựa vào người khác, nếu mình có thể nhờ được.
B. tự làm lấy các công việc của mình trong cuộc sống.
C. ỷ lại vào người khác, đặc biệt là vào bố mẹ của mình.
D. đợi bố mẹ sắp xếp nhắc nhở mới làm, không thì thôi.

Câu 7: Hành động thể hiện tính tự lập là A. chỉ học bài cũ khi bị cô giáo nhắc nhở.

- B. khi mẹ nhắc nhở mới giặt quần áo, nấu cơm.
C. nhà có điều kiện thì không cần học nhiều.
D. tích cực phát biểu xây dựng bài trong lớp.

Câu 8: Biết nhìn nhận, đánh giá đúng về bản thân mình là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Tự nhận thức về bản thân. B. Tư duy thông minh.
C. Có kĩ năng sống tốt. D. Sống tự trọng.

Câu 9: Tự nhận thức về bản thân sẽ giúp chúng ta

- A. sống tự cao, tự đại khi biết được những điểm mạnh của bản thân.
B. bắt chước lối sống của người khác cho phù hợp với tất cả mọi người.
C. nhận ra điểm mạnh của bản thân để phát huy, điểm yếu để khắc phục.
D. tỏ ra thờ ơ, không có trách nhiệm với tình huống xảy ra trong đời sống.

Câu 10: Đây là một trong những việc chúng ta cần làm để nhận thức đúng về bản thân?

- A. Không cần phải quan sát phản ứng và lắng nghe nhận xét của người khác về mình.
B. Khi thấy mình hoàn hảo rồi thì không cần phải rèn luyện hay học hỏi gì thêm nữa.

- C. Đánh giá bản thân qua thái độ, hành vi, kết quả trong hành động, tình huống cụ thể. D. Sống nội tâm, không cần phải chia sẻ những cảm nhận của mình với người khác. **PHẦN II: TỰ LUẬN (5.0 điểm)**

Câu 1: (2.0 điểm)

Vì sao phải rèn luyện tính tự lập trong học tập? Hãy nêu những việc làm thể hiện tính tự lập trong học tập của em?

Câu 2: (2.0 điểm)

Em sẽ xử sự như thế nào trong các tình huống sau?

- Em phát hiện một bạn trong lớp đã nói xấu em với nhiều người.
- Với tính nhút nhát, cô giáo giao nhiệm vụ cho em báo cáo bài tập của nhóm trước lớp.

Câu 3: (1.0 điểm)

Bạn Cường và bạn An chơi rất thân với nhau. Vì An có mâu thuẫn với Dũng nên An đã bịa đặt rằng Dũng là người ăn trộm đồ của nhà hàng xóm. An muốn Cường đứng ra làm chứng cho mình là người nói đúng sự việc trên và đem chuyện này kể với các bạn trong lớp. Trong tình huống đó, nếu em là bạn Cường thì em sẽ làm gì?

...Hết...

UBND HUYỆN NÚI THÀNH **KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC**
2023-2024

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

MÔN: GDCD – LỚP 6

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

HƯỚNG DẪN CHẤM

(Hướng dẫn chấm này có 03 trang)

HSKT: Hoàn thành đúng 05 câu trắc nghiệm thi Đạt

I. TRẮC NGHIỆM: (5.0 điểm) Mỗi câu

đúng được 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Mã đề A	D	A	C	C	D	C	B	B	C	A

Mã đề B	B	A	A	B	B	B	D	A	C	C
--------------------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

II. TỰ LUẬN: (5.0 điểm) MÃ ĐỀ A:

Câu 1: (2.0 điểm)	HS trả lời: - Giải thích được nguyên nhân cần tự lập trong cuộc sống hằng ngày: + Sẽ giúp chúng ta thành công trong cuộc sống và xứng đáng được người khác kính trọng. - Những việc làm thể hiện tính tự lập trong cuộc sống hằng ngày: (Hs kể được ít nhất 2 việc làm - Mỗi việc làm: 0.5đ) + Tự dọn dẹp nhà cửa. + Biết chăm sóc sức khỏe của bản thân. + Tự nấu những món ăn đơn giản khi vắng ba mẹ. + Phụ giúp ba mẹ đi chợ, trồng rau, ... (HS chọn các việc làm phù hợp vẫn ghi điểm tối đa)	1.0 điểm
Câu 2: (2.0 điểm)	a. Mạnh dạn hỏi bạn bè hoặc thầy giáo những điều chưa hiểu, mong thầy và bạn có thể giảng lại cho mình hiểu... b. Cùng với các bạn trong lớp thảo luận, đóng góp ý kiến đề xuất các biện pháp giúp lớp thực hiện tốt nội quy, bản thân cũng phải tự giác thực hiện nội quy trường lớp.	1.0 điểm 1.0 điểm
Câu 3 (1.0 điểm)	Em sẽ xử sự: - Chưa vội vàng nói với cô giáo. - Để cuối tiết nhẹ nhàng góp ý cho Minh, giúp Minh hiểu được việc không thành thật với cô giáo là không nên mà hãy rút kinh nghiệm lần sau đừng nói dối nữa. - Khuyên Minh nên tôn trọng sự thật, thật thà nhận lỗi với cô và hứa lần sau không tái phạm... (HS chọn cách giải quyết phù hợp vẫn ghi điểm tối đa)	0.5 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm
	(HS chọn cách giải quyết phù hợp vẫn ghi điểm tối đa)	

(Phần tự luận tùy theo cách giải quyết, trình bày của HS, GV thấy đúng linh hoạt ghi điểm)

MÃ ĐỀ B:

Câu 1: (2.0 điểm)	HS trả lời: - Giải thích được nguyên nhân cần tự lập trong học tập: + Sẽ giúp chúng ta tiến bộ, thành công trong học tập và được thầy cô, bạn bè yêu quý. - Những việc làm thể hiện tính tự lập trong học tập (Hs kể ít nhất 2 việc làm – Mỗi việc làm: 0.5đ) + Tự chuẩn bị bài mà không để ba mẹ nhắc nhở. + Tích cực xây dựng, phát biểu bài trong giờ học. + (HS chọn các việc làm phù hợp vẫn ghi điểm tối đa)	1.0 điểm
Câu 2: (2.0 điểm)	a. Xem lại bản thân mình ưu điểm, nhược điểm của mình. Nếu những điều bạn kia nói là đúng mình sẽ chủ động sửa chữa. Nếu bạn nói chưa đúng sẽ gặp bạn để góp ý với bạn yêu cầu bạn tôn trọng và nói đúng về mình. b. Nhận nhiệm vụ cô giao và chuẩn bị chu đáo bài báo cáo với sự góp ý của nhóm để trình bày trước đám đông Tự tin và nỗ lực vượt qua sự nhút nhát của bản thân để hoàn thành.	1.0 điểm
Câu 3: (1.0 điểm)	* Nếu là Cường, em sẽ: - Can ngăn hành động của An và khẳng định việc làm của An sai trái, đi ngược với sự thật. - Cần giúp An hiểu rõ là không nên có hành động nói sai sự thật, vu oan cho người khác là một lỗi lầm lớn. - Chỉ ra những hậu quả mà An sẽ phải gây ra cho Dũng và cho cả An, ...	0.5 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm

(Phần tự luận tùy theo cách giải quyết, trình bày của HS, GV thấy đúng linh hoạt ghi điểm)

TUẦN 18 NGÀY SOẠN: 7/1/2024 TIẾT 18: TỰ NHẬN THỨC BẢN THÂN (TT)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu được cách thức để tự nhận thức bản thân.
- Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân.
- Biết tôn trọng bản thân; xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

- *Điều chỉnh hành vi*: có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống;
- *Phát triển bản thân*: lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân;
- *Tự chủ và tự học*: Nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân. Biết rèn luyện, khắc phục những hạn chế của bản thân ;
- *Giao tiếp và hợp tác*: Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, biết điều chỉnh hành vi của bản thân mình để phù hợp với mối quan hệ với các thành viên trong xã hội.

3. Về phẩm chất:

Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân;

Trách nhiệm: Có thói quen nhìn nhận đánh giá bản thân mình, có ý thức tu dưỡng và rèn luyện.

HSKT: Nhận biết cách thực hiện tự nhận thức bản thân

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. **Thiết bị dạy học**: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. **Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6* (bộ Kết nối tri thức với cuộc sống) tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu: - Tạo được hứng thú với bài học.

- Học sinh bước đầu nhận biết được một cách đơn giản thế nào là tự nhận thức bản thân - Phát hiện được vấn đề cần tìm hiểu:

+ *Nêu được khái niệm tự nhận thức bản thân?*

+ *Cách thức của việc tự nhận*

*thức bản thân? + Ý nghĩa của
của việc tự nhận thức bản thân?*

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tự tham gia trò chơi “
Điều em muốn nói”

- Các học sinh sẽ cùng nhau chuẩn bị một tờ giấy, mỗi học sinh trong thời gian nhất định sẽ tự mình viết ra giấy các thông tin sau và chia sẻ với người cạnh bên.

c. Sản phẩm: Học sinh tích cực tham gia trò chơi và chia sẻ được
suy nghĩ về bản

thân mình

*Em hãy viết ra giấy các thông tin sau và chia sẻ với
người cạnh bên. Ba điều mà em thích: đọc sách, nghe
nhạc, đá bóng...*

Ba điều mà em không thích: Câu cá, xem phim, bơi lội

Ba điểm mạnh của em: nghe tiếng anh, giải toán, hát

*Ba điểm cần cố gắng của em: Tập trung,
mạnh dạn, kiên nhẫn Ước mơ của em: kỹ sư d.*

Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS tham gia luật chơi:

+ Giao nhiệm vụ và phổ biến cách chơi cho cả lớp

+ Mỗi bạn chuẩn bị một tờ giấy trắng, trong thời gian 5 phút, các học sinh chia sẻ suy nghĩ với yêu cầu sau

*Em hãy viết lời giới thiệu những điều hài lòng, chưa hài lòng về
bản thân và chia sẻ với bạn bên cạnh.*

Ba điều mà em thích

Ba điều mà em không thích

Ba điểm mạnh của em

Ba điểm cần cố gắng của em

Ước mơ của em

Cả lớp cùng suy nghĩ trả lời câu hỏi sau:

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tiến hành trò chơi, cùng suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả
- + Chia sẻ với các bạn bên cạnh của mình

- + Giáo viên mời một số học sinh chia sẻ suy nghĩ trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học
- GV nhận xét và tổng kết đội thắng trong cuộc thi và chốt kiến thức, nêu ý nghĩa của từ khóa tự lập

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Cách tự nhận thức bản thân a. Mục tiêu:

HS tự nhận xét được điểm mạnh, điểm yếu thói quen, hành động đúng, chưa đúng của bản thân và người khác trong những hoạt động cụ thể, biết cách tự rèn luyện để khắc phục những điểm hạn chế sau mỗi hoạt động/ việc làm.

b. Nội dung:

- Học sinh tiếp tục làm việc theo nhóm, ba nhóm cùng nhau nghiên cứu 1 tình huống trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Các nhóm đọc câu chuyện trong sách giáo khoa và trả lời được câu hỏi với từng tình huống cụ thể

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**HSKT biết các cách để tự nhận thức bản thân**

GV hướng dẫn HS khai thác các thông tin trong các tình huống và trả lời câu hỏi

Nhóm 1,2,3: Đọc và trả lời tình huống 1 và trả lời câu hỏi

- a. *Hoa đã tự nhận thức bản thân bằng cách nào?*
- b. *Em còn biết thêm những cách nào khác để tự nhận thức bản thân. Hãy chia sẻ với các bạn?*

Nhóm 4,5,6: Đọc và trả lời tình huống 2 và trả lời câu hỏi

- a. *Em có nhận xét gì về hành động việc làm của Bình*
- b. *Em có đồng tình với việc làm, hành động đó không? Vì sao?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh cùng nhau đọc tình huống, suy nghĩ và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa theo yêu cầu của giáo viên

- Hoàn thành các nhiệm vụ học tập theo quy định

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình. Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến nếu nhóm bạn liệt kê còn thiếu. GV cùng HS tổng hợp ý kiến :

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của mỗi nhóm, điều chỉnh, bổ sung các nội dung mà các nhóm trình bày còn thiếu, kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

GV tóm tắt kiến thảo luận của HS và kết luận

Nhóm 1,3:

- a. Hoa có nhiều đức tính tốt, luôn khiêm tốn và tự học hỏi để tự khắc phục những điểm chưa hài lòng về bản thân, tự hoàn thiện bản thân.
- b. Cách để tự nhận thức bản thân - Tham gia vào các hoạt động tập thể
 - Ghi nhật kí tình huống căng thẳng bản thân gặp phải
 - Liệt kê những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân để đề ra hướng phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu của bản thân.
 - Lắng nghe ý kiến nhận xét của mọi người
 - Thuyết phục bạn bè, người thân chia sẻ những điều họ nghĩ về bạn. - Khi tương tác với những người thoải mái hãy hỏi họ những phản ứng về hành vi, hành động của mình.

3. Cách tự nhận thức bản thân

Để tự nhận thức đúng về bản thân, em cần:

+ Đánh giá bản thân qua thái độ, hành vi, kết quả trong từng hoạt động, tình huống cụ thể.

+ Quan sát phản ứng và lắng nghe nhận xét của người khác về mình. + So sánh những nhận xét/ đánh giá của người khác về mình với tự nhận xét, tự đánh giá của mình.

+ Thân thiện, cởi mở, tích cực tham gia các hoạt động để rèn luyện và phát triển bản thân.

- Tập cách tư duy tích cực, lạc quan, sáng tạo và xây dựng sự tin tưởng với người khác.

Nhóm 2, 4

a. Bình tuyệt đối hóa thần tượng, Bình nên sống thực với bản thân, không nên vì thần tượng mà thay đổi bản thân.

b. Em không đồng tình với hành động, việc làm đó. Vì Bình đã không nhận thức được bản thân mình có đúng như vậy không mà chỉ mãi chạy theo thần tượng.

GV: Kết luận: Để tự nhận thức bản thân em cần

Kết thúc hoạt động Khám phá GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học về ý nghĩa cách tự nhận thức bản thân để tổng kết nội dung chính của bài học thông qua mục chốt nội dung bài học ở SGK nhằm giúp HS củng cố lại tri thức đã khám phá.

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

Bài tập 2

a. Mục tiêu:

- HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được học để giải quyết các tình huống.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm, hai nhóm cùng quan sát một hình ảnh và trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh nhận xét được việc làm của các nhân vật trong sách giáo khoa, và đưa ra các cách giải quyết đối với mỗi nhân vật

Việc làm	Nhận xét	Hậu quả	Lời khuyên
Hình 1	Không nên, vì như vậy sẽ khiến Huy dễ trở thành người nhu nhược.	Khiến Huy trở nên nhu nhược, yếu đuối, tự ti	+ Không nên chấp nhận hoặc thực hiện các việc làm, hành động theo mong muốn của người khác, không giám làm, không giám hỏi những điều thắc mắc, băn khoăn
Hình 2	Không nên. Việc làm này khiến Lan không bao giờ dám bày tỏ ý kiến của mình trước tập thể	Khiến Lan tự ti, không phát triển được ngôn ngữ, tư duy phản biện.	+ Không nên chấp nhận hoặc thực hiện các việc làm, hành động theo mong muốn của người khác, không giám làm, không giám hỏi những điều thắc

Hình 3	Không nên. Vì việc làm này khiến Vi thực hiện việc làm thiếu tự giác, mệt mỏi và hiệu quả học tập không cao	Khiến Vi không phát huy được điểm mạnh của bản thân, không sống đúng với chính mình.	Nên chia sẻ với bố mẹ, người thân những mong muốn của bản thân, nhờ bố mẹ, người thân tư vấn, hỗ trợ thực hiện ước muốn của mình.
--------	---	--	---

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Các nhóm tiếp tục làm việc theo nhóm

Nhóm	Yêu cầu: Em hãy nhận xét việc làm của các nhân vật trong bức tranh và cho biết hậu quả của các việc làm đó Em có lời khuyên gì đối với các nhân vật trong bức tranh để giúp họ vượt qua chính mình		
	Nhận xét	Hậu quả	Lời khuyên
Nhóm 1,2: Hình ảnh 1			
Nhóm 3,4: Hình ảnh 2			
Nhóm 5,6: Hình ảnh 3			

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh tiến hành làm việc theo các nhóm đã phân công
- Chuyển cho bạn bên cạnh nhận xét đánh giá về bản thân mình
- Học sinh so sánh, đánh giá ưu điểm, khắc phục hạn chế để hoàn thiện bản thân

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Giáo viên yêu cầu các nhóm trình bày kết quả thảo luận

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên đánh giá việc tiến hành làm theo nhóm của mỗi học sinh

Đánh giá việc tự nhận xét bản thân của mỗi học sinh, và bản phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của mỗi học sinh

Bài tập 3

a. Mục tiêu:

- HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được học để giải quyết các tình huống.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm, hai nhóm cùng giải quyết một tình huống và đưa ra nhận định của mình

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh nhận xét được việc làm của các nhân vật trong tình huống và đưa ra các cách giải quyết đối với mỗi tình huống

Nhóm	Câu trả lời Những tình huống nào dưới đây cho thấy các bạn chưa biết cách tự nhận thức bản thân, vì sao?
Nhóm 1,2: Tình huống 1	Minh chưa biết cách tự nhận thức bản thân vì Minh rất muốn hát nhưng ngại không dám hát vì sợ các bạn chê cười
Nhóm 3,4: Tình huống 2	Quang đã biết cách tự nhận thức bản thân vì mỗi khi nhận được bài kiểm tra của cô giáo, bạn đều dành thời gian để so sánh đối chiếu với bài của các bạn được điểm cao để tìm ra những điểm chưa đúng, chưa hay và nhờ các bạn giải thích những điều mà mình chưa hiểu.
Nhóm 5,6: Tình huống 3	Loan chưa biết tự nhận thức bản thân vì Loan không muốn người khác nhận xét không tốt về mình.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Các nhóm tiếp tục làm việc theo nhóm

Nhóm	Câu trả lời Những tình huống nào dưới đây cho thấy các bạn chưa biết cách tự nhận thức bản thân, vì sao?
Nhóm 1,2: Tình huống 1	
Nhóm 3,4: Tình huống 2	
Nhóm 5,6: Tình huống 3	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh tiến hành làm việc theo các nhóm đã phân công
- Chuyển cho bạn bên cạnh nhận xét đánh giá về bản thân mình
- Học sinh so sánh, đánh giá ưu điểm, khắc phục hạn chế để hoàn thiện bản thân

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Giáo viên yêu cầu các nhóm trình bày kết quả thảo luận của các nhóm **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

Giáo viên đánh giá việc tiến hành làm theo nhóm của mỗi học sinh

Đánh giá việc tự nhận xét bản thân của mỗi học sinh, và bản phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của mỗi học sinh

4. Hoạt động 4: Vận dụng.

Bài tập 1: Hãy tham gia các hoạt động tập thể (ở lớp, trường, nơi em ở ...) và ghi lại những trải nghiệm, đặc điểm, khả năng mới khả năng mới mà em khám phá được bản thân.

a. Mục tiêu:

HS vận dụng những kiến thức của bài học vào thực tiễn cuộc sống **b. Nội dung:**

Học sinh biết xây dựng kế hoạch tự hoàn thiện bản thân tại nhà dưới sự hướng dẫn của giáo viên

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

- Học sinh lập được kế hoạch nêu rõ những biện pháp cách thức đặt ra

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- Giáo viên yêu cầu học sinh làm bài tập này tại nhà và làm vào vở

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh về nhà làm bài tập theo yêu cầu của giáo viên

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV lựa chọn một vài bài viết đọc cho cả lớp cùng nghe vào tiết sau **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm yêu cầu bài học
- Hoàn thành bài tập
- Đọc và chuẩn bị bài: Ứng phó với tình hình bão lũ.

RÚT KINH NGHIỆM:

.....

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Biết được những kiến thức đã học về chuẩn mực đạo đức.
- Hiểu được ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội.
- củng cố các kiến thức đã học từ bài 4 đến bài 6.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng: Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: Tự chủ, tự tin, trung thực.

HSKT: Hoàn thành các khái niệm, nhận biết biểu hiện.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học:

- Bảng phụ, bút dạ, sơ đồ tư duy.

2. Học liệu:

- Sách giáo khoa, tình huống có vấn đề, hình ảnh minh họa, thơ, ca dao, tục ngữ, âm nhạc, những ví dụ thực tế, ...

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu:

- Giới thiệu bài học, giúp học sinh hứng thú với bài học, tạo ra tình huống để dẫn dắt vào bài học.

b) Nội dung:

- GV cho HS chơi trò chơi xem tranh đoán tên bài học.

c) Sản phẩm:

- HS nhận xét.

d) Cách thức thực hiện:

* **Chuyên giao nhiệm vụ học tập:** Giáo viên dán hình ảnh đã chuẩn bị sẵn lên bảng và gọi 2 – 3 nêu tên.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs đoán tên bài học theo tranh.

* **Báo cáo kết quả:**

- + GV mời HS trả lời.
- + Học sinh khác xem, đánh giá, nhận xét.

* **Đánh giá nhận xét:** Giáo viên nhận xét, bổ sung.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a) Mục tiêu:

- Giúp HS ôn lại nội dung từ bài 4-6.

b) Nội dung:

- GV cho HS đọc SGK và gọi HS hoàn thành kiến thức theo trình tự các câu hỏi.

c) *Sản phẩm:*

- HS ôn lại kiến thức đã học.

d) *Cách thức thực hiện*

* **Chuyên giao nhiệm vụ học tập:** + Giáo viên cho hs đọc nội và thảo luận nhóm hoàn thành PHT sau:

Chủ đề	Chuẩn mực đạo đức	Khái niệm	Biểu hiện	Ý nghĩa	Rèn luyện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	TÔN TRỌNG SỰ THẬT	Sự thật là những gì có thật trong cuộc sống hiện thực và phản ánh đúng hiện thực cuộc sống.	Biểu hiện của tôn trọng sự thật là: suy nghĩ, nói và làm đúng theo sự thật.	Tôn trọng sự thật sẽ góp phần bảo vệ cuộc sống, bảo vệ những giá trị đúng đắn, tránh nhầm lẫn, oan sai; giúp con người tin tưởng gắn kết với nhau hơn; làm cho tâm hồn thanh thản và cuộc sống tốt đẹp hơn.	Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm bằng thái độ dũng cảm, khéo léo, tinh tế và nhân ái.
2	TỰ LẬP	Tự lập là tự làm lấy, tự giải quyết công việc của mình trong cuộc sống.	Biểu hiện: Tự lập thể hiện sự tự tin, bản lĩnh cá nhân, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, có ý trí nỗ lực phấn đấu vươn lên trong cuộc sống, không trông chờ, dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác.	Giúp con người đạt được thành công trong cuộc sống và xứng đáng nhận được sự kính trọng từ mọi người.	- HS cần rèn luyện tính tự lập trong học tập, công việc và sinh hoạt hằng ngày.
3	TỰ NHẬN THỨC BẢN THÂN	Tự nhận thức về bản thân là biết nhìn nhận, đánh giá đúng về bản thân mình (khả năng, hiểu biết,		- Tự nhận thức đúng về bản thân sẽ giúp em: + Nhận ra điểm mạnh của bản thân để phát huy điểm mạnh và	- Để tự nhận thức đúng về bản thân, em cần: + Đánh giá bản thân qua thái độ, hành vi, kết

		tính cách, thói quen, sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, ...).		khắc phục điểm yếu. + Biết rõ mong muốn, những khả năng, khó khăn, thách thức của bản thân để đạt được mục tiêu, ra quyết định và giải quyết vấn đề phù hợp.	quả trong từng tình huống cụ thể. + Quan sát phản ứng và lắng nghe ý kiến nhận xét của người khác về mình. + So sánh những nhận xét, đánh giá của người khác về mình với tự nhận xét, đánh giá của mình. + Thân thiện, cởi mở, tích cực tham gia các hoạt động để rèn luyện và phát triển bản thân.
--	--	--	--	---	--

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS đọc nội dung SGK và hoàn thành PHT.

- Báo cáo, thảo luận:

*** Báo cáo kết quả:**

+ Học sinh khác nghe, đánh giá, nhận xét và đặt câu hỏi phản biện (nếu cần).

*** Đánh giá nhận xét:** Giáo viên nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- Học sinh vận dụng những kiến thức vừa học để trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ, giải quyết các tình huống học tập.

b) Nội dung:

GV cho HS sắm vai và trả lời câu hỏi, luyện tập nội dung kiến thức đã học.

c) Sản phẩm:

HS xử lý tình huống, nêu ra quan điểm cá nhân.

d) Cách thức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên cho HS thảo luận cặp đôi và trả lời các câu hỏi bài tập trong SGK.

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Học sinh thảo luận chung để trả lời.

*** Báo cáo kết quả:** HS trả lời, HS khác nhận xét.

* **Đánh giá nhận xét:** Giáo viên nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức trọng tâm.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

- Học sinh vận dụng kiến thức đã được hình thành ở các hoạt động trên để giải quyết các nhiệm vụ liên quan đến suy nghĩ và cảm nhận của chính học sinh.

b) Nội dung:

- Giao bài tập cho học sinh.

c) Sản phẩm:

- Tìm được câu ca dao, tục ngữ.

d) Cách thức thực hiện

* **Chuyên giao nhiệm vụ:** Suy tầm ca dao, tục ngữ, truyện đọc... về các nội dung đã học.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh biết vận dụng kiến thức đã học vào giải thích các hiện tượng của đời sống.

* **Báo cáo kết quả:** HS trả lời, HS khác nhận xét.

* **Đánh giá nhận xét:** Giáo viên nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm nội dung cần đạt.

- Hệ thống kĩ các kiến thức chuẩn bị kiểm tra

TUẦN 17

NGÀY SOẠN: 24/12/2023

TIẾT 17: ÔN TẬP GIỮA KI I (tt)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Biết được những kiến thức đã học về chuẩn mực đạo đức.
- Hiểu được ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội.

- Củng cố các kiến thức đã học từ bài 4 đến bài 6.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng: Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: Tự chủ, tự tin, trung thực.

HSKT: Hoàn thành các khái niệm, nhận biết biểu hiện.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học:

- Bảng phụ, bút dạ, sơ đồ tư duy.

2. Học liệu:

- Sách giáo khoa, tình huống có vấn đề, hình ảnh minh họa, thơ, ca dao, tục ngữ, âm nhạc, những ví dụ thực tế, ...

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu:

- Giới thiệu bài học, giúp học sinh hứng thú với bài học, tạo ra tình huống để dẫn dắt vào bài học.

b) Nội dung:

- GV cho HS chơi trò chơi Truyền tin các kiến thức đã học

c) Sản phẩm:

- HS nhận xét.

d) Cách thức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Giáo viên chuẩn bị các phiếu về nội dung bài học qua một số câu tục ngữ

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs đoán tên bài học

* **Báo cáo kết quả:**

+ GV mời HS trả lời.

+ Học sinh khác xem, đánh giá, nhận xét.

* **Đánh giá nhận xét:** Giáo viên nhận xét, bổ sung.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a) Mục tiêu:

- Giúp HS ôn lại nội dung từ bài 4-6.

b) Nội dung:

- GV cho HS đọc SGK và gọi HS hoàn thành kiến thức theo trình tự các câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- HS ôn lại kiến thức đã học.

d) Cách thức thực hiện

* **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** + Giáo viên cho hs đọc nội và thảo luận nhóm hoàn thành PHT sau:

Chủ đề	Chuẩn mực đạo đức	Khái niệm	Biểu hiện	Ý nghĩa	Rèn luyện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	TÔN TRỌNG SỰ THẬT	Sự thật là những gì có thật trong cuộc sống hiện thực và phản ánh đúng hiện thực cuộc sống.	Biểu hiện của tôn trọng sự thật là: suy nghĩ, nói và làm đúng theo sự thật.	Tôn trọng sự thật sẽ góp phần bảo vệ cuộc sống, bảo vệ những giá trị đúng đắn, tránh nhầm lẫn, oan sai; giúp con người tin tưởng gắn kết với nhau hơn; làm cho tâm hồn thanh thản và	Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm bằng thái độ dũng cảm, khéo léo, tình tế và nhân ái.

				cuộc sống tốt đẹp hơn.	
2	TỰ LẬP	Tự lập là tự làm lấy, tự giải quyết công việc của mình trong cuộc sống.	Biểu hiện: Tự lập thể hiện sự tự tin, bản lĩnh cá nhân, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, có ý trí nỗ lực phấn đấu vươn lên trong cuộc sống, không trông chờ, dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác.	Giúp con người đạt được thành công trong cuộc sống và xứng đáng nhận được sự kính trọng từ mọi người.	- HS cần rèn luyện tính tự lập trong học tập, công việc và sinh hoạt hằng ngày.
3	TỰ NHẬN THỨC BẢN THÂN	Tự nhận thức về bản thân là biết nhìn nhận, đánh giá đúng về bản thân mình (khả năng, hiểu biết, tính cách, thói quen, sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, ...).		- Tự nhận thức đúng về bản thân sẽ giúp em: + Nhận ra điểm mạnh của bản thân để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. + Biết rõ mong muốn, những khả năng, khó khăn, thách thức của bản thân để đạt được mục tiêu, ra quyết định và giải quyết vấn đề phù hợp.	- Để tự nhận thức đúng về bản thân, em cần: + Đánh giá bản thân qua thái độ, hành vi, kết quả trong từng tình huống cụ thể. + Quan sát phản ứng và lắng nghe ý kiến nhận xét của người khác về mình. + So sánh những nhận xét, đánh giá của người khác về mình với tự nhận xét, đánh giá của mình. + Thân thiện, cởi mở, tích cực tham gia các hoạt động để rèn luyện và

					phát triển bản thân.
--	--	--	--	--	----------------------

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS đọc nội dung SGK và hoàn thành PHT.

- Báo cáo, thảo luận:

*** Báo cáo kết quả:**

+ Học sinh khác nghe, đánh giá, nhận xét và đặt câu hỏi phản biện (nếu cần).

*** Đánh giá nhận xét:** Giáo viên nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- Học sinh vận dụng những kiến thức vừa học để trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ, giải quyết các tình huống học tập.

b) Nội dung:

GV cho HS sắm vai và trả lời câu hỏi, luyện tập nội dung kiến thức đã học.

c) Sản phẩm:

HS xử lý tình huống, nêu ra quan điểm cá nhân.

d) Cách thức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên cho HS thảo luận cặp đôi và trả lời các câu hỏi bài tập trong SGK.

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Học sinh thảo luận chung để trả lời.

*** Báo cáo kết quả:** HS trả lời, HS khác nhận xét.

*** Đánh giá nhận xét:** Giáo viên nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức trọng tâm.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu:

- Học sinh vận dụng kiến thức đã được hình thành ở các hoạt động trên để giải quyết các nhiệm vụ liên quan đến suy nghĩ và cảm nhận của chính học sinh.

b) Nội dung:

- Giao bài tập cho học sinh.

c) Sản phẩm:

- Tìm được câu đa dao, tục ngữ.

d) Cách thức thực hiện

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Sưu tầm ca dao, tục ngữ, truyện đọc... về các nội dung đã học.

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh biết vận dụng kiến thức đã học vào giải thích các hiện tượng của đời sống.

*** Báo cáo kết quả:** HS trả lời, HS khác nhận xét.

*** Đánh giá nhận xét:** Giáo viên nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm nội dung cần đạt.

- Hệ thống kĩ các kiến thức.
- Chuẩn bị bài: Ứng phó với tình hình mưa lũ.

TUẦN 18
NGÀY SOẠN: 31/12/2023
TIẾT 18: KIỂM TRA GIỮA KÌ I

1. Về kiến thức

- Học sinh củng cố những kiến thức cơ bản đã được học.
- Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.
- Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- *Giải quyết vấn đề*: Thực hành làm bài kiểm tra.
- *Tự quản bản thân*: Nghiêm túc trong kiểm tra, đánh giá.

b. Năng lực đặc thù:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi.
- *Năng lực phát triển bản thân*: Tự nhận thức đánh giá bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập.

3. Về phẩm chất

- *Trung thực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp.
- *Trách nhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. Thiết bị:

2. Học liệu: KHDH, ma trận+ đề + hướng dẫn chấm (Đáp án, biểu điểm)

III. Tiến trình dạy học

Hình thức đề kiểm tra: Trắc nghiệm + Tự luận

Thời gian: 45 phút

(ĐỀ, MA TRẬN, ĐẶC TẢ, HDC CÓ TỆP KÈM THEO)

HSKT: TRẢ LỜI ĐÚNG 5 CÂU TN ĐẠT

TUẦN 19, 20, 21
NGÀY SOẠN: 14/01/2024
TIẾT 19, 20, 21: ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HUỐNG NGUY HIỂM

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.

2. Về năng lực:

- *Tự chủ và tự học*: Tự giác học tập, lao động và biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.; nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm.

- *Điều chỉnh hành vi*: biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em. Từ đó điều chỉnh hành vi và có cách ứng xử phù hợp với từng tình huống.

- *Phát triển bản thân*: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện về ứng phó những tình huống bất ngờ xảy ra bản thân và cộng đồng xã hội.

- *Tư duy phê phán*: Đánh giá, phê phán được những hành vi đúng và chưa đúng về cách ứng phó với những tình huống nguy hiểm, bất ngờ xảy ra.

- *Hợp tác, giải quyết vấn đề*: Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm có thêm những kinh nghiệm cho bản thân và giúp đỡ cộng đồng.

3. Về phẩm chất:

- *Nhân ái*: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tích cực chủ động tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để có thêm những kinh nghiệm, cách giải quyết đúng đắn, phù hợp khi có những tình huống nguy hiểm, bất ngờ xảy ra.

- *Trách nhiệm*: Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để có thêm kinh nghiệm cho bản thân giúp ích cho bản thân và cộng đồng đất nước.

- *Chăm chỉ*: Tập luyện, trau dồi những kiến thức, kỹ năng để có thể ứng phó với những sự cố bất ngờ xảy ra đối với bản thân và cộng đồng.

HSKT: Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của các tình huống

Tích hợp PCBM: Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm từ con người, thiên nhiên và tình huống liên quan đến BM, VN để đảm bảo an toàn. Tránh xa bom mìn vật nổ, xử lý, ứng phó tình huống nguy hiểm liên quan đến BMVN.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.

- Học sinh bước đầu nhận biết về những tình huống nguy hiểm có thể xảy ra bất cứ lúc nào chuẩn bị vào bài học mới.

- Nêu được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống

nguy hiểm đối với trẻ em.

- Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “nhanh tay nhanh mắt”

Em hãy chia sẻ về một tình huống nguy hiểm mà em đã từng gặp hoặc chứng kiến qua các gợi ý sau:

Câu 1: Tình huống đó diễn ra khi nào?

Câu 2: Em đã làm gì khi gặp tình huống đó?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Một tình huống nguy hiểm mà em đã từng gặp hoặc chứng kiến theo gợi ý sau: có người lạ đi theo khi em đi học về.

Câu 1: Tình huống đã diễn ra khi: em đi học về 1 mình

Câu 2: Em đã làm gì khi gặp tình huống đó: em đã tìm sự giúp đỡ của mọi người xung quanh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “nhanh tay nhanh mắt”

Luật chơi:

- Chia lớp thành 2 nhóm: Nhóm A và B. Trong vòng 5 phút các em lần lượt lên bảng ghi những tình huống nguy hiểm có thể xảy ra

- Đại diện nhóm lên trình bày những sản phẩm mà nhóm mình tìm được.

- Yêu cầu về việc nêu tình huống, tình huống đó phải chỉ ra được 2 yêu cầu sau

Yêu cầu 1: Tình huống đó diễn ra khi nào?

Yêu cầu 2: Em đã làm gì khi gặp tình huống đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tiến hành chia nhóm, phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm

- Các thành viên tham gia làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Các học sinh trong nhóm lần lượt lên trình bày

- Học sinh cử đại diện nhóm lần lượt trình bày các câu trả lời.

Ví dụ như:

Một tình huống nguy hiểm mà em đã từng gặp hoặc chứng kiến theo gợi ý sau: có người lạ đi theo khi em đi học về, gặp lốc xoáy, lũ lụt ...

Câu 1: Tình huống đã diễn ra khi: em đi học về 1 mình

Câu 2: Em đã làm gì khi gặp tình huống đó: em đã tìm sự giúp đỡ của mọi người xung quanh.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học: Trong cuộc sống thường có nhiều điều bất ngờ xảy ra mà chúng ta không thể lường trước được. Vậy trước những tình huống nguy hiểm đó, ta cần phải làm gì và làm như thế nào, nhờ sự giúp đỡ của ai. Để giải đáp những thắc mắc này cô và chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Nhận biết các tình huống nguy hiểm và hậu quả của nó

HSKT nhận biết các tình huống nguy hiểm và hậu quả

a. Mục tiêu:

- HS Nêu được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm cùng tìm hiểu các thông tin đưa ra trong sách giáo khoa trong sách giáo khoa

- Học sinh làm việc theo nhóm, đọc thông tin, suy nghĩ câu hỏi và đưa ra các quan điểm của mình về các nhiệm vụ đã đặt ra

Nhóm 1. Khi đang chơi trước cửa nhà, Lan thấy có người phụ nữ lạ mặt giới thiệu là người quen, muốn gặp mẹ Lan để gửi đồ và trao đổi công việc. Lan mở cửa và lễ phép mời người phụ nữ lạ mặt vào nhà. Sau đó, Lan cảm thấy buồn ngủ và ngủ thiếp đi. Đến khi tỉnh dậy Lan thấy mẹ mình đang ngồi bên cạnh, trong nhà có nhiều người, có cả công an. Lan lơ mơ hiểu ra là nhà mình vừa bị mất trộm.	a) Các thông tin, tình huống trên đề cập đến những tình huống nguy hiểm nào? Những tình huống này có thể gây ra hậu quả gì?
Nhóm 2: Mưa dông, mưa đá, lốc xoáy, sét thường gây thiệt hại lớn về tài sản, hoa màu và con người. Nhiều ngôi nhà bị tốc mái, sập và hư hỏng nặng, khiến các gia đình rơi vào cảnh “màn trời chiếu đất”, cuộc sống bị đảo lộn. Nhiều người bị thương, thậm chí có người còn bị thiệt mạng do những hiện tượng thiên tai khốc liệt này.	b) Hãy kể thêm những tình huống nguy hiểm mà em biết hoặc đã trải qua trong cuộc sống hằng ngày?
Nhóm 3. Đang ngồi học bài, Hải nghe tiếng còi xe cứu hỏa vang cả khu phố. Nhìn qua cửa sổ, thấy ngọn lửa bùng cháy dữ dội từ ngôi nhà bên cạnh, Hải cầm vội chiếc khăn ướt che mũi, men theo cầu thang chạy xuống tầng một để thoát thân.	
Nhóm 4. Vào mùa mưa, ở một số tỉnh miền núi thường xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở đất. Đây chính là loại hình thiên tai gây thiệt hại lớn về người và tài sản.	

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được những tình huống nguy hiểm được đề cập đến trong các thông tin

+ *Tình huống 1: Lừa đảo, trộm cắp tài sản. Hậu quả: Lan bị người phụ nữ lạ mặt đánh thuốc mê và lấy trộm tài sản.*

+ *Tình huống 2: Các hiện tượng thiên tai (mưa dông, mưa đá, lốc xoáy, sét...). Hậu quả: Gây thiệt hại lớn về người và tài sản.*

+ *Tình huống 3: Cháy nổ. Hậu quả: Ngôi nhà bên bị cháy và Hải đã bình tĩnh thoát khỏi ảnh hưởng của vụ cháy đó.*

+ *Tình huống 4: Lũ quét, lũ ống, sạt lở đất. Hậu quả: Gây thiệt hại lớn về người và tài sản.*

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn HS tiếp tục thực hiện theo nhóm đã phân chia ở phần mở đầu. - Mỗi nhóm sẽ nghiên cứu 1 tình huống trong sách giáo khoa và trả lời 2 câu hỏi <i>a) Các thông tin, tình huống trên đề cập đến những tình huống nguy hiểm nào? Những tình huống này có thể gây ra hậu quả gì?</i> <i>b) Hãy kể thêm những tình huống nguy hiểm mà em biết hoặc đã trải qua trong cuộc sống hằng ngày?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin, làm việc cá nhân ghi kết quả vào vở. GV theo dõi, hướng dẫn HS, phát hiện các kết quả khác nhau của các cá nhân. GV yêu cầu HS làm việc nhóm, thảo luận về các thông tin trên, trả lời câu hỏi và lấy ví dụ như yêu cầu. - GV phát hiện nhóm hoàn thành nhiệm vụ sớm nhất và chỉ ra được đúng tình huống nguy hiểm trong và nêu được nhiều ví dụ về các tình huống Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình. - Giáo viên lựa chọn những ví dụ trùng nhau những ví dụ điển hình nhất để tổng hợp khái quát Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét và đưa ra được khái niệm về tình huống nguy hiểm, chỉ ra cho học sinh thấy được hậu quả của những tình huống nguy hiểm đó Tình huống nguy hiểm: là những tình huống có thể gây ra những tổn hại về thể chất, tinh thần cho con người và xã hội. Tình huống nguy hiểm làm tổn hại đến tính mạng, của cải vật chất, tinh thần của cá nhân và xã hội.	I. Khám phá 1. Nhận biết các tình huống nguy hiểm và hậu quả của nó Tình huống nguy hiểm là những sự việc bất ngờ xảy ra, có nguy cơ đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng, gây thiệt hại về tài sản, môi trường cho bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội.
--	---

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Cách ứng phó trước tình huống khi bị bắt cóc

a. Mục tiêu:

- HS Nêu được cách ứng phó trước tình huống nguy hiểm là bị bắt cóc, thực hành các kỹ năng ứng phó với tình huống này để đảm bảo an toàn cho bản thân

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm các nhóm cùng tìm hiểu tình huống đưa ra trong sách giáo khoa

- Học sinh làm việc theo nhóm, đọc thông tin, suy nghĩ câu hỏi và đưa ra các quan điểm của mình về các nhiệm vụ đã đặt ra

* Ứng phó khi bị bắt cóc

Em hãy đọc tình huống sau và trả lời câu hỏi

Chiều nay, Hoa đi học về muộn hơn hàng ngày. Khi đi đến đoạn đường vắng, em bị một kẻ lạ mặt kéo tay định lôi lên trên xe máy.

a) Nếu là Hoa trong trường hợp trên, em sẽ lựa chọn cách nào dưới đây để thoát khỏi nguy hiểm? Vì sao?

Cách ứng phó	Lý giải vì sao	Em làm gì để tránh gặp phải tình huống trên?
Nhóm 1: Gào khóc thật to để người khác nghe thấy.		
Nhóm 2: Nói thật to và rõ: “Dừng lại ngay đi”		
Nhóm 3: Nói thật to và rõ: “Cứu tôi với” để người xung quanh phát hiện ra tôi giúp.		
Nhóm 4: - Bỏ chạy.		

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra các cách thức để ứng phó với tình huống trên

a, Nếu là Hoa trong trường hợp trên, em sẽ lựa chọn cách để thoát khỏi nguy hiểm em sẽ kết hợp các phương án trên như:

+ Nói thật to và rõ: “Dừng lại ngay đi” và “Cứu tôi với” để người xung quanh phát hiện ra tôi giúp.

+ Bỏ chạy, khóc và kêu cứu

+ Vì có như vậy thì mọi người xung quanh mới biết và đến giúp mình..., còn nếu chỉ dừng lại gào khóc thì họ có thể hiểu lầm là chuyện riêng của trẻ con do em không vừa ý gì đó thì khóc.

b, Để tránh gặp phải tình huống bắt cóc em sẽ:

+ Không đi một mình nơi vắng người.

+ Luôn cảnh giác và không tiếp xúc với người lạ....

+ Luôn có thói quen đi đâu xin phép, chào hỏi bố mẹ...

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn HS tiếp tục thực hiện theo nhóm đã phân công - Các nhóm cùng nghiên cứu tình huống sách giáo khoa và trả lời câu hỏi - Các em sẽ làm gì khi có người lạ tiếp cận và có ý định dụ dỗ, bắt cóc?	2. Cách ứng phó trước các tình huống nguy hiểm a. Ứng phó khi bị bắt cóc Để tránh gặp phải tình huống bắt cóc em sẽ: + Không đi một mình nơi vắng người.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin, làm việc cùng các bạn trong nhóm trao đổi nội dung của nhóm mình.	

- GV theo dõi, hướng dẫn HS, phát hiện các kết quả khác nhau của các cá nhân. - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, thảo luận về các thông tin trên, trả lời câu hỏi và lấy ví dụ như yêu cầu. - GV phát hiện nhóm hoàn thành nhiệm vụ sớm nhất và chỉ ra được các cách ứng xử phù hợp trong tình huống nguy và nêu được nhiều ví dụ về cách xử lý tình huống này Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình. - Giáo viên lựa chọn những ví dụ trùng nhau những ví dụ điển hình nhất để tổng hợp khái quát Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét và đưa ra được một số cách ứng xử phù hợp khi gặp tình huống bị bắt cóc cũng như những việc cần làm để không gặp phải tình huống này Để tránh gặp phải tình huống này, GV hướng dẫn học sinh thực hiện tốt quy tắc 5 luôn, 5 không 5 LUÔN 1. Luôn cảnh giác cao với người lạ 2. Luôn dùng một khẩu khi có người khác đón ở trường 3. Luôn nhớ địa chỉ nhà và số điện thoại của bố mẹ . 4. Luôn tạo thói quen đi thưa về gửi . 5. Luôn cố gắng bình tĩnh trong mọi trường hợp, kêu cứu và hét thật to khi bị ai đó tấn công hoặc tìm cách kéo lên xe . 5 KHÔNG 1. Không tiếp xúc với người lạ 2. Không nhận quà của người lạ 3. Không đi theo người lạ 4. Không chuyển đồ giúp người lạ 5 Không có gắng giữ " bí mật " theo yêu cầu của một người khác	+ Luôn cảnh giác không tiếp xúc với người lạ.... + Luôn có thói quen đi thưa về gửi, chào hỏi bố mẹ...
---	---

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Cách ứng phó khi có hỏa hoạn

a. Mục tiêu:

- HS Nêu được cách ứng phó trước tình huống nguy hiểm là khi có hỏa hoạn, thực hành các kỹ năng ứng phó với tình huống này để đảm bảo an toàn cho bản thân và người xung quanh

b. Nội dung:

- GV tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm các biện pháp chỉ dẫn trong sách giáo khoa nêu lên cách ứng phó trong từng trường hợp cụ thể

Tình huống <i>Em hãy đọc thông tin chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy dưới đây để thảo luận cách ứng phó với tình huống nguy hiểm liên quan đến hỏa hoạn</i>	Quan sát các biển chỉ dẫn trong sách giáo khoa để đưa ra cách ứng phó
Nhóm 1: Khi phát hiện có cháy nổ	
Nhóm 2: Khi phát hiện có hỏa hoạn.	
Nhóm 3: Khi bị mắc kẹt trong đám cháy.	
Nhóm 4: Khi bị lửa bén vào quần áo	

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra các cách thức để ứng phó với tình huống trên

- **Khi phát hiện có cháy nổ, hỏa hoạn chúng ta cần:**

+ Bình tĩnh

+ Gắt cầu dao điện.

+ Tìm cách thoát ra khỏi đám cháy và có thể hỗ trợ người khác tùy theo khả năng của mình.

+ Thông báo cho những người xung quanh gọi điện thông báo tới số 114 (thông báo địa điểm vụ cháy)

- **Khi bị mắc kẹt trong đám cháy.**

+ Bình tĩnh quan sát lối thoát hiểm an toàn nhất như: hành lang, cầu thang bộ, ban công...

+ Đi khom hoặc bò trên đường di chuyển để thoát đám cháy

+ Đóng các cửa trên đường đi tránh lửa lan rộng ra

+ Lấy khăn,...làm ướt để che mũi miệng và xung quanh người.

+ Nằm sát sàn nhà cách nơi đám khói đang tràn vào càng xa càng tốt

- **Khi bị lửa bén vào quần áo.**

+ Bình tĩnh, nằm ngay xuống đất lăn qua lăn lại để dập lửa.

+ Sau đó sơ cứu vết thương đúng cách, đem đến bệnh viện....

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn HS tiếp tục thực hiện theo nhóm đã phân công - Các nhóm cùng nghiên cứu các chỉ dẫn trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi ứng với mỗi trường hợp <i>Em hãy đọc thông tin chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy dưới đây để thảo luận cách ứng phó với tình huống nguy hiểm</i> <i>Nhóm 1: Khi phát hiện có cháy nổ,.</i>	<i>b. Ứng phó khi có hỏa hoạn</i> Khi có hỏa hoạn mỗi cá nhân cần bình tĩnh xử lý để có thể ứng phó an toàn cho bản thân

Nhóm 2: Khi phát hiện có hỏa hoạn.

Nhóm 3: Khi bị mắc kẹt trong đám cháy.

Nhóm 4: Khi bị lửa bén vào quần áo.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin, làm việc cùng các bạn trong nhóm trao đổi nội dung của nhóm mình.

- GV theo dõi, hướng dẫn HS, phát hiện các kết quả khác nhau của các cá nhân.

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm, thảo luận về các thông tin trên, trả lời câu hỏi và lấy ví dụ như yêu cầu.

- GV phát hiện nhóm hoàn thành nhiệm vụ sớm nhất và chỉ ra được các cách ứng xử phù hợp trong tình huống nguy và nêu được nhiều ví dụ về cách xử lý tình huống này

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình. Trong quá trình trả lời yêu cầu các nhóm cử đại diện lên thực hành các kỹ năng cơ bản để mọi người cùng quan sát

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

- Đánh giá quá trình thực hành tình huống của từng nhóm để có những điều chỉnh và đưa ra kết luận cho nội dung này

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Cách ứng phó khi bị đuối nước

a. Mục tiêu:

- HS Nêu được cách ứng phó trước tình huống nguy hiểm là khi bị đuối nước, thực hành các kỹ năng ứng phó với tình huống này để đảm bảo an toàn cho bản thân

b. Nội dung:

- GV tổ cho học sinh thảo luận nhóm các nhóm sẽ cùng đọc thông tin trong sách giáo khoa và đưa ra các cách giải quyết khác nhau khi bị đuối nước

Nhiệm vụ	Câu trả lời của nhóm
Em cần làm gì khi bản thân bị đuối nước?	
Em cần làm gì khi gặp người đuối nước?	
Em có thể tránh được nguy cơ đuối nước bằng cách nào? Đuối nước vô cùng nguy hiểm đến tính mạng con người, em cần trang bị cho mình	

những kiến thức và kỹ năng gì để phòng tránh đuối nước?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra các cách thức để ứng phó với tình huống trên

Khi bản thân bị đuối nước cần:

+ Bình tĩnh, hít thật nhiều hơi vào phổi, cố gắng nín thở càng lâu càng tốt, thả lỏng người để nước đẩy sát lên mặt nước;

+ Dùng tay hoặc chân làm mái chèo, quạt nước đẩy đầu nhô khỏi mặt nước hoặc cũng có thể quạt nước xiên, đẩy người trôi đi dễ dàng bởi vì trong nước người trở nên nhẹ hơn so với trên cạn;

+ Khi chuyển động lên xuống, há miệng to hít vào nhanh và sâu khi ở trên mặt nước, ngậm miệng thở ra từ từ bằng mũi hoặc bằng miệng khi ở dưới mặt nước.

Khi gặp người bị đuối nước:

+ Chúng ta cần kêu cứu thật to và nhanh chóng tìm sự giúp đỡ từ những người xung quanh.

Cần làm tránh đuối nước bằng cách:

+ Khi đi bơi cần tránh vùng cảnh báo nguy hiểm, chấp hành nghiêm chỉnh các chỉ dẫn của lực lượng cứu hộ.

+ Không đi bơi 1 mình mà nên bơi theo nhóm để không may sẽ có sự giúp đỡ kịp thời...

+ Không tự ý ra chơi gần ao hồ, sông, suối...khi tham gia bơi lội cần có sự cho phép và giám sát của bố mẹ...

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn HS tiếp tục thực hiện theo nhóm đã phân công - Các nhóm cùng nghiên cứu các bức tranh trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi <i>Em cần làm gì khi bản thân bị đuối nước?</i> <i>Em cần làm gì khi gặp người đuối nước?</i> <i>Em có thể tránh được nguy cơ đuối nước bằng cách nào?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin, làm việc cùng các bạn trong nhóm trao đổi nội dung của nhóm mình. - GV theo dõi, hướng dẫn HS, phát hiện các kết quả khác nhau của các cá nhân. - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, thảo luận về các thông tin trên, trả lời câu hỏi và lấy ví dụ như yêu cầu.	c. Ứng phó khi bị đuối nước Khi gặp tình huống bị đuối nước chúng ta cần bình tĩnh xử lý, vận dụng linh hoạt các kỹ năng đã được học tập

- GV phát hiện nhóm hoàn thành nhiệm vụ sớm nhất và chỉ ra được các cách ứng xử phù hợp trong tình huống nguy hiểm và nêu được nhiều ví dụ về cách xử lý tình huống này Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình. - Trong quá trình trả lời yêu cầu các nhóm cử đại diện lên thực hành các kỹ năng cơ bản để mọi người cùng quan sát phù hợp với đặc điểm của lớp Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Đánh giá quá trình thực hành tình huống của từng nhóm để có những điều chỉnh và đưa ra kết luận cho nội dung này	
--	--

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nội dung: Cách ứng phó khi gặp mưa dông, lốc, sét

a. Mục tiêu:

- HS Nêu được cách ứng phó trước tình huống nguy hiểm là khi có mưa giông, lốc, sét, thực hành các kỹ năng ứng phó với tình huống này để đảm bảo an toàn cho bản thân và người xung quanh

b. Nội dung:

- GV tổ cho học sinh thảo luận nhóm các nhóm sẽ cùng nhau quan sát các bức tranh trong sách giáo khoa và đưa ra các cách giải quyết khác nhau khi có mưa giông, lốc sét

Nhiệm vụ	Câu trả lời của nhóm
a) Em hãy quan sát các bức tranh trong sách giáo khoa và cho biết cần làm gì khi mưa dông, lốc, sét.	
b) Em còn biết cách ứng phó nào khác khi gặp mưa dông, lốc, sét?	

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra các cách thức để ứng phó với tình huống trên

a, Thông tin trên cho em biết cần làm khi mưa dông, lốc, sét là:

+ Ở trong nhà.

+ Tắt các thiết bị điện trong nhà.

+ Nếu đang trên đường thì nên tìm nơi trú ẩn an toàn như: tòa nhà cao tầng, siêu thị, trường học

+ Không trú dưới gốc cây, cột điện.

b, Em còn biết cách ứng phó khác khi gặp mưa dông, lốc, sét

+ Không cầm nắm các vật bằng kim loại, không nên xem ti vi...

+ Tránh các nơi trống vắng, quang đãng như: cánh đồng, nhà kho, bãi đỗ xe,...không có thiết bị chống sét. **giao nhiệm**

- + Không đội mũ, ô dù có đồ có kim loại dễ bị sét đánh
- + Không đứng thành nhóm người gần nhau
- + Chú ý quan sát đường dây điện vì khi dây bị đứt dễ dẫn đến tai nạn nếu chưa ngắt điện

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển vụ học tập: - GV hướng dẫn HS tiếp tục thực hiện theo nhóm đã phân công - Các nhóm cùng nghiên cứu các bức tranh trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi a) Em hãy quan sát các bức tranh trong sách giáo khoa và cho biết cần làm gì khi mưa dông, lốc, sét. b) Em còn biết cách ứng phó nào khác khi gặp mưa dông, lốc, sét? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin, làm việc cùng các bạn trong nhóm trao đổi nội dung của nhóm mình. - GV theo dõi, hướng dẫn HS, phát hiện các kết quả khác nhau của các cá nhân. - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, thảo luận về các thông tin trên, trả lời câu hỏi và lấy ví dụ như yêu cầu. - GV phát hiện nhóm hoàn thành nhiệm vụ sớm nhất và chỉ ra được các cách ứng xử phù hợp trong tình huống nguy hiểm và nêu được nhiều ví dụ về cách xử lý tình huống này Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình. - Trong quá trình trả lời yêu cầu các nhóm cử đại diện lên thực hành các kỹ năng cơ bản để mọi người cùng quan sát phù hợp với đặc điểm của lớp Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Đánh giá quá trình thực hành tình huống của từng nhóm để có những điều chỉnh và đưa ra kết luận cho nội dung này	d. Ứng phó khi gặp dông lốc, sét Dông, lốc, sét là các hiện tượng nguy hiểm mỗi cá nhân phải nâng cao cảnh giác và phòng tránh

Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu nội dung: Cách ứng phó khi gặp lũ quét, lũ ống, sạt lở đất

a. Mục tiêu:

- HS Nêu được cách ứng phó trước tình huống nguy hiểm là khi gặp lũ quét, lũ ống, sạt lở đất, thực hành các kỹ năng ứng phó với tình huống này để đảm bảo an toàn cho bản thân và người xung quanh

b. Nội dung:

- GV tổ cho học sinh thảo luận nhóm các nhóm sẽ cùng nhau quan sát các bức tranh trong sách giáo khoa và đưa ra các cách giải quyết khác nhau khi có mưa giông, lốc sét

Nhiệm vụ	Câu trả lời của nhóm
a) Em hãy quan sát các bức tranh trong sách giáo khoa và cho biết cần làm gì khi xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở	
b) Em còn biết cách ứng phó nào khác khi gặp xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở	

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra các cách thức để ứng phó với tình huống trên

a, Thông tin trên cho em biết cần làm khi xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở đất:

- + Thường xuyên xem dự báo thời tiết
- + Chủ động chuẩn bị đồ phòng chống (đèn pin, thực phẩm, áo mưa...)
- + Không đi qua sông suối khi có lũ
- + Gọi 112 yêu cầu cứu nạn...

b, Em còn biết cách ứng phó khác khi xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở đất như:

- + Không nên ra ngoài, tìm nơi cao ráo để trú ngụ...
- + Chúng ta nên bảo vệ rừng, tránh hoạt động khai thác bừa bãi...

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn HS tiếp tục thực hiện theo nhóm đã phân công - Các nhóm cùng nghiên cứu các bức tranh trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi a) Em hãy quan sát các bức tranh trong sách giáo khoa và cho biết cần làm gì khi xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở b) Em còn biết cách ứng phó nào khác khi gặp xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin, làm việc cùng các bạn trong nhóm trao đổi nội dung của nhóm mình. - GV theo dõi, hướng dẫn HS, phát hiện các kết quả khác nhau của các cá nhân.	e. Ứng phó khi gặp lũ quét, lũ ống, sạt lở đất Có những nhận thức đầy đủ về lũ quét, lũ ống, sạt lở đất sẽ giúp mỗi cá nhân biết tự bảo vệ mình và người thân

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm, thảo luận về các thông tin trên, trả lời câu hỏi và lấy ví dụ như yêu cầu. - GV phát hiện nhóm hoàn thành nhiệm vụ sớm nhất và chỉ ra được các cách ứng xử phù hợp trong tình huống nguy hiểm và nêu được nhiều ví dụ về cách xử lý tình huống này Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình. - Trong quá trình trả lời yêu cầu các nhóm cử đại diện lên thực hành các kỹ năng cơ bản để mọi người cùng quan sát phù hợp với đặc điểm của lớp Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Đánh giá quá trình thực hành tình huống của từng nhóm để có những điều chỉnh và đưa ra kết luận cho nội dung này	
--	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

Bài tập 4: Bố mẹ đi vắng, hai anh em Minh và Ngọc ở nhà học bài. Bỗng có tiếng chuông cửa, Ngọc chạy ra thì thấy một chú tự giới thiệu là nhân viên Công ty Điện lực, đề nghị vào nhà để kiểm tra các thiết bị điện của gia đình. Ngọc định mở cửa cho chủ thợ điện vào thì anh Minh liền lắc đầu từ chối và nói rằng khi bố mẹ về thì chú quay lại.

a) Em có đồng ý với cách giải quyết của Minh trong tình huống trên không? Tại sao?

b) Nếu Ngọc mở cửa cho chủ thợ điện vào nhà khi bố mẹ đi vắng, điều gì có thể xảy ra?

a. Mục tiêu: Học sinh làm quen với một số kỹ năng ứng phó với tình huống nguy hiểm trong cuộc sống hàng ngày và biết cách ứng phó phù hợp.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo theo nhóm, cùng nhau đọc, trao đổi, về tình huống được đưa ra trong sách giáo khoa, và trả lời được câu hỏi

a) Theo em, Dương có nên im lặng và làm theo yêu cầu của Chiến không? Vì sao?

b) Nếu là Dương, em sẽ xử lý tình huống này như thế nào?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh: Học sinh giải thích được nội dung tình huống và hậu quả của từng tình huống

a) Theo em, Dương không nên im lặng và làm theo yêu cầu của Chiến vì đó là hành động bắt nạt sai trái. Nếu Dương cứ im lặng thì Chiến sẽ tiếp tục bắt nạt Dương với những hình thức khác và Chiến sẽ còn bắt nạt cả những bạn khác. Điều này sẽ gây hậu quả nghiêm trọng với Dương và các bạn bị bắt nạt.

b) Nếu là Dương em sẽ báo cáo với giáo viên và nói với bố mẹ để nhờ người lớn giải quyết.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau trao suy nghĩ về các trường hợp đưa ra theo yêu cầu của câu hỏi

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh đọc, suy nghĩ và ghi câu trả lời của mình vào vở ghi, có thể cùng trao đổi với các bạn xung quanh

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày, học sinh theo dõi kết quả có nhận xét và bổ sung

HS:

- Trình bày kết quả trả lời của mình

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét phần trình bày của bạn

- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

Hoạt động 3: Luyện tập

Bài tập 1: Em hãy cùng các bạn thiết kế một sản phẩm tuyên truyền kỹ năng ứng phó với một tình huống nguy hiểm

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để ứng phó với tình huống nguy hiểm trong cuộc sống, hình thành kỹ năng thích ứng và đối phó với các tình huống nguy hiểm để bảo vệ bản thân

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ lên ý tưởng để hoàn thiện sản phẩm

c. Sản phẩm: Hình thành được một sản phẩm (Pano, tranh ảnh,) để tuyên truyền về kỹ năng đối phó với tình huống nguy hiểm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh làm bài tập vào vở, thời gian trả bài, cách thức làm bài, làm sổ. Khuyến khích các cách làm sáng tạo phù hợp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ tại nhà, có thể tham khảo các cách khác nhau của các bạn trong lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên ấn định thời gian các học sinh nộp sản phẩm, cách nộp sản phẩm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Bài tập 2: Em hãy tìm hiểu những tình huống nguy hiểm thường xảy ra ở địa phương em và nêu cách ứng phó với tình huống theo bảng mẫu sau

Tình huống nguy hiểm	Cách ứng phó

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để ứng phó với tình huống nguy hiểm trong cuộc sống, hình thành kỹ năng thích ứng và đối phó với các tình huống nguy hiểm để bảo vệ bản thân

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ lên ý tưởng để hoàn thiện sản phẩm

c. Sản phẩm: Hoàn thiện được bảng mô tả các tình huống nguy hiểm và kỹ năng ứng phó

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh làm bài tập vào vở, thời gian trả bài, cách thức làm bài, làm sổ. Khuyến khích các cách làm sáng tạo phù hợp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ tại nhà, có thể tham khảo các cách khác nhau của các bạn trong lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên ấn định thời gian các học sinh nộp sản phẩm, cách nộp sản phẩm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, sản phẩm của học sinh.

Bài tập 3: Em hãy sưu tầm các biện pháp ứng phó khi xảy ra các tình huống nguy hiểm từ con người, ngoài những biện pháp mà em đã được học và lập thành cuốn sổ tay cá nhân.

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để ứng phó với tình huống nguy hiểm trong cuộc sống, hình thành kỹ năng thích ứng và đối phó với các tình huống nguy hiểm để bảo vệ bản thân

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, sưu tầm được những biện pháp ứng phó khi xảy ra các tình huống nguy hiểm từ con người, làm được cuốn sổ cá nhân

c. Sản phẩm: Là bài làm của học sinh gồm hệ thống các biện pháp ứng phó với tình huống nguy hiểm và cuốn sổ tay cá nhân phù hợp cho bản thân.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh làm bài tập vào vở, thời gian trả bài, cách thức làm bài, làm sổ. Khuyến khích các cách làm sáng tạo phù hợp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ tại nhà, có thể tham khảo các cách khác nhau của các bạn trong lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên ấn định thời gian các học sinh nộp sản phẩm, cách nộp sản phẩm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, sản phẩm của học sinh.

Bài tập 4: Bố mẹ đi vắng, hai anh em Minh và Ngọc ở nhà học bài. Bỗng có tiếng chuông cửa, Ngọc chạy ra thì thấy một chú tự giới thiệu là nhân viên Công ty Điện lực, đề nghị vào nhà để kiểm tra các thiết bị điện của gia đình. Ngọc định mở cửa

cho chủ thợ điện vào thì anh Minh liền lắc đầu từ chối và nói rằng khi bố mẹ về thì chú quay lại.

a) Em có đồng ý với cách giải quyết của Minh trong tình huống trên không? Tại sao?

b) Nếu Ngọc mở cửa cho chủ thợ điện vào nhà khi bố mẹ đi vắng, điều gì có thể xảy ra?

a. Mục tiêu: Học sinh làm quen với một số kỹ năng ứng phó với tình huống nguy hiểm trong cuộc sống hàng ngày và biết cách ứng phó phù hợp.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo theo nhóm, cùng nhau đọc, trao đổi, về tình huống được đưa ra trong sách giáo khoa, và trả lời được câu hỏi

a) Theo em, Dương có nên im lặng và làm theo yêu cầu của Chiến không? Vì sao?

b) Nếu là Dương, em sẽ xử lý tình huống này như thế nào?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh: Học sinh giải thích được nội dung tình huống và hậu quả của từng tình huống

a) Theo em, Dương không nên im lặng và làm theo yêu cầu của Chiến vì đó là hành động bắt nạt sai trái. Nếu Dương cứ im lặng thì Chiến sẽ tiếp tục bắt nạt Dương với những hình thức khác và Chiến sẽ còn bắt nạt cả những bạn khác. Điều này sẽ gây hậu quả nghiêm trọng với Dương và các bạn bị bắt nạt.

b) Nếu là Dương em sẽ báo cáo với giáo viên và nói với bố mẹ để nhờ người lớn giải quyết.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm, cùng nhau trao suy nghĩ về các trường hợp đưa ra theo yêu cầu của câu hỏi

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh đọc, suy nghĩ và ghi câu trả lời của mình vào vở ghi, có thể cùng trao đổi với các bạn xung quanh

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày, học sinh theo dõi kết quả có nhận xét và bổ sung

HS:

- Trình bày kết quả trả lời của mình

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét phần trình bày của bạn

- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

Bài tập 1: Em hãy lên danh sách các vật dụng cần thiết để ứng phó với các tình huống nguy hiểm và đề xuất với bố mẹ trang bị cho gia đình..

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để ứng phó với tính huống nguy hiểm trong cuộc sống, hình thành kỹ năng thích ứng và đối phó với các tình huống nguy hiểm để bảo vệ bản thân

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, sưu tầm được những vật dụng cần thiết để ứng phó khi xảy ra các tình huống nguy hiểm và đề xuất với bố mẹ trang bị cho gia đình

c. Sản phẩm: Là bài làm của học sinh biết lên danh sách được những vật dụng cần chuẩn bị cho gia đình để thích ứng với tình huống nguy hiểm có thể gặp phải

Vật dụng cần thiết để ứng phó với các tình huống nguy hiểm và đề xuất với bố mẹ trang bị cho gia đình: Bình xịt cay, dụng cụ phòng cháy, tủ y tế, găng tay làm vườn, ủng, thuốc xịt muỗi...

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh làm bài tập vào vở, thời gian trả bài, cách thức làm bài, làm sổ. Khuyến khích các cách làm sáng tạo phù hợp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ tại nhà, có thể tham khảo các cách khác nhau của các bạn trong lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên ấn định thời gian các học sinh nộp sản phẩm, cách nộp sản phẩm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, sản phẩm của học sinh.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm kĩ các tình huống nguy hiểm, hậu quả của các tình huống nguy hiểm và cách phòng tránh trước các tình huống nguy hiểm.

- Hoàn thành các bài tập.

- Đọc và chuẩn bị bài Tiết kiệm.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

.....

TUẦN 22+23+24

NGÀY SOẠN: 18/2/2024

TIẾT 22+23+24: TIẾT KIỂM

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Khái niệm và biểu hiện của tiết kiệm.

- Nhận xét được việc thực hành tiết kiệm của bản thân, những người xung quanh, phê phán hành vi lãng phí, keo kiệt, hà tiện.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học:* Tự giác học tập, lao động, thực hiện tiết kiệm.

- *Điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được việc làm tiết kiệm, việc làm gây lãng phí. Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, điều chỉnh bản thân trong cuộc sống nhằm hình thành và phát huy đức tính tiết kiệm..

- *Phát triển bản thân*: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy tính tiết kiệm. Xác định được lí tưởng sống của bản thân, lập kế hoạch học tập và rèn luyện đức tính tiết kiệm.

- *Tư duy phê phán*: Đánh giá, phê phán được những hành vi lãng phí, hà tiện. Đồng tình, ủng hộ những hành vi tiết kiệm có ý nghĩa tích cực.

- *Hợp tác, giải quyết vấn đề*: Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm góp phần lan tỏa giá trị của đức tính tiết kiệm.

3. Về phẩm chất:

- *Yêu nước*: Tự hào về truyền thống nhân ái, đoàn kết tương trợ, tinh thần tương thân, tương ái của dân tộc.

- *Nhân ái*: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tích cực chủ động tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để thực hành tính tiết kiệm.

- *Trách nhiệm*: Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng, gương mẫu trong việc sử dụng đúng mức, hợp lí của cải vật chất, thời gian, sức lực. Đấu tranh bảo vệ những hành động ý nghĩa; phê phán, lên án những quan niệm sai lầm, lệch lạc trong tiết kiệm như hoang phí, hà tiện, keo kiệt.

HSKT: Nhận biết được biểu hiện của tiết kiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Ti vi, KHBD, máy tính, tranh ảnh, bài hát

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân* 6, tư liệu

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết đơn giản về lối sống tiết kiệm để có tâm thế vào bài mới.

- Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu: Tiết kiệm là gì? Biểu hiện, ý nghĩa của tiết kiệm

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng bài hát “**Đội em làm kế hoạch nhỏ**” và trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa.

Em có suy nghĩ gì về ý nghĩa hoạt động “làm kế hoạch nhỏ” của các bạn thiếu niên trong bài hát.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. Học sinh chỉ ra được ý nghĩa nhân văn của hoạt động làm kế hoạch nhỏ được đề cập trong bài hát

Em có suy nghĩ gì về ý nghĩa hoạt động “làm kế hoạch nhỏ” của các bạn thiếu niên trong bài hát: các bạn đang làm một việc hết sức có ý nghĩa, biết sử dụng giấy để làm việc có ích, chai lọ để tạo thành đồ dùng mới, giảm ô nhiễm môi trường, tránh được lãng phí.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV cho học sinh lắng nghe bài hát

- Trả lời câu hỏi sau: *Em có suy nghĩ gì về ý nghĩa hoạt động “làm kế hoạch nhỏ” của các bạn thiếu niên trong bài hát*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe bài hát, chỉ ra những từ ngữ đề cập đến ý nghĩa cơ bản của của hoạt động kế hoạch nhỏ

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trả lời câu hỏi
- Học sinh khác lắng nghe, bổ sung, và liên hệ thực tế phong trào này ở lớp mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học: *Tiết kiệm là đức tính quý báu, cần thiết trong cuộc sống. Vậy tiết kiệm là gì? Biểu hiện tiết kiệm như thế nào có và các em sẽ cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.*

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Học sinh tự tìm hiểu khái niệm tiết kiệm (CV 4040)

a. Mục tiêu:

- Học sinh tự mình nêu được khái niệm tiết kiệm là gì

b. Nội dung:

- GV cho học sinh tự học thông qua việc các em tự đọc trước câu chuyện và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa

a) *Em có suy nghĩ như thế nào về hành động của bạn Hải?*

b) *Em hiểu thế nào là tiết kiệm?*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh tự mình chỉ ra được ý nghĩa trong việc làm của Hải, từ đó tự mình nêu được tiết kiệm là gì

a, *Em có suy nghĩ về hành động của bạn Hải: Bạn biết sử dụng giấy, chai lọ, ... để bán lấy tiền tiết kiệm vừa giảm ô nhiễm môi trường, tránh được lãng phí. Lại là người biết yêu thương gia đình.*

b, *Em hiểu tiết kiệm là: Biết sử dụng một cách hợp lí, đúng mức của cải, vật chất, thời gian, sức lực của mình và của người khác*

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn HS tự học, bằng cách yêu cầu học sinh đọc trước câu chuyện này ở nhà và trả lời được 2 câu hỏi trong sách giáo khoa a) <i>Em có suy nghĩ như thế nào về hành động của bạn Hải?</i> b) <i>Em hiểu thế nào là tiết kiệm?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin, làm việc cá nhân hoặc cặp đôi trước, ghi kết quả vào vở. - Các học sinh có thể cùng nhau trao đổi kết quả tự học của bản thân mình Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	I. Khám phá 1. Tiết kiệm là gì

- Giáo viên yêu cầu học sinh tự ghi kết quả tự học của mình vào vở Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv dựa vào khái niệm tiết kiệm này để dẫn dắt học sinh vào bài mới <i>Tiết kiệm là biết sử dụng một cách hợp lý của cải, tiền bạc, thời gian, sức lực của mình và người khác.</i>	
--	--

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Học sinh tìm hiểu những biểu hiện của tiết kiệm

a. Mục tiêu:

- Nêu được những biểu hiện cơ bản của tiết kiệm

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận cặp đôi, cùng quan sát, suy nghĩ và chỉ ra những biểu hiện về tiết kiệm, chưa tiết kiệm ứng với các hình ảnh trong sách giáo khoa

a) *Những biểu hiện của tiết kiệm và chưa tiết kiệm trong các bức tranh trên?*

b) *Em hãy kể thêm những biểu hiện của tiết kiệm và lãng phí?*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được những biểu hiện cụ thể thể hiện sự tiết kiệm, những biểu hiện chưa tiết kiệm cũng như chỉ ra được những biểu hiện khác của tiết kiệm.

a,

- *Biểu hiện của tiết kiệm là bức tranh: 1, 2, 5,*

- *Chưa tiết kiệm là bức tranh: 3, 4, 6.*

b, *Em kể thêm những biểu hiện của tiết kiệm và lãng phí*

- *Những biểu hiện tiết kiệm:*

+ *Tái sử dụng những vật đã dùng.*

+ *Dùng lại những vật còn sử dụng được.*

+ *Xử dụng tiền tiết kiệm, không tiêu hoang phí*

+ *Bảo vệ tài sản cá nhân và tập thể*

+ ...

- *Những biểu hiện lãng phí:*

+ *Không bảo quản những vật dụng đang dùng.*

+ *Nghịch gợm, phá hỏng đồ dùng..*

+ *Bật điều hòa khi trời mát,*

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn HS làm việc cặp đôi, cùng nhau quan sát các bức tranh và trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung được đề cập trong câu chuyện <i>a) Những biểu hiện của tiết kiệm và chưa tiết kiệm trong các bức tranh trên?</i> <i>b) Em hãy kể thêm những biểu hiện của tiết kiệm và lãng phí?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin, làm việc cá nhân và cặp đôi, ghi kết quả vào vở. GV theo dõi, hướng dẫn HS, phát hiện các kết quả khác nhau của các cá nhân.	b. Biểu hiện của tiết kiệm. - Chi tiêu hợp lý - Tắt các thiết bị điện, khóa vòi nước khi không sử dụng. - Sắp xếp thời gian làm việc kho học. - Sử dụng hợp lý và khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên.

- GV phát hiện nhóm hoàn thành nhiệm vụ sớm nhất và chỉ ra được đúng nội dung câu chuyện Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên yêu cầu một số học sinh trả lời kết quả làm việc của nhóm mình - Giáo viên lựa chọn những ví dụ trùng nhau những ví dụ điển hình nhất để tổng hợp khái quát Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét và giúp học sinh tự mình phát biểu được khái niệm tiết kiệm <i>Tiết kiệm gắn liền với những hành động thiết thực, đơn giản hàng ngày của bản thân mỗi người.</i>	- Bảo quản đồ dùng học tập, lao động khi sử dụng - Bảo vệ của công...
---	--

* **Chuyển ý:** Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng việc cùng trao đổi và suy nghĩ về mơ ước của em

Hãy trao đổi với các bạn xung quanh và chia sẻ trước lớp: “Em mong ước mua một món đồ nhưng không đủ tiền và cũng không muốn xin tiền bố mẹ. Em sẽ làm gì để thực hiện được mong muốn đó?”.

- **Câu trả lời của học sinh:** Học sinh chỉ ra được ý nghĩa nhân văn của hoạt động làm kế hoạch nhỏ được đề cập trong bài hát

Em mong ước mua một món đồ nhưng không đủ tiền và cũng không muốn xin tiền bố mẹ. Em sẽ có thể xin đi làm thêm sau giờ học để kiếm tiền mua món đồ đó hoặc tiết kiệm tiền tiêu vặt của mình. Ngoài ra em sẽ tích trữ, thu gom những vật liệu phế thải như: giấy vụn, chai lọ ... để bán cho các cô ve chai để có tiền mua đồ.

- **Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học:**

Như vậy, để có một món đồ em yêu thích, trước hết, em phải tiết kiệm tiền tiêu vặt của mình. Cô chắc chắn rằng, rất nhiều bạn đã làm việc này rồi. Nhưng tiết kiệm là gì, tiết kiệm có biểu hiện và ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống của chúng ta, cô và các em sẽ cùng tìm hiểu nội dung tiếp theo

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Ý nghĩa của Tiết kiệm

a. Mục tiêu:

- HS nêu được ý nghĩa của tiết kiệm, biết trân trọng những giá trị do bản thân và người khác tạo ra

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm các nhóm các nhóm tìm hiểu 3 tình huống được đưa ra trong sách giáo khoa

Tình huống	Nhiệm vụ
Nhóm 1,2: Anh Hòa là chủ của hàng tạp hóa, có thu nhập khá cao kiếm được bao nhiêu anh đều tiêu hết. Gần đây, công việc kinh doanh của anh không thuận lợi, anh lại lâm bệnh phải nằm viện. Cuộc sống của anh vô cùng khó	a) Em có nhận xét gì về cách tiêu xài của anh Hòa?

khăn vì không có đủ tiền lo tiền viện phí và trang trải các khoản chi tiêu cần thiết.	b) Cách tiêu xài đó đã dẫn đến hậu quả gì?
Nhóm 3,4: Quang được bạn bè yêu mến vì không những học giỏi mà còn tham gia tích cực các hoạt động của trường lớp. Bạn chia sẻ: “Mình luôn biết tiết kiệm thời gian, sắp xếp công việc hợp lý để thực hiện được những việc cần làm, những điều mình muốn.”	Từ câu chuyện của bạn Quang, em hãy rút ra ý nghĩa gì của việc tiết kiệm thời gian? Từ câu chuyện của bạn Quang, em hãy rút ra ý nghĩa gì của việc tiết kiệm thời gian?
Nhóm 5,6: Phong trào “Hội gia đình tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng” đã lan tỏa từ gia đình đến cộng đồng. Nhờ những hành động tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng của mỗi người đã góp phần giảm mức độ tiêu thụ điện, tiêu thụ năng lượng, giảm thiểu khí thải ô nhiễm môi trường, tiết kiệm một phần chi phí cho gia đình và quốc gia.	Em hãy nêu ý nghĩa của việc tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra ý nghĩa của từng tình huống

1.a, Em có nhận xét về cách chi tiêu của anh Hòa: Anh không biết tiết kiệm, chi tiêu không hợp lý, không nghĩ đến ngày mai, đề phòng bất chắc xảy ra...

b, Cách chi tiêu đó dẫn đến hậu quả: Khi đau ốm anh không có tiền để chi trả viện phí và trang trải các khoản chi tiêu cần thiết.

2. Từ câu chuyện của bạn Quang, em hãy rút ra ý nghĩa của việc tiết kiệm thời gian là:

+ Nếu biết kiệm thời bằng cách sắp xếp những công việc hợp lý để có thể thực hiện những công việc cần làm và bản thân muốn làm, làm được nhiều việc có ích hơn...

+ Tiết kiệm thời gian rất quan trọng bởi vì thời gian trôi không bao giờ quay trở lại.

3. Phong trào “Hội gia đình tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng” là hoạt động ý nghĩa tích cực như:

+ Tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng:

+ Góp phần giảm mức độ tiêu thụ điện, tiêu thụ năng lượng

+ Giảm thiểu khí thải ô nhiễm môi trường

+ Tiết kiệm một phần chi phí cho gia đình và quốc gia.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho học sinh làm việc theo nhóm, 2 nhóm cùng nghiên cứu một tình huống và trả lời câu hỏi <i>Nhóm 1,2: Tình huống 1</i> <i>Nhóm 3,4: Tình huống 2</i> <i>Nhóm 5,6: Tình huống 3</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập	3. Ý nghĩa của tiết kiệm -Tiết kiệm giúp chúng ta quý trọng thành quả lao động; đảm bảo cho cuộc sống ổn định, an no, hạnh phúc và thành

- HS đọc thông tin, làm việc cùng các bạn trong nhóm trao đổi nội dung của nhóm mình. - GV theo dõi, hướng dẫn HS, phát hiện các kết quả khác nhau của các cá nhân. - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, thảo luận về các thông tin trên, trả lời câu hỏi và lấy ví dụ như yêu cầu. - GV phát hiện nhóm hoàn thành nhiệm vụ sớm nhất cũng như các nhóm làm việc chưa hiệu quả để điều chỉnh Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình. - Giáo viên lựa chọn những ví dụ trùng nhau những ví dụ điển hình nhất để tổng hợp khái quát Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét ý nghĩa của việc thực hành tiết kiệm	công.
---	-------

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nội dung: Cách thực hiện tiết kiệm

a. Mục tiêu:

- Nêu được một số cách tiết kiệm trong cuộc sống.

b. Nội dung:

- GV tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm, hai nhóm cùng tìm hiểu một hình thức thực hành tiết kiệm được đề cập trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi.

Nhóm 1: Tiết kiệm Tiền

Nhóm 2: Tiết kiệm thời gian

Nhóm 3: Tiết kiệm nước

Nhóm 4: Tiết kiệm điện

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra các nhân vật trong tình huống thực hành tiết kiệm và chỉ ra các cách mà bản thân đã và sẽ làm để thực hành tiết kiệm

- Để tiết kiệm tiền bạn gái trong bức tranh đã làm như sau:

+ Ghi vào giấy những vật dụng cần thiết và mua đúng như vậy, thể hiện việc chi tiêu có kế hoạch, tránh lãng phí

- Chia sẻ cách tiết kiệm tiền của em:

+ Em bỏ tiền mừng tuổi vào nuôi lợn đất

+ Không xin tiền bố mẹ để ăn quà vặt

+ Bảo quản tốt dụng cụ học tập

+ Không mua những vật dụng không cần thiết.

- Bạn Nam đã thực hiện tiết kiệm thời gian bằng cách:

+ Lập thời gian biểu và thực hiện đúng theo thời gian biểu .

- Cách tiết kiệm thời gian của em:

+ Lập cho mình thời gian biểu hợp lý và thực hiện theo một cách nghiêm túc

+ Không dùng thời gian làm những việc không có ích.

a, Nội dung các bức tranh nhắc em cần làm để tiết kiệm nước:

- + Khóa vòi nước khi không sử dụng
- + Sửa vòi nước khi bị rò rỉ.
- +

b, Những cách khác để tiết kiệm nước như:

- + Kiểm tra rò rỉ do bồn vệ sinh...
- + Khóa vòi nước trong khi đánh răng...
- + Đặt chai nhựa hoặc phao nổi vào ngăn chứa nước xả của bồn nước...
- + Sử dụng vòi hoa sen tiết kiệm, hiệu quả...

- Em tham gia thảo luận cách thực hiện cùng các bạn trong nhóm về tiết kiệm điện: Có nhiều cách tiết kiệm điện khác nhau như các bạn đã nói, ngoài ra cũng có thêm cách khác....

- Những cách khác để tiết kiệm điện như:

- + Sử dụng bóng đèn tiết kiệm điện. ...
- + Sử dụng thiết bị phát hiện chuyển động để tránh lãng phí điện. ...
- + Sử dụng thiết bị điều chỉnh độ sáng đèn điện. ...
- + Sử dụng công tắc thông minh. ...
- + Sử dụng công cụ giám sát thiết bị điện trong nhà ...
- + Giặt, rửa bằng nước lạnh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn HS tiếp tục thực hiện theo nhóm đã phân công - Mỗi nhóm sẽ nghiên cứu một nội dung được đề cập trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin, làm việc cùng các bạn trong nhóm trao đổi nội dung của nhóm mình. - GV theo dõi, hướng dẫn HS, phát hiện các kết quả khác nhau của các cá nhân. - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, thảo luận về các thông tin trên, trả lời câu hỏi và lấy ví dụ như yêu cầu. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình. - Trong quá trình trả lời yêu cầu các nhóm khác bổ sung và Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....	3. Cách thực hiện tiết kiệm: - Tắt các thiết bị điện khi không cần thiết. Tận dụng ánh sáng tự nhiên, gió tự nhiên...sử dụng các phương tiện, thiết bị tiết kiệm điện... -Tiết kiệm tiền như nuôi lợn tiết kiệm... - Lập thời gian biểu, thực hiện theo kế hoạch... - Khóa vòi nước khi không sử dụng, ...

- Giáo viên khái quát để giúp học sinh rút ra được những cách thức tiết kiệm ứng với mỗi trường hợp trong cuộc sống hàng ngày	
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

Bài tập 1: Em hãy cùng các bạn trong nhóm thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Liệt kê những biểu hiện lãng phí đồ dùng học tập và cách tiết kiệm đồ dùng đồ dùng học tập của học sinh.

- Liệt kê những biểu hiện lãng phí thời gian và cách tiết kiệm thời gian của học sinh.

a. Mục tiêu: Biết vận dụng những kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn, hình thành kỹ năng tiết kiệm trong sinh hoạt hàng ngày.

b. Nội dung:

- Học sinh tham gia trò chơi tiếp sức, cùng nhau liệt kê các biểu hiện của lãng phí và cách tiết kiệm một số nội dung

Đội 1: Nêu biểu hiện của lãng phí đồ dùng học tập

Đội 2: Nêu cách tiết kiệm đồ dùng học tập.

Đội 3: Nêu biểu hiện của lãng phí thời gian

Đội 4: Nêu cách tiết kiệm thời gian.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Liệt kê những biểu hiện lãng phí đồ dùng học tập như:

+ Viết giấy chưa hết trang đã bỏ

+ Dùng bút vẽ bậy vào tập

+ Xé giấy làm máy bay, vứt bừa bãi

- Cách tiết kiệm đồ dùng đồ dùng học tập của học sinh:

+ Bảo quản dụng cụ học tập tốt

+ Không dùng bút viết vẽ bậy vào giấy

+ Thu gom giấy vụn gây quỹ cho lớp.

- Liệt kê những biểu hiện lãng phí thời gian:

+ Không cố gắng học tập

+ Ngủ gục trong giờ học

+ Chơi game nhiều sao nhãng học tập...

- Cách tiết kiệm thời gian của học sinh:

+ Lập cho mình thời gian biểu hợp lý và thực hiện theo một cách nghiêm túc

+ Không dùng thời gian làm những việc không có ích.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS học sinh chơi tiếp sức

- Các đội sẽ lần lượt cử thành viên lên kể theo nội dung nhiệm vụ

Đội 1: Nêu biểu hiện của lãng phí đồ dùng học tập

Đội 2: Nêu cách tiết kiệm đồ dùng học tập.

Đội 3: Nêu biểu hiện của lãng phí thời gian

Đội 4: Nêu cách tiết kiệm thời gian.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin, làm việc cùng các bạn trong nhóm trao đổi nội dung của nhóm mình.

- Tham gia trò chơi tích cực hiệu quả.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên các đội kiểm tra chéo kết quả của nhau.

- Trong quá trình trả lời yêu cầu các nhóm khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

- Giáo viên khái quát để giúp học sinh rút ra được những cách thức tiết kiệm ứng với mỗi trường hợp trong cuộc sống hàng ngày.

Bài tập 2: *Em hãy nhận xét hành vi của các bạn dưới đây:*

a) *Khi ăn tự chọn ở nhà hàng, Lan chỉ lấy vừa đủ thức ăn.*

b) *Dương thường bật điều hòa, quạt trần, ti vi suốt ngày cả khi ra sân chơi với các bạn.*

c) *Quân rủ Tuấn ra quán chơi điện tử, tiêu hết cả số tiền mẹ cho để mua sách.*

a. Mục tiêu: Biết vận dụng những kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn, hình thành kỹ năng tiết kiệm trong sinh hoạt hàng ngày.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân, đọc thông tin và đưa ra ý kiến của mình về từng trường hợp cụ thể

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

- Học sinh biết phân biệt được đâu là hành vi thực hành tiết kiệm, đâu là hành

a, *Khi ăn tự chọn ở nhà hàng, Lan chỉ lấy vừa đủ thức ăn.*

=> *Nhận xét hành vi của Lan: Bạn là người biết tiết kiệm thức ăn, tránh lãng phí.*

b, *Dương thường bật điều hòa, quạt trần, ti vi suốt ngày cả khi ra sân chơi với các bạn.*

=> *Nhận xét hành vi của Dương là lãng phí điện, khi không dùng nữa chúng ta nên tắt thiết bị điện.*

c, *Quân rủ Tuấn ra quán chơi điện tử, tiêu hết cả số tiền mẹ cho để mua sách.*

=> *Nhận xét hành vi của Quân và Tuấn là lãng phí tiền bạc, chi tiêu vào mục đích không chính đáng, không cần thiết.*

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, cùng đọc các nội dung và đưa ra quan điểm của mình có thể thảo luận cặp đôi để đưa ra ý kiến của mình

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin, làm việc cặp đôi để đưa ra phương án trong từng trường hợp

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của bản thân, các học sinh khác bổ sung hoàn thiện.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

- Giáo viên khái quát để giúp học sinh rút ra được những cách thức tiết kiệm ứng với mỗi trường hợp trong cuộc sống hàng ngày

Bài tập 3: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: Biết vận dụng những kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn, hình thành kỹ năng tiết kiệm trong sinh hoạt hàng ngày.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc nhóm, cùng nhau suy nghĩ trao đổi để đưa ra các phương án trả lời phù hợp trong từng tình huống

Nhóm 1,2: Tình huống số 1

Nhóm 3,4: Tình huống số 2

Nhóm 5,6: Tình huống số 3

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh, học sinh đưa ra những lý giải phù hợp trong từng tình huống

1. Nếu là Lan em sẽ nói với các bạn:

+ Gia đình mình còn khó khăn nên phải biết tiết kiệm không nên lãng phí tiền vào những thứ không cần thiết.

+ Mình có thể tổ chức sinh nhật tại nhà đơn giản tiết kiệm nhưng vẫn vui và đầm ấm...

2. a, Em có nhận xét về cách sử dụng điện thoại của Hùng:

+ Hùng dành quá nhiều thời gian để chơi điện tử nên đã sao nhãng chuyện học hành

+ Hùng đang rất lãng phí, sử dụng không hợp lý thời gian của mình...

- Điều này sẽ làm cho kết quả học tập của bạn: ngày càng đi xuống và không có kết quả tốt.

b, Em có lời khuyên cho Hùng:

+ Không nên sử dụng thời gian của mình vào những việc vô bổ như vậy

+ Lập cho mình thời gian biểu hợp lý và thực hiện theo một cách nghiêm túc: hãy dành thời gian nhiều cho học tập, phụ giúp bố mẹ...

3. Em không đồng tình với cách tiết kiệm của Tuyết.

- Vì:

+ Tuyết mua hàng rẻ nhưng không có nguồn gốc, xuất xứ làm như vậy không phải là tiết kiệm có khi mua phải hàng không sử dụng được.

+ Tuyết không chia sẻ đồ dùng của mình với các bạn vì cho rằng cần phải tiết kiệm nhưng thực tế là sống ích kỉ, hẹp hòi, keo kiệt,...

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS học sinh thực hiện nhiệm vụ theo nhóm

Nhóm 1,2: Tình huống số 1

Nhóm 3,4: Tình huống số 2

Nhóm 5,6: Tình huống số 3

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin, làm việc cùng các bạn trong nhóm trao đổi nội dung của nhóm mình.

- Trao đổi thảo luận tình huống của nhóm mình và đưa ra cách giải quyết phù hợp

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả.

- Trong quá trình trả lời yêu cầu các nhóm khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

- Giáo viên khái quát để giúp học sinh rút ra được những cách thức tiết kiệm ứng với mỗi trường hợp trong cuộc sống hàng ngày.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

Bài tập 1: Lập kế hoạch tiết kiệm:

- Em sẽ rèn luyện như thế nào để trở thành người có lối sống tiết kiệm?

- Hãy xây dựng kế hoạch rèn luyện lối sống tiết kiệm của bản thân và chia sẻ với bố mẹ hoặc thầy cô giáo về kế hoạch của mình.

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng trong cuộc sống, hình thành kỹ năng tiết kiệm trong chi tiêu và sinh hoạt

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, mỗi học sinh hoàn thành được một bản kế hoạch

Yêu cầu bản kế hoạch: Chỉ rõ việc làm, cách làm cách thực hiện và mục tiêu..

c. Sản phẩm: Hoàn thành dự án học tập, báo cáo kết quả thực hiện trước lớp.

Em sẽ rèn luyện để trở thành người có lối sống tiết kiệm

+ Tránh lối sống đua đòi, xa hoa và lãng phí.

+ Sắp xếp việc làm khoa học: Lập và thực hiện đúng thời gian biểu, sắp xếp công việc hợp lí...

+ Bảo quản, tận dụng các đồ dùng học tập, lao động: Viết giấy hết trang mới bỏ, dùng giấy cũ để làm nháp, mua đủ đồ dùng học tập, bảo quản đồ cẩn thận...

+ Sử dụng điện, nước hợp lí.

+ Tổ chức sinh nhật ở nhà đơn giản và tiết kiệm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh đọc kỹ yêu cầu của bài tập và làm bài tập

- Thời gian nộp bài là tiết học sau.

- Đưa ra những yêu cầu và tiêu chí cụ thể để thực hiện.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ tại nhà trong thời gian quy định

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên ấn định thời gian các học sinh nộp sản phẩm, cách nộp sản phẩm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv tổng kết rút kinh nghiệm, có thể triển khai nhân rộng.

* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Nắm các kiến thức về khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa và cách thực hiện tiết kiệm.

- Hoàn thành các bài tập.

- Chuẩn bị cho chủ đề: Bài 9. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

* RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....

TUẦN 25, 26

NGÀY SOẠN: 10/3/2024

TIẾT 25, 26: CÔNG DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nêu được quy định của Hiến Pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- Bước đầu thực hiện được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học*: Tự giác học tập, lao động, thực hiện được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- *Phát triển bản thân*: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy truyền thống yêu nước.

- *Tư duy phê phán*: Đánh giá, phê phán được những hành vi chưa chuẩn mực, vi phạm đạo đức, pháp luật ảnh hưởng xấu đến đất nước.

- *Hợp tác, giải quyết vấn đề*: Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân.

3. Về phẩm chất:

- *Yêu nước*: Tự hào về quê hương đất nước.

- *Nhân ái*: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tích cực chủ động tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

- *Trách nhiệm*: Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để phát huy truyền thống yêu nước. Tự giác thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

HSKT: Biết khái niệm công dân nước CHXHCNVN

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế học tập, hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết về trang phục công dân của các nước trên thế giới và xác định được người mặc trang phục đó là công dân của nước nào? Và bắt đầu vào bài mới
- Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu: Căn cứ vào đâu để xác định được công dân của mỗi nước

b. Nội dung: Học sinh cùng trao đổi về vấn đề thời sự diễn ra trong năm 2020 và 2021 đó là việc đưa công dân Việt Nam từ vùng dịch trên thế giới về nước

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Học sinh lý giải được nguyên nhân vì sao Đảng và chính phủ rất quan tâm đến việc đưa công dân Việt Nam về nước

- Chia sẻ cảm xúc khi được là công dân Việt Nam
 - + Chính phủ lo đến sức khỏe, tính mạng của đồng bào ta ở nước ngoài.
 - + Chính phủ muốn bảo vệ công dân Việt Nam một cách tốt nhất.
- Cảm xúc của em khi được là công dân Việt Nam là: rất tự hào, hạnh phúc.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV cho học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi, các học sinh cùng nhau suy nghĩ ý nghĩa nội dung

Theo em, vì sao chính phủ Việt Nam quan tâm đến việc đưa công dân Việt Nam về nước? Hãy chia sẻ cảm xúc của em khi được là công dân Việt Nam?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trả lời câu hỏi
- Học sinh khác lắng nghe, bổ sung, và liên hệ thực tế việc đưa đón công nhân ở địa phương mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học: *Dịch bệnh diễn ra là điều không ai mong muốn và rất nhiều quốc gia đang phải gồng mình chống chọi với đại dịch,. Là công dân nước VN con cần thực hiện tốt quy định 5K của chính phủ, ở yên trong nhà, hạn chế ra đường và tụ tập nơi đông người. Làm như vậy chính là thể hiện trách nhiệm và lòng yêu nước của chính mình.*

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm công dân (Học sinh tự học theo CV4040)

a. Mục tiêu:

- Học sinh tự mình nêu được khái niệm công dân là gì

b. Nội dung:

- GV cho học sinh tự học thông qua việc các em tự quan sát một số hình ảnh và đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa

Em hãy quan sát các cuốn hộ chiếu dưới đây và cho biết đó là hộ chiếu quốc gia nào? Ý nghĩa của cuốn hộ chiếu đó.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh tự mình chỉ ra được hộ chiếu của từng nước và ý nghĩa của những cuốn hộ chiếu đó

Em quan sát các cuốn hộ chiếu trong hình ảnh trên thì đó là:

+ Hộ chiếu quốc gia Việt Nam

+ Hộ chiếu quốc gia Nhật Bản.

+ Hộ chiếu quốc gia Nga.

- Ý nghĩa của cuốn hộ chiếu đó là: để cho biết người đó thuộc công dân của quốc gia nào.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn HS tự học, bằng cách yêu cầu học sinh đọc trước câu chuyện này ở nhà và trả lời được câu hỏi trong sách giáo khoa <i>Em hãy quan sát các cuốn hộ chiếu dưới đây và cho biết đó là hộ chiếu quốc gia nào? Ý nghĩa của cuốn hộ chiếu đó.</i> <i>Đọc tình huống và trả lời được câu hỏi trong tình huống</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin, làm việc cá nhân hoặc cặp đôi trước, ghi kết quả vào vở. - Các học sinh có thể cùng nhau trao đổi kết quả tự học của bản thân mình Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên yêu cầu học sinh tự ghi kết quả tự học của mình vào vở, ghi được khái niệm công dân là gì Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv dựa vào khái niệm tiết kiệm này để dẫn dắt học sinh vào bài mới Công dân là những người mang quốc tịch của quốc gia, có các quyền và nghĩa vụ do pháp luật qui định.	I. Khám phá 1. Tìm hiểu khái niệm công dân. (HS tự học) Công dân là người dân của một nước, có các quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a. Mục tiêu:

- Nắm được các căn cứ để xác định được công dân nước CHXHCNVN

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin luật quốc tịch Việt Nam 2008, sửa đổi bổ sung năm 2018 để trả lời các câu hỏi

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh trả lời các câu hỏi liên quan đến quan hệ giữa nhà nước với công dân, liên quan đến quốc tịch trẻ em

a) Căn cứ nào để xác định một người là quốc tịch công dân Việt Nam?

b) Trong những trường hợp dưới đây, trường hợp nào trẻ em là công dân Việt Nam?

- Trẻ em sinh ra có cha và mẹ là công dân Việt Nam.

- Trẻ em sinh ra có cha là công dân Việt Nam, mẹ là công dân nước ngoài.

- Trẻ em sinh ra có mẹ là công dân Việt Nam, cha là người không quốc tịch.

- Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam có cha mẹ là người không quốc tịch nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam.

- Trẻ em bị bỏ rơi, không rõ cha mẹ là ai

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được những căn cứ để xác định một công dân Việt nam, chỉ ra được những trường hợp là công dân Việt Nam.

a, Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc tịch công dân Việt Nam

b, Trường hợp trẻ em là công dân Việt Nam là 4 trường hợp trên vì:

+ Trường hợp: Trẻ em sinh ra có cha và mẹ là công dân Việt Nam và trẻ em sinh ra có mẹ là công dân Việt Nam, cha là người không quốc tịch thì căn cứ vào huyết thống để xác định quốc tịch.

+ Trường hợp: Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam có cha mẹ là người không quốc tịch nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam và trẻ em bị bỏ rơi, không rõ cha mẹ là ai thì căn cứ vào nơi thường trú để xác định quốc tịch.

+ Trường hợp: Trẻ em sinh ra có cha là công dân Việt Nam, mẹ là công dân nước ngoài thì cần có sự thỏa thuận bằng văn bản của cha mẹ vào thời điểm đăng kí khai sinh cho con

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn HS đọc các thông tin trong sách giáo khoa, và trả lời 2 câu hỏi a, Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc tịch công dân Việt Nam b, Trường hợp trẻ em là công dân Việt Nam là 4 trường hợp trên vì: Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin, làm việc cá nhân và cặp đôi, ghi kết quả vào vở. GV theo dõi, hướng dẫn HS, phát hiện các kết quả khác nhau của các cá nhân. - GV phát hiện các học sinh hoàn thành nhiệm vụ sớm nhất và chỉ ra được đúng nội dung theo các thông tin Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên yêu cầu một số học sinh trả lời kết quả làm việc của mình - Giáo viên lựa chọn những ví dụ trùng nhau những ví dụ điển hình nhất để tổng hợp khái quát	2. Căn cứ xác định công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Quốc tịch là căn cứ xác định công dân của một nước thể hiện mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân nước đó Công dân nước cộng hòa xã hội

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....
- Gv nhận xét và giúp học sinh chỉ ra được những trường hợp nào được gọi là công dân nước cộng hòa XHCN Việt Nam
- *Trẻ em sinh ra có cha và mẹ là công dân Việt Nam.*
- *Trẻ em sinh ra có cha là công dân Việt Nam, Mẹ là công dân nước ngoài.*
- *Trẻ em sinh ra có mẹ là công dân Việt Nam, cha là người không quốc tịch.*
- *Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam có cha mẹ là người không quốc tịch nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam.*
- *Trẻ em bị bỏ rơi, không rõ cha mẹ là ai.*

3. Hoạt động 3: Luyện tập

Bài tập 1: Quan sát các mẫu giấy tờ dưới đây, quốc tịch của một người được ghi nhận vào giấy tờ nào?

a. Mục tiêu: Biết vận dụng những kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn, qua đó chỉ ra được những giấy tờ nào có quy định về quốc tịch

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân, cùng nhau quan sát tranh và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Quan sát các mẫu giấy tờ thì quốc tịch của một người được ghi nhận vào:

+ *Căn cước công dân.*

+ *Hộ chiếu*

+ *Giấy khi sinh*

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS quan sát tranh và chỉ tìm ra những bức tranh nào có ghi nhận quốc tịch của công dân.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin, làm việc cá nhân, có thể làm việc cặp đôi để cùng nhau trao đổi

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời một số học sinh trả lời
- Trong quá trình trả lời yêu cầu các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

Bài tập 2: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: Biết vận dụng những kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn, biết tự hào về quốc tịch của mình.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân, đọc thông tin và đưa ra ý kiến của mình về từng trường hợp cụ thể

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

1. Theo em, Hùng không là công dân Việt Nam vì cha mẹ Hùng có quốc tịch nước ngoài.

2. Lân có thể là công dân Việt Nam hoặc là không vì bố của Lân là người Việt Nam, mẹ là người Đức nên cần có sự thỏa thuận bằng văn bản của cha mẹ vào thời điểm đăng kí khai sinh cho Lân

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, cùng đọc các nội dung và đưa ra quan điểm của mình có thể thảo luận cặp đôi để đưa ra ý kiến của mình

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin, làm việc cặp đôi để đưa ra phương án trong từng trường hợp

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của bản thân, các học sinh khác bổ sung hoàn thiện.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

4. Hoạt động 4: Vận dụng

Bài tập 1: Em hãy vẽ một bức tranh hoặc sưu tầm tranh ảnh có nội dung thể hiện thông điệp tự hào là công dân Việt Nam.

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng trong cuộc sống, biết ứng xử phù hợp trong các trường hợp

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm tiến hành thực hiện dự án theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: Hoàn thành dự án học tập, báo cáo kết quả thực hiện trước lớp. Bức tranh hoặc album ảnh có nội dung thể hiện thông điệp tự hào là công dân Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh phân chia nhóm để thực hiện dự án học tập.

- Đưa ra những yêu cầu và tiêu chí cụ thể để thực hiện dự án.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ tại nhà trong thời gian quy định

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên ấn định thời gian các học sinh nộp sản phẩm, cách nộp sản phẩm và tổng kết dự án

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv tổng kết rút kinh nghiệm, có thể triển khai nhân rộng.

Bài tập 2: Sưu tầm về câu chuyện tấm gương học sinh tiêu biểu thực hiện tốt Năm điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng. Viết những điều bản thân em đã học được từ tấm gương đó.

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng trong cuộc sống, học tập những tấm gương tiêu biểu vươn lên đóng góp cho Tổ quốc

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo cá nhân tiên hành thực hiện dự án theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: Hoàn thành dự án học tập, báo cáo kết quả thực hiện trước lớp.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh làm bài tập tại nhà.
- Đưa ra những yêu cầu và tiêu chí cụ thể để nói về tấm gương học sinh tiêu biểu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ tại nhà trong thời gian quy định

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên ấn định thời gian các học sinh nộp sản phẩm, cách nộp sản phẩm và tổng kết dự án

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv tổng kết rút kinh nghiệm, có thể triển khai nhân rộng những tấm gương tiêu biểu

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nêu được quy định của Hiến Pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- Hoàn thành các bài tập
- Chuẩn bị nội dung ôn tập và Kiểm tra giữa kì II

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....
.....

TUẦN 27

NGÀY SOẠN: 24/3/2024

TIẾT 27: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức

- Học sinh củng cố những kiến thức cơ bản đã được học liên quan đến các bài đã học: Tiết kiệm, Ứng phó với tình huống nguy hiểm, Công dân nước CHXHCNVN

- Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.

- Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- *Giải quyết vấn đề:* Thực hành làm bài kiểm tra.

- *Tự quản bản thân:* Nghiêm túc trong kiểm tra, đánh giá.

b. Năng lực đặc thù:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi.

- *Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức đánh giá bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập.

3. Về phẩm chất

- *Trung thực:* Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp.

- *Trách nhiệm:* Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. Thiết bị:

2. Học liệu: KHDH, ma trận+ đề + hướng dẫn chấm (Đáp án, biểu điểm)

III. Tiến trình dạy học

Hình thức đề kiểm tra: Trắc nghiệm + Tự luận

Thời gian: 45 phút

(ĐỀ, MA TRẬN, ĐẠC TẢ, HDC CÓ TẬP KÈM THEO)

HSKT: TRẢ LỜI ĐÚNG 5 CÂU TN ĐẠT

TUẦN 28

NGÀY SOẠN: 31/3/2024

TIẾT 28+29: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG

DÂN I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

- Nêu được những quy định của Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được quy định của pháp luật phổ thông, về quyền và nghĩa vụ của công dân và ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi

đó. Tự giác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của người khác.

Năng lực phát triển bản thân: Có kế hoạch để thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, vào những việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về pháp luật; nhận biết được một số sự kiện, liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

3. Về phẩm chất

Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của bản thân, tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt.

Nhân ái: Tôn trọng quyền và nghĩa vụ của mọi người, cùng nhau thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân nhằm xây dựng các quan hệ tốt đẹp và lành mạnh.

Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải công bằng trong nhận thức, ứng xử; không xâm phạm đến quyền và nghĩa vụ công dân của người khác.

Trách nhiệm: Tự giác thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. **Tích hợp quyền con người: Tranh ảnh về quyền và nghĩa vụ của công dân**

HSKT: Nhận biết được quyền và nghĩa vụ công dân

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân để chuẩn bị vào bài học mới. - Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu:

b. Nội dung: GV cho học sinh chơi trò chơi sắm vai để đóng lại tình huống sách giáo

khoa đưa ra.

A: Người dẫn truyện: Lớp 6A có một số bạn nhà xa nên thường đi xe đạp điện đến trường. Trong đó, một vài bạn không đội mũ bảo hiểm.

B: 2 HS (lớp 6): Đi xe đạp điện, không đội mũ bảo hiểm đèo bạn...

A: Người dẫn truyện: Theo bạn, học sinh lớp 6 có được sử dụng xe đạp điện không?

B: Người dẫn truyện: Người điều khiển xe đạp điện khi tham gia giao thông có bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm không? Vì sao?

GV dựa vào gợi ý để đặt câu hỏi và xác định HS nào có câu trả lời đúng: **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

- Theo em, học sinh lớp 6A được sử dụng xe đạp điện. Vì theo qui định thì xe đạp điện vẫn được xem là loại xe thô sơ và được tự do lựa chọn làm phương tiện di chuyển dựa trên nhu cầu sử dụng mỗi ngày.

- Người điều khiển xe đạp điện khi tham gia bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm đúng theo qui định. Vì như vậy sẽ an toàn hơn khi tham gia giao thông.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV cho học sinh chơi trò chơi sắm vai để đóng lại tình huống sách giáo khoa đưa ra.

A: Người dẫn truyện: Lớp 6A có một số bạn nhà xa nên thường đi xe đạp điện đến trường. Trong đó, một vài bạn không đội mũ bảo hiểm.

B: 2 HS (lớp 6): Đi xe đạp điện, không đội mũ bảo hiểm đèo bạn...

A: Người dẫn truyện: Theo bạn, học sinh lớp 6 có được sử dụng xe đạp điện không?

B: Người dẫn truyện: Người điều khiển xe đạp điện khi tham gia giao thông có bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm không? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi, phân công các thành viên tham gia đóng vai

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh không tham gia đóng vai nhận xét về phần trình diễn của các bạn

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ Theo Luật Giao thông đường bộ, xe đạp điện (xe đạp máy) được coi là phương tiện giao thông thô sơ.

+ Điều kiện của người điều khiển xe thô sơ tham gia giao thông là: Có sức khỏe bảo đảm điều khiển xe an toàn; Hiểu biết quy tắc giao thông đường bộ.

+ Khi tham gia giao thông, người điều khiển, người ngồi trên xe đạp điện phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách và không được thực hiện các hành vi sau:

Mang, vác vật cồng kềnh;

Sử dụng ô;

Bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác;

Đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên

tay lái; Hành vi khác gây mất trật tự, an

toàn giao thông.

GV kết luận:

Thông tin: Độ tuổi có thể sử dụng xe đạp điện, xe máy điện:

Dựa trên các Quy định, Bộ luật và Nghị định ở phần trên chúng ta có thể kết luận rằng hiện tại chưa có văn bản nào của chính phủ về việc quy định độ tuổi sử dụng xe đạp điện tại Việt Nam. Xe đạp điện vẫn được xem là xe thô sơ và người dân hoàn toàn được tự do lựa chọn làm phương tiện di chuyển dựa trên nhu cầu sử dụng mỗi ngày.

- Còn đối với xe máy điện thì được xem như là xe gắn máy có động cơ 50 phân khối.

Tức là chỉ những người đủ 16 tuổi trở lên mới được quyền sử dụng, vận hành và tham gia giao thông.

Luật Giao thông đường bộ không quy định độ tuổi người sử dụng xe thô sơ. Vì vậy, HS lớp 6 có thể sử dụng xe đạp điện khi tham gia giao thông nhưng phải đội mũ bảo hiểm và tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013

a. Mục tiêu:

HS nêu được các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013. **b. Nội dung:**

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin và quan sát các bức tranh trong SGK để thực hiện nhiệm vụ:

Em hãy đọc thông tin kết hợp xem các hình ảnh dưới đây để xác định các nhóm quyền và nêu nội dung các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam được quy định trong Hiến pháp năm 2013; Hãy ghép các hình ảnh với nhóm quyền và nghĩa vụ phù hợp.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Xác định các nhóm có quyền và nêu nội dung các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam được quy định trong hiến pháp 2013: đó là các quyền cơ bản về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến Pháp, Pháp luật. - Ghép các hình ảnh vào quyền và nghĩa vụ phù hợp:

+ Nhóm quyền chính trị: 8

+ Nhóm quyền dân

sự: 1 + Nhóm quyền

kinh tế: 9

+ Nhóm quyền văn hóa, xã hội: 2, 4

+ Nhóm Nghĩa vụ cơ bản của công dân: 3, 5,

6, 7. **d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu về nội dung cơ bản của một nhóm quyền, và tìm được bức ảnh tương ứng với nhóm quyền của mình <i>Nhóm 1: Nhóm quyền chính trị</i> <i>Nhóm 2: Nhóm quyền dân sự</i> <i>Nhóm 3: Nhóm quyền về kinh tế</i> <i>Nhóm 4: Nhóm quyền văn hoá, xã hội</i> <i>Nhóm 5: Các nghĩa vụ cơ bản mà công dân phải thực hiện</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS chia thành các nhóm phù hợp. - Các nhóm tìm hiểu nội dung của nhóm mình, quan sát bức tranh để có thể biết được bức tranh nào ứng với nhóm quyền của mình Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên yêu cầu các nhóm lần lượt trình bày kết quả của mình	1. Khái niệm Quyền cơ bản của công dân là những lợi ích cơ bản mà công dân được hưởng, được Nhà nước bảo vệ và đảm bảo theo Hiến pháp và pháp luật. - Nghĩa vụ cơ bản của công dân là những việc mà Nhà nước bắt buộc công dân phải thực hiện theo quy định của Hiến pháp và pháp luật
- Các nhóm khác bổ sung hoàn thiện Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và Pháp luật. Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.	

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu việc thực hiện quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân

a. Mục tiêu:

- HS biết cách thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân.
- GV tiếp tục cho học sinh thảo luận nhóm, các nhóm cùng nhau nghiên cứu và hoàn thành phiếu học tập đó là chỉ rõ những nhân vật nào thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ, các nhân vật nào chưa thực hiện tốt,
- Các nhóm chỉ ra được những quyền và nghĩa vụ mà các em được hưởng cũng như trách nhiệm của hs khi thực hiện các quyền và nghĩa vụ đó

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được hành vi đúng, chưa đúng
- a. Em xác định những bạn đã thực hiện đúng, chưa đúng quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân:**
- Những bạn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân: Hương, Minh, Hà, Liên, Hùng
 - Những người thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân: Bình, Phương, Thắng, Trang, gia đình Liên.

- Bởi vì: Theo Hiến pháp và luật có qui định thì công dân:
 - + Học tập, rèn luyện, giữ gìn nề nếp gia đình, phụ giúp còn chăm chỉ lao động, giúp đỡ cha mẹ phù hợp theo độ tuổi
 - + Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật, chấp hành các qui tắc sinh hoạt cộng đồng
 - + Không ai được tự ý bóc, mở, kiểm soát, thu giữ thư từ, điện thoại, ... của người khác trừ trường hợp theo qui định của pháp luật
 - + Công dân ngoài hưởng quyền còn phải thực hiện nghĩa vụ đối với xã hội, nhà nước như: đi nghĩa vụ quân sự, ...
 - + Công dân có quyền tự do ngôn luận trong đó có trẻ em có quyền bày tỏ ý kiến của mình về các vấn đề liên quan đến trẻ em, ..
 - +

=> Tóm lại là công dân có quyền và đồng thời phải thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và xã hội theo qui định của pháp luật, và tôn trọng quyền của người khác... b, Là học sinh em đã được hưởng quyền như:

- + Quyền được học tập.
- + Quyền tự do ngôn luận.
- + Quyền phát triển.
- + Quyền sáng tạo.
- + Quyền bảo vệ tính mạng và sức khỏe.

- Là học sinh em phải thực hiện các nghĩa vụ cơ bản của công dân như:

- + Nghĩa vụ bảo vệ môi trường
- + Nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc +
- Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật + Nghĩa vụ học tập.

- Em đã chăm chỉ học tập, rèn luyện đạo đức, bảo vệ môi trường... để thực hiện đúng nghĩa vụ đó.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức chia nhóm, các nhóm cùng nhau thực hiện 2 nhiệm vụ trong sách giáo khoa a) <i>Em hãy xác định những bạn đã thực hiện đúng, ai thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân? Vì sao?</i> b) <i>Là học sinh em đã được hưởng quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ cơ bản của công dân? Em đã làm gì để thực hiện đúng các nghĩa vụ đó?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm, ghi lại các kết quả của nhóm - GV theo dõi, hướng dẫn HS, phát hiện các kết quả khác nhau của các nhóm. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên yêu cầu một số nhóm báo cáo trả lời kết quả làm việc của mình - Giáo viên lựa chọn những ví dụ trùng nhau những ví dụ điển hình nhất để tổng hợp khái quát Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... <i>Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân. Công dân được hưởng các quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ do Nhà nước quy định. Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác. - Việc thực hiện quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. - Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội.</i>	2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân - Các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
--	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập

Bài tập 1: Em hãy tìm hiểu và ghi chép nội dung các quyền và nghĩa vụ cơ bản của những công dân được quy định trong Hiến Pháp 2013.

a. Mục tiêu: Biết vận dụng những kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn, qua đó

biết vận dụng các quyền và nghĩa vụ công dân

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân, cùng nhau tìm hiểu và ghi lại những kiến thức theo yêu cầu của câu hỏi vào vở của mình

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

- *Nội dung các quyền cơ bản của những công dân được quy định trong Hiến Pháp 2013:* + *Quyền được học tập.*

+ *Quyền tự do ngôn luận.*

+ *Quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước + Quyền tham gia quản lý nhà nước + Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí. + Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo +*

- *Nội dung các nghĩa vụ cơ bản của những công dân được quy định trong Hiến Pháp 2013:*

+ *Nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc.*

+ *Nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.*

+ *Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật.*

+ *Nghĩa vụ nộp thuế.*

+ *Nghĩa vụ bảo vệ môi trường.*

+ *Nghĩa vụ nghĩa vụ học tập.*

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS tự tìm hiểu kiến thức thông qua sách, tài liệu hoặc mạng xã hội **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc thông tin, làm việc cá nhân, có thể làm việc cá nhân hoặc cặp đôi để cùng nhau trao đổi

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời một số học sinh trả lời

- Trong quá trình trả lời yêu cầu các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

Bài tập 2: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: Biết vận dụng những kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn, biết

phân biệt các hành vi thực hiện đúng, hành vi thực hiện chưa đúng

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm tiến hành thực hiện dự án theo yêu cầu của giáo viên

Nhóm 1 nội dung a

Nhóm 2 nội dung b

Nhóm 3 nội dung c

Nhóm 4 nội dung d

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

a, Bạn Kim thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân. b, Bạn Thu chưa thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân vì chỉ học đối phó, chưa thật sự nỗ lực cố gắng nên do vậy kết quả học tập của Thu rất kém. c, Việc Nam thường quát mắng, dọa nạt và đánh em gái là không đúng, khi thấy em hay khóc và bày đồ chơi bừa bãi thì Nam nên dỗ dành em, giúp đỡ em...

d, Hưng đã tự ý bóc thư cô giáo gửi cho bố mẹ ra xem là sai, vi phạm quyền đảm bảo bí mật về thư tín, điện tín...của công dân.

d. Tổ chức thực hiện: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm, cùng đọc các nội dung và đưa ra quan điểm của mình về hành vi của các nhân vật trong tình huống

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm để đưa ra phương án trong từng trường hợp **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Giáo viên gọi một số học sinh đại diện cho các nhóm trình bày ý kiến, các học sinh khác bổ sung hoàn thiện.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

Bài tập 3: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để đánh giá việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong các tình huống thực tiễn đời sống

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm, 2 nhóm sẽ cùng đọc và trả lời về 1 tình huống

Nhóm 1,2: Tình huống số 1

Nhóm 3,4: Tình huống số 2

c. Sản phẩm: Hoàn thành dự án học tập, báo cáo kết quả thực hiện trước lớp.

1. Theo đề mẹ không ngăn cản mình tham gia các hoạt động tập thể

Lan nên: + Giải thích cho bố mẹ biết lợi ích của việc tham gia các hoạt động tập thể...

+ Lan có thể nhờ trực tiếp thầy cô giáo nói chuyện với bố mẹ để bố mẹ tạo điều kiện cho bạn Lan tham gia các hoạt động tập thể phù hợp với độ tuổi, nhu cầu, năng lực của bạn ấy.

2.a, Em suy nghĩ Hà như làm vậy là chưa đúng, bởi ngoài việc học bạn còn phải biết phụ giúp bố mẹ làm những công việc nhà phù hợp với lứa tuổi,...

b, Theo em Hà thực hiện tốt bốn phận của trẻ em đối với bản thân, gia đình, nhà

trường và xã hội) như:

- + *Cần cố gắng học tập và rèn luyện đạo đức tốt*
- + *Biết phụ giúp bố mẹ*
- + *Thực hiện tốt nghĩa vụ của học sinh.*
- + *Tham gia các hoạt động của thôn xóm,...phù hợp với lứa tuổi.*

d. Tổ chức thực hiện: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm, cùng đọc các nội dung và đưa ra quan điểm của mình về hành vi của các nhân vật trong tình huống

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm để đưa ra phương án trong từng trường hợp

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đại diện cho các nhóm trình bày ý kiến, các học sinh khác bổ sung hoàn thiện.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

4. Hoạt động 4: Vận dụng

Bài tập 1: Em hãy vẽ bức tranh hoặc sưu tầm một câu chuyện thể hiện việc làm thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và thuyết minh về bức tranh đó. Từ bức tranh, em nêu suy nghĩ về quyền công dân của mình.

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng trong cuộc

sống, biết ứng xử phù hợp trong các trường hợp

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm tiến hành thực hiện dự án theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: Hoàn thành dự án học tập, báo cáo kết quả thực hiện trước lớp.

Bức tranh hoặc câu chuyện có nội dung thể hiện việc làm thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và thuyết minh về bức tranh đó

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh phân chia nhóm để thực hiện dự án học tập.
 - Đưa ra những yêu cầu và tiêu chí cụ thể để thực hiện dự án.
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ tại nhà trong thời gian quy định

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên ấn định thời gian các học sinh nộp sản phẩm, cách nộp sản phẩm và tổng kết dự án

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv tổng kết rút kinh nghiệm, có thể triển khai nhân rộng.

Bài tập 2: Em hãy viết khoảng nửa trang giấy về nghĩa vụ của học sinh và những việc làm để thực hiện nghĩa vụ đó?

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để đánh giá việc thực hiện

quyền và nghĩa vụ của công dân trong các tình huống thực tiễn đời sống

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân theo thời gian quy định
- Viết nội dung bài làm của mình vào vở

c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ học tập, báo cáo kết quả thực hiện trước lớp hoặc

chia sẻ với các bạn xung quang

- *Thứ nhất là nghĩa vụ học tập, để thực hiện nghĩa vụ này chúng ta cần làm những việc như:*

+ Chăm
học + Đi học
đầy đủ

+ Không bỏ tiết

+ Trung thực trong học tập.

+ *Đóng học phí đầy đủ, đúng kỳ hạn theo quy định của Trường.*

+....

- *Thứ hai là nghĩa vụ lao động, để thực hiện nghĩa vụ này chúng ta cần làm những việc như:*

+ *Tham gia lao động bảo vệ cảnh quan của trường, phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của nhà trường.*

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh làm bài tập tại nhà.
- Đưa ra những yêu cầu và tiêu chí cụ thể để nói về tấm gương học sinh tiêu biểu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ tại nhà trong thời gian quy định

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên ấn định thời gian các học sinh nộp sản phẩm, cách nộp sản phẩm và tổng kết dự án

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv tổng kết rút kinh nghiệm, có thể triển khai nhân rộng những tấm gương tiêu biểu

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm nội dung bài
- Hoàn thành các bài tập - Chuẩn bị chủ đề tiếp theo.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

TUẦN 30, 31: QUYỀN CƠ BẢN CỦA TRẺ EM

NGÀY SOẠN: 14/4/2024

TIẾT 30, 31: QUYỀN CƠ BẢN CỦA TRẺ EM

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Về kiến thức:

- Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

** Năng lực giao tiếp và hợp tác:*

- Đánh giá được nguyện vọng, khả năng của từng thành viên trong nhóm để đề xuất phương án tổ chức hoạt động hợp tác.

- Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

- Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, của từng thành viên trong nhóm và của cả nhóm trong công việc.

- * Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được các quyền trẻ em và ý nghĩa của quyền trẻ em.

- Nhận biết được mục đích, nội dung, phương thức giao tiếp và hợp tác trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn đề học tập, sinh hoạt hằng ngày.

- * Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội:* Tích cực tham gia các hoạt động nhằm thực hiện quyền trẻ em.

3. Về phẩm chất:

- * Nhân ái:* Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động để bảo vệ quyền trẻ em.

- * Chăm chỉ:* Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.

- * Trách nhiệm:* Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động để bảo vệ quyền trẻ em.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- 1. Thiết bị dạy học:** Kế hoạch bài dạy, màn hình, giấy A0, tranh ảnh
- 2. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân* 6, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.

- Học sinh bước đầu nhận biết được các nhóm quyền cơ bản của trẻ em.
- Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu: Các quyền cơ bản của trẻ em.

b. Nội dung:

Hs lắng nghe video bài hát “*Quyền trẻ em*” (Trịnh Vĩnh Thành) và trả lời các câu hỏi.

Cùng nghe bài hát “*Quyền trẻ em*” (sáng tác: Trịnh Vĩnh Thành).

Em hãy ghi lại các quyền trẻ em được nhắc tới trong bài hát?

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của học sinh.

Sau khi nghe bài hát “*Quyền trẻ em*” (sáng tác: Trịnh Vĩnh Thành), nội dung bài hát có nhắc đến các quyền như:

- + Quyền được chăm lo
- + Quyền bảo vệ
- + Quyền được tham gia
- + Quyền được đến trường
- + Quyền được vui chơi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV cho học sinh nghe bài hát và trả lời câu hỏi

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS lắng nghe bài hát, chú ý các câu từ thể hiện các quyền của trẻ em để trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học trả lời câu hỏi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Nội dung bài hát này đã đề cập đến một số quyền của trẻ em như: quyền được chăm lo, quyền được bảo vệ, quyền được tham gia, quyền được đến trường, quyền được vui chơi. Đây là những quyền mà mỗi trẻ em đều được hưởng.

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu các nhóm quyền cơ bản của trẻ em

a. Mục tiêu:

- HS nêu được bốn nhóm quyền cơ bản của trẻ em.
- HS giải thích được vì sao trẻ em cần phải có bốn nhóm quyền cơ bản

b. Nội dung:

- Giáo viên tổ chức chia nhóm cho học sinh làm việc
- GV giao nhiệm vụ cho học sinh quan sát tranh, thông tin, hình ảnh, tình huống

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi để hướng dẫn học sinh tìm hiểu về các nhóm quyền cơ bản của trẻ em.

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm

Nhóm quyền được sống còn	Nhóm quyền được bảo vệ	Nhóm quyền được phát triển	Nhóm quyền được tham gia
+ Quyền được khai sinh + Quyền nuôi dưỡng + Quyền chăm sóc sức khỏe.	+ Quyền được bảo vệ bóc lột sức lao động + Quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục + Quyền được bảo vệ để không bị bắt cóc + Quyền bí mật về đời sống riêng tư + Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực	+ Quyền học tập + Quyền vui chơi, giải trí + Quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo + Quyền phát triển năng khiếu.	+ Quyền được phát biểu ý kiến thể hiện quan điểm của mình + Quyền được kết giao bạn bè

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu về nội dung cơ bản của một nhóm quyền, và tìm được bức ảnh tương ứng với nhóm quyền của mình <i>Nhóm 1: Nhóm quyền được sống còn</i> <i>Nhóm 2: Nhóm quyền được bảo vệ</i> <i>Nhóm 3: Nhóm quyền được phát triển</i> <i>Nhóm 4: Nhóm quyền được tham gia</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS chia thành các nhóm phù hợp. - Các nhóm tìm hiểu nội dung của nhóm mình, quan sát bức tranh để có thể biết được bức tranh nào ứng với nhóm quyền của mình Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên yêu cầu các nhóm lần lượt trình bày kết quả của mình - Các nhóm khác bổ sung hoàn thiện Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	I. Khám phá 1. Tìm hiểu các nhóm quyền cơ bản của trẻ em: + Nhóm quyền sống còn: là những quyền được sống và được đáp ứng các nhu cầu cơ bản để tồn tại như được nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe. + Nhóm quyền bảo vệ: là những quyền nhằm bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức phân biệt đối xử, bị bỏ rơi, bị bóc lột và xâm hại. + Nhóm quyền phát triển: là những quyền được đáp ứng các nhu cầu cho sự phát triển một cách toàn

+ Nhóm quyền được sống còn của trẻ em bao gồm quyền của trẻ em được sống cuộc sống bình thường và được đáp ứng những nhu cầu cơ bản nhất để tồn tại và phát triển thể chất. + Nhóm quyền được bảo vệ của trẻ em là những quyền nhằm bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức phân biệt đối xử, bị bỏ rơi, bóc lột, xâm hại, + Nhóm quyền được phát triển của trẻ em là nhóm quyền nhằm đáp ứng các nhu cầu cho trẻ em được phát triển một cách toàn diện. + Nhóm quyền được tham gia của trẻ em là những quyền nhằm đảm bảo cho trẻ em được tham gia vào các vấn đề liên quan đến bản thân bằng những cách thức phù hợp với nhận thức và độ tuổi.	diện như được học tập, được vui chơi giải trí, tham gia các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, + Nhóm quyền tham gia: là những quyền được tham gia vào những công việc có ảnh hưởng đến cuộc sống của trẻ em như được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của mình.
---	--

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu ý nghĩa của quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em

a. Mục tiêu:

- HS giải thích được ý nghĩa của quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em.

b. Nội dung:

- GV cho học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi, cùng nhau đọc các thông tin và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

a, Theo em quyền trẻ em có ý nghĩa rất quan trọng, là điều kiện cần thiết để cho trẻ em được sống, được phát triển trong bầu không khí hạnh phúc, yêu thương, an toàn, lành mạnh, bình đẳng; được tham gia vào các hoạt động xã hội; được phát triển đầy đủ, toàn diện về thể chất và tinh thần.

b, Theo em, nếu quyền trẻ em không được thực hiện thì dẫn đến:

+ Trẻ em sẽ phải đối diện với nguy cơ mất an toàn, ảnh hưởng đến quyền được sống, được phát triển của bản thân

+ Tình trạng bất bình đẳng và tệ nạn xã hội không ngừng gia tăng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của các quốc gia và toàn thế giới.

+....

=> Do đó các quốc gia và toàn thế giới cần có sự quan tâm và quán triệt việc thực hiện quyền trẻ em.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi thực hiện 2 nhiệm vụ trong sách giáo khoa a) Em hãy cho quyền trẻ em có ý nghĩa như thế nào? b) Theo em, điều gì sẽ xảy ra nếu quyền trẻ em không được thực hiện? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập	2. Ý nghĩa của quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em: - Quyền trẻ em là điều kiện cần thiết để trẻ em được phát triển đầy đủ, toàn diện về thể chất và tinh thần - Bốn phẩm của trẻ em: yêu quý, kính trọng, hiếu thảo

- HS đọc thông tin, làm việc theo cặp đôi, ghi lại các kết quả của mình - GV theo dõi, hướng dẫn HS, phát hiện các kết quả khác nhau của các HS. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên yêu cầu một số HS báo cáo trả lời kết quả làm việc của mình - Giáo viên lựa chọn những ví dụ trùng nhau những ví dụ điển hình nhất để tổng hợp khái quát Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... Quyền trẻ em thể hiện sự tôn trọng quan tâm, bảo vệ của cộng đồng quốc tế và mỗi quốc gia đối với trẻ em. Đây là điều kiện cần thiết để trẻ em được phát triển đầy đủ, toàn diện cả về thể chất và tinh thần, Quyền trẻ em đảm bảo cho trẻ em được sống được phát triển trong bầu không khí hạnh phúc, yêu thương, an toàn và bình đẳng. Thực hiện quyền trẻ em cũng là sự đảm bảo cho tương lai tươi đẹp của đất nước và của toàn nhân loại.	với ông bà, cha mẹ; kính trọng thầy, cô giáo; lễ phép với người lớn, thương yêu em nhỏ, đoàn kết với bạn bè giúp đỡ gia đình và những người gặp khó khăn theo khả năng của mình; chăm chỉ học tập, rèn luyện thân thể; sống khiêm tốn, trung thực và có đạo đức, tôn trọng pháp luật; tuân theo nội quy của nhà trường; tôn trọng, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; yêu quê hương, đất nước, yêu đồng bào, có ý thức xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và đoàn kết quốc tế...
---	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập

Bài tập 1: Trò chơi "Tiếp sức" kể về bốn nhóm quyền của trẻ em

Mỗi nhóm lựa chọn một trong bốn nhóm quyền của trẻ em (quyền được sống còn, quyền được bảo vệ, quyền được phát triển, quyền được tham gia) để kể về từng quyền cụ thể của trẻ em ở nhóm quyền đó.

a. Mục tiêu: Biết được các quyền của trẻ em tương ứng với 4 nhóm quyền cơ bản

b. Nội dung:

- Học sinh tham gia chơi trò chơi
- Giáo viên tổ chức cho học sinh thành các đội, 4 đội các đội trong một thời gian nhất định cùng nhau kể các quyền trong mỗi nhóm quyền của trẻ em

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Học sinh chủ động tìm ra được các quyền tương ứng với 4 nhóm quyền cơ bản của trẻ em

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS chơi trò chơi

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các đội chơi lần lượt các thành viên nối tiếp nhau lên kể các quyền

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên tổng hợp kết quả làm việc của các nhóm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

Bài tập 2: Em hãy sắp xếp các quyền cụ thể của trẻ em dưới đây theo bốn nhóm quyền theo bảng mẫu

Nhóm quyền được sống còn	Nhóm quyền được bảo vệ	Nhóm quyền được phát triển	Nhóm quyền được tham gia

a. Mục tiêu: Biết vận dụng những kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn, biết phân biệt các hành vi thực hiện đúng, hành vi thực hiện chưa đúng

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm hoàn thành sản phẩm vào phiếu học tập

- Cả 4 nhóm cùng hoàn thành sản phẩm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Nhóm quyền được sống còn	Nhóm quyền được bảo vệ	Nhóm quyền được phát triển	Nhóm quyền được tham gia
b, g, h	e, l	a, c, i	d, k

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm, cùng đọc các nội dung và hoàn thành sản phẩm học tập

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm để đưa ra phương án trong từng trường hợp

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đại diện cho các nhóm trình bày ý kiến, các học sinh khác bổ sung hoàn thiện.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

Bài tập 3: Em hãy kể một tấm gương thực hiện tốt quyền trẻ em. Em học được điều gì từ tấm gương đó.

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để đánh giá việc thực hiện quyền trẻ em trong các tình huống thực tiễn đời sống

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân, tự mình tìm hiểu, suy nghĩ và hoàn thành bài tập vào vở

c. Sản phẩm: Hoàn thành dự án học tập, báo cáo kết quả thực hiện trước lớp.

- *Biết kể được những tấm gương về thực hiện tốt quyền trẻ em, có ý thức học tập từ những tấm gương đó*

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, tìm những nhân vật điển hình tiêu biểu.

- Chú trọng những phẩm chất tốt đẹp cần học tập ở những tấm gương đó

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ tìm tòi và viết bài về tấm gương đó

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đại diện trình bày ý kiến, so sánh với các học sinh khác

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

Bài tập 4: Bố mẹ mua cho Quân rất nhiều sách tham khảo, Quân không thích đọc nên mang sách cho bạn. Khi biết chuyện, bố mẹ rất tức giận và đã mắng Quân. Quân cảm thấy rất áy náy vì cho rằng mình là trẻ em nên có quyền cho bạn sách, bố mẹ không được phản đối.

a) Quân hiểu về quyền trẻ em trong tình huống này là đúng hay sai? Vì sao?

b) Nếu là Quân em sẽ ứng xử như thế nào?

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để đánh giá việc thực hiện quyền trẻ em trong các tình huống thực tiễn đời sống

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân, tự mình tìm hiểu, suy nghĩ và hoàn thành bài tập vào vở

c. Sản phẩm: Hoàn thành dự án học tập, báo cáo kết quả thực hiện trước lớp.

- Biết cách ứng xử phù hợp với các tình huống trong thực tiễn cuộc sống

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc câu chuyện và trả lời được câu hỏi.

a) Quân hiểu về quyền trẻ em trong tình huống này là đúng hay sai? Vì sao?

b) Nếu là Quân em sẽ ứng xử như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi, chú ý cách xử lý tình huống

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đại diện trình bày ý kiến, so sánh với các học sinh khác

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

4. Hoạt động 4: Vận dụng

Bài tập 1: Em hãy sưu tầm hoặc vẽ tranh về quyền trẻ em và chia sẻ bức tranh đó?

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng trong cuộc sống, biết ứng xử phù hợp trong các trường hợp

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm, các nhóm tiến hành thực hiện dự án theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: Hoàn thành dự án học tập, báo cáo kết quả thực hiện trước lớp.

Bức tranh hoặc câu chuyện có nội dung thể hiện việc làm thực hiện tốt quyền trẻ em và thuyết minh về bức tranh đó

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh phân chia nhóm để thực hiện dự án học tập.
- Đưa ra những yêu cầu và tiêu chí cụ thể để thực hiện dự án.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ tại nhà trong thời gian quy định

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên ấn định thời gian các học sinh nộp sản phẩm, cách nộp sản phẩm và tổng kết dự án

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv tổng kết rút kinh nghiệm, có thể triển khai nhân rộng.

Bài tập 2: Em hãy viết thư tư vấn cho một bạn hay bị bố đánh và đe dọa nghỉ học để giúp bạn được hưởng các quyền cơ bản của trẻ em?

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để đánh giá, có cách ứng xử phù hợp trong các tình huống thực tiễn

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân theo thời gian quy định
- Viết nội dung bài làm của mình vào vở

c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ học tập, báo cáo kết quả thực hiện trước lớp hoặc chia sẻ với các bạn xung quang

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh làm bài tập tại nhà.
- Đưa ra những yêu cầu và tiêu chí cụ thể để nói về tấm gương học sinh tiêu biểu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ tại nhà trong thời gian quy định

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên ấn định thời gian các học sinh nộp sản phẩm, cách nộp sản phẩm và tổng kết dự án

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv tổng kết rút kinh nghiệm, có thể triển khai nhân rộng những tấm gương tiêu biểu

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Nắm các quyền cơ bản của trẻ em.
- Hoàn thành các bài tập
- Chuẩn bị bài: “Ôn tập học kì II”

TUẦN 32

NGÀY SOẠN: 24/4/2024

TIẾT 32: ÔN TẬP CUỐI HKII

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ 2 lớp 6; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình
- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống. Từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

1. Năng lực:

Năng lực tự học và tự chủ: Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những giá trị kỹ năng cơ bản để tự bảo vệ bản thân, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân, thực hiện đúng quyền trẻ em

Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm nâng cao năng lực thích ứng trước các tình huống nguy hiểm, cũng như thực hiện đúng trách nhiệm của công dân

2. Phẩm chất:

Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra cuối kỳ để đạt kết quả cao

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.

HSKT: Nắm những kiến thức ôn tập đơn giản của các bài ôn

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- Ti vi, kế hoạch bài dạy, bảng phụ, sgk, sgv.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhớ lại những kiến thức cơ bản đã học trong kỳ 1

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “nhanh

tay nhanh mắt”

Em hãy nhắc lại những kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài số 6 ***d. Tổ chức thực hiện:***

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “nhạy tay nhanh mắt” Luật chơi:
- Chia lớp thành 2 nhóm: Nhóm A và B. Trong vòng 5 phút các em lần lượt lên bảng những đơn vị kiến thức mà mình đã được học
- Đại diện nhóm lên trình bày những sản phẩm mà nhóm mình tìm được.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tiến hành chia nhóm, phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm - Các thành viên tham gia làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Các học sinh trong nhóm lần lượt lên trình bày
- Học sinh cử đại diện nhóm lần lượt trình bày các câu trả lời.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, về mặt nhận thức của học sinh đối với các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Vẽ sơ đồ tư để củng cố lại các đơn vị kiến thức

đã học a. Mục tiêu:

- HS củng cố lại được các đơn vị kiến thức đã học trong các bài

7,8,9,10,11,12. **b. Nội dung:**

- GV cho học sinh thảo luận nhóm mỗi nhóm sẽ tiến hành vẽ sơ đồ tư duy cho 1 bài - Học sinh làm việc theo nhóm trước tại nhà

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được những đơn vị kiến thức cơ bản của từng bài để củng cố bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho học sinh chuẩn bị trước tại nhà theo các nhóm <i>Nhóm: 1_ Bài 8: Tiết kiệm.</i> <i>Nhóm: 2_ Bài 9: Công dân nước cộng hòa XHCN Việt Nam</i> <i>Nhóm: 3_ Bài 10: Thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân.</i> <i>Nhóm: 4_ Bài 11: Quyền trẻ em.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm, các nhóm trình bày ra tờ giấy A0 để chuẩn bị trình bày vào tiết sau - Khuyến khích các cách trình bày sáng tạo và độc đáo Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình. - Giáo viên đánh giá kết quả của từng nhóm Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....	Kiến thức cơ bản <i>Bài 8: Tiết kiệm.</i> <i>Bài 9: Công dân nước cộng hòa XHCN Việt Nam</i> <i>Bài 10: Thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân.</i> <i>Bài 11: Quyền trẻ em.</i>
---	--

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Luyện tập câu hỏi trắc nghiệm và tình huống a. Mục tiêu:

- HS biết vận dụng kiến thức vào làm bài tập cụ thể - Giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tiễn **b. Nội dung:**

- GV cho học sinh làm việc cá nhân, các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh trả lời được câu hỏi, biết vận dụng các kiến thức để có thể giải quyết các tình huống trong thực tiễn

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm một số bài tập dưới đây

Câu 1: Tiết kiệm là sử dụng một cách hợp lý, đúng mức

A. thời gian, tiền bạc.

B. các truyền thống tốt đẹp.

C. các tư tưởng bảo thủ

D. lối sống thực dụng.

Câu 2: Công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người

A. có Quốc tịch Việt Nam

B. sinh sống ở Việt Nam.

C. đến Việt Nam du lịch.

D. hiểu biết về Việt Nam

Câu 3: Nội dung nào sau đây thể hiện quy định của pháp luật về sự bình đẳng của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội?

A. Bí mật xác lập di chúc thừa kế.

B. Tìm hiểu loại hình dịch vụ.

C. Lựa chọn giao dịch dân sự.

D. Tham gia bảo vệ an ninh quốc gia.

Câu 4: Nội dung nào sau đây thể hiện quy định của pháp luật về sự bình đẳng của công dân trong việc thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước và pháp luật?

A. Tự chuyển quyền nhân thân.

B. Công khai gia phả dòng họ.

C. Nộp thuế theo luật định.

D. Chia sẻ bí quyết gia truyền.

Câu 5: Những lợi ích cơ bản mà trẻ em được hưởng và được Nhà nước bảo vệ là nội dung khái niệm

A. Quyền lợi cơ bản của trẻ em.

B. Trách nhiệm cơ bản của trẻ em

C. Bốn phạm cơ bản của trẻ em.

D. Nghĩa vụ cơ bản của trẻ em.

Câu 6: Quyền nào dưới đây **không** thuộc nhóm quyền được bảo vệ của trẻ em? A. Quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục.

B. Quyền được bảo vệ để không bị bắt cóc.

C. Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực D. Quyền được nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe.

Câu 7: Công ước quốc tế của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và căn cứ Luật Trẻ em năm 2016. Theo đó, quyền cơ bản của trẻ em được chia làm mấy nhóm cơ bản?

A. Ba nhóm cơ bản. B. Bốn nhóm cơ bản. C. Sáu nhóm cơ bản. D. Mười nhóm cơ bản.

Câu 8: Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em ra đời năm nào?

A. 1989.

B. 1998.

C. 1986.

D. 1987.

Câu 9: Quyền nào dưới đây **không** thuộc nhóm quyền sống còn của trẻ em? A. Quyền được khai sinh. B. Quyền nuôi dưỡng .

C. Quyền chăm sóc sức khỏe.

D. Quyền tự do ngôn luận.

Câu 12: Thực hiện quyền trẻ em là trách nhiệm của

A. cá nhân, gia đình, nhà trường và xã hội. B. cá nhân đó và toàn thể gia đình dòng họ.

C. tất cả các gia đình, nhà trường và xã hội. D. tất cả các gia đình và tổ chức trong xã hội.

Câu 13: Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm của học sinh chúng ta khi thực hiện quyền trẻ em?

- A. Chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ em.
- B. Đảm bảo môi trường học tập an toàn cho học sinh.
- C. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quyền trẻ em.
- D. Ủng hộ những hành vi thực hiện đúng quyền trẻ em.

Câu 14: Khi thực hiện quyền trẻ em mỗi gia đình cần phải tránh việc làm nào dưới đây? A. Tiến hành khai sinh cho trẻ. B. Chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- C. Tạo điều kiện, cho trẻ học tập.
- D. Nuôn chiều mọi yêu cầu của trẻ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc câu hỏi, ghi kết quả làm bài vào vở
- Trao đổi thảo luận với các bạn xung quang về kết quả làm bài của mình

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu các học sinh trả lời kết quả làm bài của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

3. Hoạt động 3: Định hướng làm bài kiểm tra định kỳ

a. Mục tiêu bài kiểm tra: Học sinh bước đầu hình dung được yêu cầu, mục đích,

nhiệm vụ của bài kiểm tra định kỳ. Có kế hoạch ôn tập để làm bài kiểm tra hiệu quả **b. Nội dung kiểm tra** - Phổ biến nội dung kiểm tra

- Hình thức kiểm tra
- Thời gian kiểm tra
- Biểu điểm và các quy định đối với bài kiểm tra **c. Giới hạn kiểm tra:**

Kiến thức cơ bản

Bài 8: Tiết kiệm.

Bài 9: Công dân nước cộng hòa XHCN Việt

Nam *Bài 10:* Thực hiện quyền và nghĩa vụ

công dân. *Bài 11:* Quyền trẻ em.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Ôn tập các kiến thức đã học.
- Chuẩn bị: Kiểm tra cuối HKII

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....
.....

TUẦN 33 NGÀY SOẠN: 5/5/2024 TIẾT 33: KIỂM TRA CUỐI HKII
--

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Biết thế nào là tiết kiệm, ý nghĩa của tiết kiệm.
- Biết cơ sở để trở thành công dân nước CHXHCNVN.
- Biết khái niệm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, các nhóm quyền và nghĩa vụ công dân.
- Hiểu các nhóm quyền trẻ em.
- Kỹ năng giải quyết các tình huống hướng liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân, quyền trẻ em.
- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp, biết quan tâm, chia sẻ với mọi người;
- Giáo dục ý thức tự giác, nghiêm túc trong kiểm tra.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Hình thức: Trắc nghiệm + Tự luận
 - Cách tổ chức kiểm tra: Cho HS làm bài 45 phút.
- (Có đề kèm theo)

HSKT: Trả lời được 5 câu TN ĐẠT

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....
.....

TUẦN 34+35 NGÀY SOẠN: 12/5/2024 TIẾT 34+35: THỰC HIỆN QUYỀN TRẺ EM

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

- Trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em.
- Những hành vi thực hiện đúng và những hành vi vi phạm quyền trẻ em.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được các quyền trẻ em, tích cực tham gia thực hiện quyền trẻ em của bản thân thành những việc làm phù hợp lứa tuổi.

Năng lực phát triển bản thân: Biết vận dụng các quyền trẻ em để thực hiện các việc làm của bản thân một cách phù hợp để hoàn thiện bản thân mình.

3. Về phẩm chất

Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền trẻ em cơ bản của bản thân, tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt quyền của trẻ em.

Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tôn trọng lẽ phải, bảo vệ điều hay, lẽ phải công bằng trong nhận thức, ứng xử.

HSKT: Nhận biết trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em; nhận biết hành vi đúng và vi phạm quyền trẻ em.

***Tích hợp quyền con người:** Tranh ảnh về quyền của trẻ em

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Ti vi, kế hoạch bài dạy, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế học tập, hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết về trách nhiệm thực hiện quyền trẻ em để chuẩn bị vào bài học mới.
- Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu: Ai sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo quyền trẻ em?

b. Nội dung: Học sinh cùng nghe bài hát “Dấu chấm hỏi” (sáng tác: Thế Hiển).

c. Sản phẩm:

- Khi nghe bài hát “Dấu chấm hỏi” (sáng tác: Thế Hiển). Em thấy bạn nhỏ mồ côi trong bài hát không được hưởng đầy đủ quyền mà đáng lẽ trẻ em đáng được hưởng như:

- + Quyền nuôi dưỡng
- + Quyền chăm sóc, bảo vệ
- + Quyền học tập
- + Quyền được vui chơi

- Theo em, để chịu trách nhiệm bảo vệ quyền trẻ em của bạn nhỏ này gồm có:

- + Bố mẹ
- + Gia đình hai bên nội ngoại
- + Nhà trường
- + Xã hội....

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua tìm hiểu bài hát “Dấu chấm hỏi” (sáng tác: Thế Hiển).

Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi:

Câu 1: Bạn nhỏ trong bài hát không được hưởng những quyền nào của trẻ em?

Câu 2: Ai sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo quyền trẻ em cho bạn nhỏ ấy?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

Câu 1: Bạn nhỏ trong bài hát không biết bố mẹ mình là ai, không có nhà ở, không được ai nuôi dưỡng, chăm sóc, không được đi học, không được ăn no, không được bảo vệ.

Câu 2: Có nhiều tổ chức cá nhân phải chịu trách nhiệm đảm bảo quyền trẻ em cho bạn nhỏ là: bố mẹ, nhà trường, nhà nước, công an, các tổ chức xã hội...

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học

Ngoài xã hội vẫn còn nhiều mảnh đời bất hạnh, nhiều trẻ em không được sống trong yêu thương, chăm sóc, không được hưởng đầy đủ quyền trẻ em. Để trẻ em được sống, được học tập, được phát triển đầy đủ cần sự giúp đỡ, hỗ trợ của mỗi cá nhân, gia đình, nhà trường và toàn xã hội.

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền trẻ em

HSKT: Nhận biết trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em

a. Mục tiêu:

- Phân tích và chỉ ra của học sinh trong việc thực hiện quyền trẻ em qua các tình huống.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc, tìm hiểu tình huống

a) Em hãy cho biết, trong các tình huống trên, bạn nào đã thực hiện đúng, bạn nào thực hiện chưa đúng quyền và bổn phận của trẻ em? Vì sao?

b) Theo em, học sinh có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm (Phiếu bài tập, phần tham gia trò chơi....)

a, Tình huống 1: Trong tình huống trên, bạn Long đã thực hiện đúng quyền và bổn phận của trẻ em. Vì:

+ Long biết chú Hưng hàng xóm đánh đập con trai mình là sai

+ Long rất thương em nên tìm cách để giúp đỡ em

+ Long còn nhỏ nên không thể can thiệp trực tiếp đã kể với bố và nhờ bố giúp đỡ em.

- Tình huống 2: Trong tình huống trên, bạn Lan đã thực hiện đúng quyền và bổn phận của trẻ em. Vì:

+ Lan đòi bố mua xe máy điện để đi học trong khi chưa đủ tuổi sử dụng.

+ Lan làm sai lại còn giận dỗi, nhịn ăn

- Tình huống 3: Trong tình huống trên, các bạn trong lớp đã thực hiện đúng quyền và bổn phận của trẻ em. Vì:

+ Các bạn đã biết động viên quan tâm giúp đỡ Hoàng

+ các bạn đã biết năng khiếu của Hoàng và động viên Hoàng tham gia, chuẩn bị cả trang phục thi cho bạn

b, Theo em, học sinh có trách nhiệm trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em như:

+ Tích cực chủ động thực hiện các quyền trẻ em để phát triển và bảo vệ phát triển bản thân một cách toàn diện

+ Đồng tình ủng hộ các hành vi thực hiện đúng quyền trẻ em và lên án, phê phán những hành vi vi phạm quyền trẻ em.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc những tình huống và trả lời câu hỏi: <i>Câu 1: Trong các tình huống, bạn nào đã thực hiện đúng, bạn nào thực hiện chưa đúng quyền và bổn phận của trẻ em. Vì sao?</i> <i>Câu 2: Học sinh có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?</i> + Giáo viên chia lớp thành ba nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một tình huống. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập + Hoạt động nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 3: báo cáo kết quả và thảo luận - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). - Trình bày kết quả làm việc cá nhân - Học sinh chơi trò chơi tiếp sức Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét phần trình bày nhóm bạn - Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.	1. Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em - Mỗi học sinh cần nắm rõ các quyền và bổn phận của mình, có thái độ tích cực, chủ động trong các việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em để bảo vệ và phát triển bản thân một cách toàn diện, đồng tình ủng hộ các hành vi thực hiện đúng quyền trẻ em và phê phán những hành vi vi phạm quyền trẻ em

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em

HSKT: nhận biết hành vi đúng và vi phạm quyền trẻ em.

a. Mục tiêu:

- Phân tích và chỉ ra trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em qua các tình huống.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc, tìm hiểu tình huống, trả lời câu hỏi

- Theo em gia đình, nhà trường, xã hội có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện quyền trẻ em.

- Các hành vi xâm phạm quyền trẻ em sẽ bị xử lý như thế nào

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi sách giáo khoa, phiếu bài tập và trò chơi tiếp sức ? Em đọc những tình huống dưới đây và trả lời câu hỏi: - Theo em gia đình, nhà trường, xã hội có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện quyền trẻ em. - Các hành vi xâm phạm quyền trẻ em sẽ bị xử lý như thế nào? + Giáo viên chia lớp thành bốn nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một tình huống. + Học sinh tìm hiểu tình huống rồi báo cáo theo nhóm Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS: + Nghe hướng dẫn. + Hoạt động nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 3: báo cáo kết quả và thảo luận - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). - Trình bày kết quả làm việc cá nhân - Học sinh chơi trò chơi tiếp sức Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét phần trình bày nhóm bạn - Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.	2. Trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em Gia đình: Tiến hành khai sinh, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em, tạo điều kiện, khuyến khích trẻ em tham gia các hoạt động học tập, vui chơi, giải trí, phát triển năng khiếu phù hợp, quản lý và bảo vệ trẻ em khỏi các nguy cơ bị xâm hại, bị lạm dụng, bị mua bán... - Nhà trường: quản lý, chăm sóc sức khỏe, giáo dục trẻ em, đảm bảo môi trường học tập an toàn cho học sinh... - Xã hội: đảm bảo các quyền trẻ em được thực hiện, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm quyền trẻ em, xây dựng, thực hiện các chính sách về quyền trẻ em, cung cấp các dịch vụ an toàn, bảo vệ quyền lợi của trẻ...

3. Hoạt động 3: Luyện tập

Bài tập 1: Em hãy nêu một số biểu hiện thực hiện tốt và chưa tốt quyền trẻ em ở gia đình, trường học, địa phương em?

a. Mục tiêu: HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được học, áp dụng kiến thức để làm bài tập. Có thái độ và hành vi phù hợp với những biểu hiện trong thực hiện quyền trẻ em

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi, cùng nhau suy nghĩ và hoàn thành bài tập vào vở

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Học sinh chủ động tìm ra được các biểu hiện thực hiện tốt, biểu hiện

thực hiện chưa tốt quyền trẻ em

Địa điểm	Biểu hiện thực hiện tốt quyền trẻ em	Biểu hiện thực hiện chưa tốt quyền trẻ em
Gia đình	- Chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ em - Tạo điều kiện cho trẻ phát triển năng khiếu - ...	- Bố mẹ không muốn cho con tham gia một số hoạt động tập thể sợ ảnh hưởng đến học hành - Trẻ em giằng dỗi bố mẹ, nhịn ăn, bỏ học...
Trường học	- Đảm bảo quyền học tập, vui chơi, giải trí, phát triển năng khiếu... của trẻ	- Học sinh đánh bạn - Học sinh trốn học
Địa phương	- Cung cấp các dịch vụ an toàn, bảo vệ quyền lợi của trẻ.	- Vẫn còn trẻ em lang thang cơ nhỡ, khó khăn...

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS làm việc cặp đôi, cùng nhau suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh suy nghĩ và hoàn thành bài tập, chú ý các biểu hiện sát với thực tiễn đang diễn ra

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày kết quả,

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

Bài tập 2: Em tán thành hoặc không tán thành ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

- Trẻ em có quyền được học tập, vui chơi giải trí, không cần làm gì.
- Trẻ em khuyết tật cũng được hưởng các quyền như những trẻ em khác.
- Cha mẹ có quyền ưu tiên, chiều chuộng con trai hơn con gái.
- Lôi kéo trẻ em vào con đường nghiện hút là sai trái.
- Cho con đi học hay không là quyền của cha mẹ.

a. Mục tiêu: Biết vận dụng những kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn, biết phân biệt các hành vi thực hiện đúng, hành vi thực hiện chưa đúng quyền trẻ em

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

a, Không hoàn toàn tán thành ý kiến này, vì trẻ em có quyền được học tập, vui chơi giải trí là thực hiện đúng quyền trẻ em. Nhưng bên cạnh đó trẻ em cũng nên tham gia giúp đỡ bố mẹ, gia đình những việc làm phù hợp với lứa tuổi.

b, Em tán thành, vì thực hiện đúng quyền trẻ em.

c, Em không tán thành vì thực hiện chưa đúng quyền trẻ em, có sự phân biệt nam nữ.

d, Em tán thành vì thực hiện đúng quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em tránh xa các tệ nạn xã hội..

e, Em không tán thành vì thực hiện chưa đúng quyền trẻ em, bởi trẻ em được quyền học tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, cùng đọc các nội dung và lý giải cho từng trường hợp cụ thể

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin, làm việc cá nhân để đưa ra phương án trong từng trường hợp

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến, các học sinh khác bổ sung hoàn thiện.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

Bài tập 3: Xử lý tình huống

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để đánh giá việc thực hiện quyền trẻ em trong các tình huống thực tiễn đời sống

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân, tự mình tìm hiểu, suy nghĩ và hoàn thành bài tập vào vở

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

1. Nếu là Quân em sẽ:

+ Bình tĩnh, nói nhẹ nhàng với bạn là mình không may, chứ không phải là cố ý, mong bạn tha lỗi

+ Còn việc bạn mắng chửi mình đó là bạn đang xúc phạm đến nhân phẩm danh dự của mình.

+ Bạn còn đe dọa đánh mình đó là xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng người khác.

+...

=> Mình mong bạn bình tĩnh, nếu nóng giận như thế này chúng ta sẽ mất đi một người bạn,...

2. Nếu là Lan, để bố đồng ý cho mình đi tham quan cùng các bạn em sẽ:

+ Nói về ý nghĩa của chuyến tham quan đó như: để học hỏi thêm kinh nghiệm bên ngoài và muốn trau dồi thêm kiến thức cho bản thân, con cũng có quyền được vui chơi.

+ Nói với bố mẹ em rằng muốn đi, mình đã lớn rồi có thể tự chăm sóc và bảo vệ bản thân. Hơn nữa còn có sự quản lý, tổ chức của nhà trường, cô giáo chủ nhiệm nên bố yên tâm..

+ Có thể nhờ người thân hoặc cô giáo chủ nhiệm nói giúp....

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc kỹ và trả lời câu hỏi của mỗi tình huống

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ tìm tòi giải quyết từng tình huống

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đại diện trình bày ý kiến, so sánh với các học sinh khác

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

4. Hoạt động 4: Vận dụng

Bài tập 1:

- Cho HS quan sát tranh: Nêu nhận xét về những việc làm trong tranh của những người xung quang với trẻ em.



- Bằng những hiểu biết của bản thân ghi lại những việc trẻ em nên làm và không nên làm để phòng chống nguy cơ xâm hại trẻ em theo bảng sau:

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng trong cuộc sống, biết ứng xử phù hợp trong các trường hợp

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, hoàn thành bài tập ra vở theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: Hoàn thành dự án học tập, báo cáo kết quả thực hiện trước lớp.

Việc trẻ em nên làm để phòng chống nguy cơ xâm hại trẻ em	Việc trẻ em không nên làm để phòng chống nguy cơ xâm hại trẻ em
- Ra khỏi nhà cần xin phép người lớn. - Cha mẹ nhờ ai đón hộ nên có “mật mã” để trao đổi với trẻ, tránh bắt cóc. - Nếu ai ngỏ ý nhờ giúp đỡ, phải chạy đi báo người lớn, công an, cảnh sát vì bản thân không đủ khả năng làm việc này. - Thuộc số điện thoại của người thân; - Khi thấy ai đó khả nghi đi theo thì hét “cứu con với” sau đó vùng bỏ chạy.	- Không tiếp xúc với người lạ - Tuyệt đối không nhận quà của người lạ. - Không nên tò mò tụ tập tại những nơi công cộng; - Không đi một mình khi trời tối... - Không cho ai động vào phần kín của mình. -....

-....

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, cùng nhau suy nghĩ và hoàn thành phiếu học tập theo mẫu

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ tại nhà trong thời gian quy định

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên ấn định thời gian các học sinh nộp sản phẩm, cách nộp sản phẩm và tổng kết dự án

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv tổng kết rút kinh nghiệm, có thể triển khai nhân rộng.

Bài tập 2: Em hãy tự nhận xét việc thực hiện bốn phần của mình đối với gia đình, thầy cô giáo. Điều gì em đã thực hiện tốt và điều gì em chưa thực hiện tốt? Hãy xây dựng kế hoạch rèn luyện để khắc phục những điều chưa tốt theo bảng mẫu?

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng trong cuộc sống, biết ứng xử phù hợp trong các trường hợp

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, hoàn thành bài tập ra vở theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: Hoàn thành dự án học tập, báo cáo kết quả thực hiện trước lớp.

Đối tượng	Việc đã thực hiện tốt	Việc chưa thực hiện tốt	Kế hoạch rèn luyện
Gia đình	- Biết vâng lời ông bà, cha mẹ - Biết giúp đỡ ông bà, cha mẹ những việc phù hợp với lứa tuổi. -....	- Chưa biết tiết kiệm tiền cho bố mẹ vì dùng tiền chơi điện tử. - Còn hay la mắng em, khi em khóc -....	- Tập trung học tập, không la cà tụ tập bạn bè chơi điện tử - Yêu thương em hơn -....
Thầy, cô giáo	- Chăm ngoan, học giỏi - Tích cực xây dựng bài trong lớp -....	- Chưa mạnh dạn góp ý với thầy cô giáo...	- Lễ phép, kính trọng nhưng gần gũi thầy cô, mạnh dạn nói suy nghĩ của mình...

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, cùng nhau suy nghĩ và hoàn thành phiếu học tập theo mẫu

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ tại nhà trong thời gian quy định

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên ấn định thời gian các học sinh nộp sản phẩm, cách nộp sản phẩm và tổng kết dự án

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv tổng kết rút kinh nghiệm, có thể triển khai nhân rộng.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Hệ thống các nội dung đã học.
- Hình thành kiến thức, năng lực và phẩm chất sau chương trình.
- Đọc, tìm hiểu tài liệu về các nội dung đã học.

*** RÚT KINH NGHIỆM:**

.....

...

